

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

Phát hành mỗi kỳ hai tháng / Edition bimestrielle Số N. 13 04/2003

MÙA PHẬT ĐẢN - LA FÊTE VESAK 2547

Vô tâm vô khả đắc
Thuyết đắc bất danh pháp
Nhược liễu tâm phi tâm
Thuỷ liễu tâm tâm pháp.

*Không tâm không thể đắc
Nói đắc chẳng gọi là pháp
Nếu rõ tâm chẳng phải tâm
Trước hết rõ tâm tâm pháp.*

Tổ thứ sáu Di Giá Ca Tôn Giả.

C'est impossible de s'illuminer, sans
l'esprit
Dire d'être illuminé ne signifie pas le
Dharma
Si on comprend que l'esprit n'est pas
l'esprit
Il faut d'abord comprendre que l'esprit
c'est l'esprit du Dharma.

Sixième Patriarche Di Gia Ca.

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

Mục Lục / Sommaire

<p><input type="checkbox"/> Tờ Phật pháp / La Revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ hai tháng / Edition bimestrielle.</p> <p><input type="checkbox"/> Chủ Nhiệm / Directeur de publication : Thích Minh Định.</p> <p><input type="checkbox"/> Kỹ thuật máy vi tính / Technicien de l'ordinateur : Đỗ Lưu Vương.</p> <p><input type="checkbox"/> Phụ tá đánh máy : Ngô Trí Tuệ, Chú Hoàng Minh, Trần Xuân Tiến, Cô Hiếu Thảo, Anh Nguyễn Khắc Xương, Cô Hạnh.</p> <p><input type="checkbox"/> Les correcteurs des textes en français : Pan Xin Ya, Vilcoq Viviane, Nguyễn Chiém Khoa, Lý Thị Minh Nguyệt.</p> <p><input type="checkbox"/> Ban phát hành : Nguyễn Quang Lý, Anh Chị Phạm Tấn Lộc, Lê Văn Thọ, Ngô Trí Tuệ, Cô Vi, Anh chị Lethong Savanh Hảo, Cô Cẩm Vân, Fahmat Fakine, Nguyễn Thị Kim Liên.</p> <p><input type="checkbox"/> Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật pháp do ban phiên dịch Chùa Kim Quang / Les Sutras publiés dans la revue Bouddhadharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.</p> <p><input type="checkbox"/> Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng.</p> <p><input type="checkbox"/> La revue Bouddhadharma publie principalement les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la voie du Bouddha.</p> <p><input type="checkbox"/> Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang.</p> <p><input type="checkbox"/> Mọi chi tiết xin liên lạc về : Chùa/Pagode Kim Quang 8 B rue Fontaine 93000 Bobigny - France Tel./fax : 01.48.50.98.66 kimquang@free.fr kimquangtu@hotmail.com</p>	<p><input type="checkbox"/> Kinh Hoa Nghiêm 3</p> <p><input type="checkbox"/> Kinh Pháp Hoa 6</p> <p><input type="checkbox"/> Chú Lăng Nghiêm 10</p> <p><input type="checkbox"/> Chú Đại Bi 12</p> <p><input type="checkbox"/> Đại Trí Độ Luận 14</p> <p><input type="checkbox"/> Thiên Thắt Khai Thị 15</p> <p><input type="checkbox"/> Niệm Quán Âm Khi Khẩn Cấp 17</p> <p><input type="checkbox"/> Tương Lai Của Nhân Loại 18</p> <p><input type="checkbox"/> Hái Hoa Dâng Phật 21</p> <p><input type="checkbox"/> Nói Chuyện Đầu Năm 22</p> <p><input type="checkbox"/> Trâu Nước Cao Thượng 24</p> <p><input type="checkbox"/> Phương Pháp Dưỡng Sinh 25</p> <p><input type="checkbox"/> Le Sutra Du Dharma De La Fleur 27</p> <p><input type="checkbox"/> Le Sutra Shurangama 30</p> <p><input type="checkbox"/> Le Mantra Shurangama 33</p> <p><input type="checkbox"/> Le Sutra Du Vajna Prajna 35</p> <p><input type="checkbox"/> Le Bouddha Parle Le Sutra . . . 37</p> <p><input type="checkbox"/> Chant De L'Illumination 39</p> <p><input type="checkbox"/> Récitez Le Nom Du Bodhisattva. . . 40</p> <p><input type="checkbox"/> Récitez Le Nom Du Bouddha . . . 41</p> <p><input type="checkbox"/> Pratiquez Les Cinq Préceptes . . . 42</p> <p><input type="checkbox"/> La Planète Est Sur Le Point . . . 43</p> <p><input type="checkbox"/> A Propos Du Nouvel An 45</p> <p><input type="checkbox"/> Les Heureux Crabes 47</p> <p><input type="checkbox"/> Le Souvenir De La Vie . . . 49</p> <p><input type="checkbox"/> L'Histoire Du Bouddha 51</p>
---	---

KINH HOA NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Ở trên đã giảng xong mười chín chúng tạp loại, bây giờ ở dưới đây bắt đầu giảng tám chúng Bát Bộ Tứ Vương.

LẠI CÓ VÔ LƯỢNG VUA A TU LA. VUA A TU LA LA HẦU. VUA A TU LA TỖ MA CHẤT ĐA LA. VUA A TU LA XẢO HUYỄN THUẬT. VUA A TU LA ĐẠI QUYẾN THUỘC. VUA A TU LA ĐẠI LỰC. VUA A TU LA BIẾN CHIẾU. VUA A TU LA KIÊN CỐ HẠNH DIỆU TRANG NGHIÊM. VUA A TU LA QUẢNG ĐẠI NHÂN HUỆ. VUA A TU LA XUẤT HIỆN THẮNG ĐỨC. VUA A TU LA DIỆU HẢO ÂM THANH.

Bây giờ giải thích chúng Bát Bộ Tứ Vương, Bát bộ tức là : 1. Vua A Tu La. 2. Vua Ca Lô La. 3. Vua Khẩn Na La. 4. Vua Ma Hầu La Già. 5. Vua Dạ Xoa. 6. Vua Rồng. 7. Vua Cưu Bàn Trà. 8. Vua Càn Thát Bà.

Tứ Vương tức là : 1. Phương bắc Đa Văn Thiên Vương. 2. Phương tây Quảng Mục Thiên Vương. 3. Phương nam Tăng Trưởng Thiên Vương. 4. Phương đông Trì Quốc Thiên Vương. Mỗi vị thống lãnh hai bộ chúng.

Lại có vô lượng Vua A Tu La. A Tu La dịch là phi thiên. Vì chúng có phước trời mà chẳng có đức trời. Tại sao chẳng có đức trời ? Vì trong quá khứ chúng chuyên môn hiềm kỵ người khác, tức là tâm không ngay thẳng, dùng tâm giả dối đi ca ngợi người khác khiến cho họ hoan hỷ, cho nên chẳng có đức trời.

A Tu La còn dịch là không đoan chánh. Vì tướng mạo của chúng không đoan chánh. Người nam thì tướng mạo xấu xí, người nữ thì tướng mạo sinh đẹp.

A Tu La còn dịch là vô tửu (không có rượu) người nam rất thích uống rượu, thích đấu tranh, nếu có rượu thì phát sinh chiến tranh, cho nên chẳng có rượu để uống. A Tu La có bốn thứ đó là : 1. A Tu La ở trong loài trời. Thường tác chiến với chư

thiên. Vì Vua A Tu La muốn làm chủ Trời Đạo Lợi. Tay của vị này có thể lay động núi Tu Di, làm cho cung điện của trời Đế Thích chấn động không được yên. Trời Đế Thích mới xuất lãnh Tứ Thiên Vương làm tiên phong, giao chiến với nhau nhưng thường đánh không thắng, mới cầu cứu Đức Phật. Đức Phật mới dạy niệm câu : "Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật", do đó mới thắng được Vua A Tu La. Con gái của Vua A Tu La dâng cho trời Đế Thích làm vợ, hai bên hòa đàm với nhau. 2. A Tu La ở trong loài người. Chúng chuyên đố kỵ, rất cao hứng đối với bất cứ việc gì, đều có tâm tranh cường háo thắng, thắng thì vui, thua thì sân hận, nổi gió làm sóng, thường xảy ra chiến tranh. 3. A Tu La ở trong loài súc sinh. Thích đấu tranh ý mạnh hiếp yếu, lấy lớn khinh nhỏ. 4. A Tu La ở trong loài ngựa quý. Cũng lại như thế. Bất cứ trong loài nào cũng đều có tâm đấu tranh, tâm thắng phụ, tức là có tâm tranh cường luận thắng.

Cung điện của A Tu La tại núi Kim Cang, tuy nhiên là ma, nhưng mỗi ngày ba thời phải chịu khổ hình đao bén từ không trung bay vào trong cung, nếu không tránh thì sẽ bị giết hại, cho nên muốn làm chủ Trời Đạo Lợi.

Vị Vua A Tu La thứ nhất tên là La Hầu. Dịch là nhiếp não. Vì vị này có thể dùng hai tay che mặt trời, mặt trăng, làm cho đen tối, khiến cho chư thiên oán nộ, cho nên được tên này.

Vị Vua A Tu La thứ hai tên là Tỳ Ma Chất Đa La. Tỳ Ma dịch là Ti (sợi tơ). Chất Đa La dịch là đủ thứ, vì vị này dùng một sợi tơ biến ra đủ thứ hình tướng vật thể chẳng giống nhau, cho nên được tên này.

Vị Vua A Tu La thứ ba tên là Xảo Huyền Thuật. Vì vị này dùng huyền thuật xảo diệu tự có hóa không, tự không hóa có, lúc thì hiện hòn núi cao khi thì hiện biển lớn, còn có thể dời núi lấp biển, làm cho mặt trời mặt trăng biến đổi lẫn nhau, thiên biến vạn hóa như vậy, làm cho người sinh ra huyền giác, cho nên được tên này.

Vị Vua A Tu La thứ tư tên là Đại Quyển Thuộc. Vì vị này thích nhất là quyển thuộc, càng nhiều càng tốt, cho nên được tên này.

Vị Vua A Tu La thứ năm tên là Đại Lực. Vì khí lực của vị này lớn vô cùng, một tay có thể nâng núi Tu Di lên, cho nên được tên này.

Vị Vua A Tu La thứ sáu tên là Biến Chiếu. Vì vị này có một loại quang minh sáng hơn so với ánh sáng mặt trời, chiếu khắp mười phương cho nên được tên này.

Vị Vua A Tu La thứ bảy tên là Kiên Cố Hạnh Diệu Trang Nghiêm. Vì hạnh nguyện của vị này kiên cố mà còn trang nghiêm tốt đẹp, cho nên được tên này.

Vị Vua A Tu La thứ tám tên là Quảng Đại Nhân Huệ. Vì vị này lúc còn ở tại nhân địa thì tu trí huệ rộng lớn, cho nên được tên này.

Vị Vua A Tu La thứ chín tên là Xuất Hiện Thắng Đức. Vì vị này có đức hạnh đặc biệt thù thắng, luôn luôn hiển hiện, làm cho chúng sanh thấy được thì biết là vị này có đức hạnh, cho nên được tên này.

Vị Vua A Tu La thứ mười tên là Diệu Hảo Âm Thanh. Vì âm thanh của vị này rất hay, êm tai vô cùng, làm cho người nghe đều sinh tâm vui vẻ, cho nên được tên này.

CÓ VÔ LƯỢNG VUA A TU LA NHƯ VẬY LÀM THƯỢNG THỦ. CÁC VỊ ĐÓ ĐỀU SIÊNG NĂNG TINH TẤN PHÁ TRỪ NGÃ MẠN VÀ CÁC PHIÊN NÃO.

Mười vị Vua A Tu La này làm thượng thủ trong vô lượng vô biên Vua A Tu La, ngoài ra còn nhiều không thể tính đếm được.

Các Vua A Tu La đều có tâm ngã mạn. Nhưng những vị Vua A Tu La này, họ rất tinh tấn siêng tu Phật đạo, y giáo phụng hành, theo pháp tu học, cho nên dẹp phá được tập khí ngã mạn, dập tắt vô minh. Chẳng còn vô minh, tất cả phiền não cũng theo đó mà dứt trừ. Trên đây là chúng thứ nhất Vua A Tu La.

LẠI CÓ VÔ SỐ VUA CA LÂU LA KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN. ĐÓ LÀ : VUA CA LÂU LA ĐẠI TỐC TẬT LỰC. VUA CA LÂU LA VÔ NĂNG HOẠI BẢO. VUA CA LÂU LA THANH TỊNH TỐC TẬT. VUA CA LÂU LA TÂM BẤT THỐI CHUYỂN. VUA CALÂU LA ĐẠI HẢI XỨ NHIẾP TRÌ LỰC. VUA CA LÂU LA KIÊN CỐ TỊNH

QUANG. VUA CA LÂU LA XẢO NGHIÊM QUAN KẾ. VUA CA LÂU LA PHỔ TIỆP THỊ HIỆN. VUA CA LÂU LA PHỔ QUÁN HẢI. VUA CALÂU LA PHỔ ÂM QUẢNG MỤC.

Lại có vô số Vua Ca Lâu La không thể nghĩ bàn. Ca Lâu La dịch là Kim Sí (chim cánh vàng). Vì loài chim này cánh sáng chói giống như vàng thật. Lại dịch là diệu sí, cánh của nó dùng đủ loại diệu sắc để trang nghiêm, ở trong ánh sáng mặt trời phản xạ xuống phóng ra vạn luồng ánh sáng vàng. Lại dịch là đại tố hạng, loài chim này khi ăn vật gì thì đều đem con mồi để vào trong bụng, để đó từ từ tiêu hóa.

Loài chim này gọi là Đại Bàng Kim Sí Diệu, to lớn cỡ nào ? Thân thể của nó lớn như tòa núi lớn. Cánh của nó xòe ra khoảng ba trăm ba mươi đại do tuần (một do tuần dài tám mươi dặm). Khi nó quạt cánh thì nước biển rẽ làm hai bắt rồng ăn. Loài chim này chuyên môn ăn rồng. Mỗi ngày phải ăn một con rồng lớn, năm trăm con rồng nhỏ. Khi nó ăn rồng thì trước hết nuốt đuôi rồng vào trong bụng, từ từ tiêu hóa.

Vua Rồng rất lo âu, vì quyển thuộc của loài rồng càng ngày càng bớt đi, sẽ diệt chủng, cho nên đi các nơi cầu cứu, nhưng ai nấy đều bó tay. Có người nói với ông ta nên đi gặp Đức Phật. Vua Rồng bèn đến chốn Phật, cầu Phật từ bi, che chở cho rồng con, rồng cháu, để khỏi tuyệt chủng loài rồng.

Đức Phật nói với Vua Rồng : “Nếu các nhà người giữ được Bát Quan Trai giới thì chim đại bàng không ăn các người nữa.” Do đó Vua Rồng dẫn quyển thuộc đến chốn Phật, thọ Bát Quan Trai giới. Thọ giới rồi, Phật cho mỗi con rồng một sợi tơ áo Cà Sa cột vào thân. Từ đó về sau, chim đại bàng không còn cách chi ăn rồng được nữa.

Nhưng chim đại bàng không có vật thực để ăn. Y cũng đến chốn Phật khẩn cầu nói : “ Chúng tôi hôm nay lấy gì để ăn ? ” Phật nói : “ Ta sẽ dạy đệ tử của ta, khi đến bữa trưa ăn cơm thì trước hết đem ít cơm thí cho các người.” Cho nên bây giờ các Chùa khi cúng nguyện thì đều đem ít cơm thí cho chúng. Đó là lòng từ bi của Phật, độ hóa loài rồng và chim đại bàng sống hòa bình với nhau. Chim và rồng đều có bốn thứ sinh, chim sinh bằng trứng không thể ăn rồng hóa sinh, cũng

không thể ăn rỗng sinh bằng thai, thấp sinh (sinh bằng ẩm ướt), chỉ ăn được rỗng sinh bằng trứng. Chim hóa sinh mới ăn được rỗng sinh bằng thai, thấp, hóa, noãn.

Chim đại bàng ở tại núi Kim Cang, cung điện của chúng dùng bảy báu để trang nghiêm. Khi chúng muốn chết thì không thể ăn rỗng, tại sao ? Vì thân thể rỗng có chất độc. Bình thường chim đại bàng ăn rỗng thì không sợ chất độc, nhưng khi chúng gần chết thì thân rỗng phóng ra chất độc bắn vào mắt, khiến cho mắt không thể mở được thì không thể bắt rỗng để ăn. Bị đói thật khó mà chịu được, bèn nghỉ ngơi trên cây Thiết Thụ. Đến khi không thể chịu được nữa thì lại bay đến biển tìm rỗng để ăn, rỗng lại phóng chất độc, y lại chạy đi, cứ như thế đến bảy lần, cuối cùng thể lực kiệt sức, chất độc phát ra mà chết.

Lúc bấy giờ, thi thể của chim đại bàng bị lửa độc thiêu, giống như hỏa diệm sơn bộc phát, thiêu hết tất cả chất cứng chảy ra thành nước. Vua Rỗng Nan Đà sợ Bảo Sơn (núi báu) bị hủy hoại bèn làm xuống một trận mưa lớn, hạt mưa lớn như bánh xe để dập tắt ngọn lửa. Bấy giờ toàn thân của chim đại bàng đã thành tro, chỉ còn quả tim không bị thiêu hủy, trở thành hạt châu báu, ánh sáng màu lưu ly óng ánh rất đẹp. Vua Chuyển Luân Thánh Vương được hạt châu này, gọi là châu Như Ý, vua Trời Đế Thích được châu này gọi là Dạ Minh châu.

Trong phẩm Xuất Hiện có bài kệ rằng :

“ Bồ Tát Ca Lô La,
Như ý vi kiên túc,
Phương tiện dũng mãnh sí,
Từ bi thanh tịnh nhĩ,
Trụ nhất thiết trí thụ,
Quán tam hữu đại hải,
Bạt trắc thiên nhân long,
Án chí Niết Bàn ngạn.”

Qua bài kệ này đủ thấy chim Đại Bàng cũng là Bồ Tát thị hiện, để điều phục tất cả chúng sinh. Cho nên ý nghĩa bài kệ trên mới nói : Bồ Tát Đại Bàng Kim Sí Diệu, toại tâm như ý bay lượn trong không trung, chân rất kiên cố phi thường, cánh phương tiện rất dũng mãnh, cặp mắt rất từ bi và trong sáng. Tuy nhiên chuyên ăn rỗng, nhưng chỉ ăn rỗng sấp chết. Trước mắt thì bị chim Đại Bàng

ăn, nhưng thực tế thì hóa độ rỗng, khiến cho chúng không còn thọ khổ trong luân hồi nữa mà thăng đến bờ bên kia. Cây của chim Đại bàng ở gọi là cây Trí Huệ. Y quán sát dục giới, sắc giới và vô sắc giới ba cõi biển cả, bắt rỗng ở trên trời hoặc rỗng ở nhân gian, độ chúng đến bờ Niết Bàn bên kia.

Cảnh giới này chẳng phải phàm phu chúng ta biết được, người không chứng quả thì không thể tin đạo lý này, đợi khi chứng quả rồi mới biết là như thế. Đức Phật là người chứng được vô thượng chánh đẳng chánh giác, tuyệt đối không nói dối, cảnh giới này là ngàn chân vạn thật.

Vị Vua Ca Lô La thứ nhất tên là Đại Tốc Tật Lực. Vì sức lực của vị này không những mạnh mà còn rất nhanh. Vị này ở trên núi Kim Cang, cây Thiết Thụ, xem thấy rỗng trong biển xuất hiện thì vỗ cánh quạt nước biển rẽ ra, bắt lấy rỗng, rồi trở về cây Thiết Thụ, nước biển vẫn chưa hòa hợp lại, do đó được tên này.

Vị Vua Ca Lô La thứ hai tên là Vô Năng Hoại Bảo Kế. Vì bảo kế của vị này rất kiên cố, chẳng có cách chi phá hoại được, càng không có sức để phá hoại, do đó được tên này.

Vị Vua Ca Lô La thứ ba tên là Thanh Tịnh Tốc Tật. Vì thân thể của vị này thanh tịnh, bay đi rất nhanh, trong một sát na bay hơn mười vạn tám ngàn dặm, do đó được tên này.

Vị Vua Ca Lô La thứ tư tên là Tâm Bất Thoái Chuyển. Vì vị này đắc được pháp vĩnh viễn không thối chuyển A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đắc được niệm bất thối, hạnh bất thối, vị bất thối, do đó được tên này.

Vị bất thối : Đã chứng được vị đại Bồ Tát, thì không thể thối về vị A La Hán. Đã phát bồ đề tâm, thì không thể thối về vị A La Hán hoặc là vị phàm phu.

Niệm bất thối : Chuyên tâm nhất ý tu thiền định, tư tưởng không thối chuyển. Chẳng giống chúng ta suốt ngày đến tối, chuyên khởi vọng tưởng, thấy lạ muốn đổi, hôm nay tu thiền, mai tu tịnh, mốt tu giáo hoặc tu luật, thậm chí tu mật, kết quả chẳng có pháp nào thành tựu. Cho nên tu hành phải chuyên nhất.

Hành bất thối : Phải dũng mãnh tinh tấn tu hành, càng ngày càng tiến bộ, tức là tu hành càng tu

hành, tinh tấn càng tinh tấn, đó là tu hành không thối chuyển.

Vị Vua Ca Lô La thứ năm tên là Đại Hải Xứ Nhiếp Trì Lục. Vì vị này có thể nhiếp trì tất cả nước sông ngòi ao hồ, chảy vào biển cả, lại có thể ở trong không trung thu nhiếp rồng vào trong miệng, do đó được tên này.

Vị Vua Ca Lô La thứ sáu tên là Kiên Cố Tịnh Quang. Vì thân thể của vị này cứng chắc phi thường, và có quang minh thanh tịnh, quang minh này có thể chiếu thấu trong biển, nhìn thấy chỗ của rồng ở, do đó được tên này.

Vị Vua Ca Lô La thứ bảy tên là Xảo Nghiêm Quan Kế. Vì quan kế của vị này rất trang nghiêm tốt đẹp, quan kế của các Vua Ca Lô La kia chẳng thể sánh được, do đó được tên này.

Vị Vua Ca Lô La thứ tám tên là Phổ Tiệp Thị Hiện. Vì vị này có thể thị hiện tất cả các nơi mà còn nhanh nhẹn biến khắp, do đó được tên này.

Vị Vua Ca Lô La thứ chín tên là Phổ Quán Hải. Vì vị này có mắt từ bi và thanh tịnh, quán sát được trong ba cõi biển cả, rồng lớn ở đâu, rồng nhỏ ở đâu ? Nhìn thấy rất rõ ràng, do đó được tên này.

Vị Vua Ca Lô La thứ mười tên là Phổ Âm Quảng Mục. Vì âm thanh của vị này như sấm sét, rồng ở trong biển mà nghe được tiếng hống này thì hồn phi phách tán, không dám động đậy, vì sợ bị bắt ăn. Cặp mắt của vị này đặc biệt to lớn, thân ở núi Kim Cang, mà mắt quán sát rồng trong bốn biển do đó được tên này.

CÓ VÔ SỐ VUA CA LÔ LA KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN NHƯ VẬY LÀM THƯỢNG THỦ. CÁC VUA CA LÔ LA NÀY ĐÃ THÀNH TỰU SỨC ĐẠI PHƯƠNG TIỆN, CỨU ĐỘ NHIẾP HẾT THẤY TẤT CẢ CHÚNG SINH.

Mười vị Vua Ca Lô La này làm thượng thủ, đại biểu cho vô lượng Vua Ca Lô La, số nhiều vô lượng không thể nghĩ bàn.

Những vị Vua Ca Lô La này đã hoàn toàn thành tựu sức đại phương tiện, đều là đại Bồ Tát thị hiện. Một số Bồ Tát chẳng có sức đại phương tiện như thế. Chúng bắt rồng ăn là hóa độ rồng, ăn voi là hóa độ voi, ăn ngựa là hóa độ ngựa, ăn cá là hóa độ cá, tóm lại ăn loài gì thì hóa độ loài đó, dùng phương tiện ăn để hóa độ chúng sinh. Thực ra chẳng phải ăn mà là cứu độ, là nhiếp trì. Tại

sao ? Vì đáng chết cho nên mới ăn, tức là có thể đến bờ Niết Bàn. Ở trên là chúng thứ hai Vua Ca Lô La.

Chùa Kim Quang thành tâm hồi hướng công đức của tất cả quý vị đã phát tâm mọi sự cúng dường, ủng hộ Chùa Kim Quang và nhận báo Phật Pháp dài hạn, lên ngôi Tam Bảo chứng minh. Nguyên cầu cho tất cả quý vị tâm bồ đề kiên cố, luôn trụ trong chánh pháp.

Mỗi khi phát tâm mọi sự cúng dường, ủng hộ, quý vị nào cần biên lai, để cuối năm khấu trừ giảm thuế, thì tin cho Chùa biết.

KINH PHÁP HOA

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Hán dịch : Điều Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập

Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Một lần nọ, Phật đang muốn thuyết pháp thì có một vị trời Đại Phạm Thiên lấy cành hoa Kim Ba La đến cúng dường Đức Phật. Vị trời đó nằm dưới đất thỉnh Đức Phật ngồi lên thân của ông để thuyết pháp. Đức Phật ngồi lên trên thân vị trời đó, tay cầm cành hoa dơ lên trước đại chúng trời người trăm vạn người và mở nụ cười, khi Đức Phật cười thì Ngài Ca Diếp cũng cười. Cho nên đó gọi là : "Niêm hoa vi tiếu, truyền phật tâm ấn". Đức Phật bèn nói : "Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết Bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, giáo ngoại biệt truyền, lấy tâm ấn tâm, đã phó chúc cho Ma Ha Ca Diếp". Do đó, Ngài Ma Ha Ca Diếp trở thành vị tổ thứ nhất. Đức Phật chỉ truyền cho Ngài Ca Diếp, Ngài Ca Diếp lại truyền cho tổ thứ hai Ngài A Nan, Ngài A Nan lại truyền cho tổ thứ ba Thương Na Hòa Tu, Ngài Thương Na Hòa Tu lại truyền cho tổ thứ tư Ưu Ba Cúc Đa v... v... , một đời truyền xuống một đời đều dùng tâm ấn tâm. Từ Sơ Tổ truyền đến tổ thứ hai mươi tám Bồ Đề Đạt Ma. Tổ Bồ Đề Đạt Ma đem tâm ấn của Phật mang đến Trung Quốc truyền cho tổ thứ hai là Huệ Khả. Ngài Huệ Khả lại truyền cho tổ thứ ba là Tăng Xán... cho đến Lục Tổ Huệ Năng. Về sau thì một hoa nở năm cánh, phân ra Tông Lâm Tế, Tông Pháp Nhãn, Tông Tào Động, Tông Quy Ngưỡng và Tông Vân Môn. Cho đến hiện tại Phật pháp lại truyền đến tây phương, đó là sơ lược về tổ sư truyền.

"Mười hai hạnh đầu đà khổ hạnh". Nay giảng sơ lược về hạnh đầu đà khổ hạnh vừa mới đề cập đến ở trên. "Đầu đà" là tiếng Phạn dịch là phấn chấn, nghĩa là phấn chấn tinh thần ; như khi đá thiền thất thì thường nói phấn chấn tinh thần, không sợ khổ, càng khổ thì càng nỗ lực. Giống như Ngài Ca Diếp già như thế mà cũng hành hạnh đầu đà, phấn chấn tinh thần hành mười hai hạnh đầu đà.

1. Mặc y bá nạp. Y bá nạp còn gọi là y phấn tảo,

tức là tấm y vốn có trăm ngàn lỗ rách, nhưng mỗi khi rách thì vá lại, chẳng biết vá bao nhiêu lần mà nói. Tấm y này người khác chẳng ai muốn mặc. Người xuất gia nhặt vải vụn ở trong đồng rác, rồi giặt sạch mà may vá thành y để mặc. Mặc y này tốt ở chỗ nào ? Nếu nói ra thì nhiều lắm. Ví như bạn mặc y này lên thì chẳng còn tâm tham, cũng diệt trừ tâm tham của người khác. Những Tỷ Kheo khác thấy bạn mặc y lam lũ mà không mặc y tốt, họ cũng phát khởi đạo tâm để tu đạo. Hơn nữa bạn mặc y rách nát lam lũ thì trộm cướp nhất định không trộm cướp của bạn. Vào năm 1948, tôi ở tại chùa Nam Hoa thì có bọn cướp đến cướp Chùa. Chúng phá cửa xông vào, lập tức kêu tôi đưa tiền ra, tôi bèn nói : "Các anh xem tôi mặc y như thế này, có giống người có tiền chăng ?" (Lúc đó tôi mặc y như lúc tôi mặc y thủ hiếu bên cạnh mộ của mẹ tôi, thủ hiếu xong rồi, tôi vẫn luôn luôn mặc nó để làm kỷ niệm mẹ của tôi. Vì tấm y đó đã rách nát, cho nên khi ở tại Đông Bắc (Tàu) ai quy y với tôi thì vá cho tôi một miếng vào cái y đó, do đó tấm y đó có rất nhiều lỗ vá). Tuy nhiên, tôi nói với bọn cướp trong phòng có báu vật, kêu chúng có thể đi vào mà lấy, song những tên cướp thấy tôi mặc y như thế cũng chẳng vào phòng cướp lấy gì cả, bèn bỏ đi hết. (Lời thật, trong phòng thật có hai báu vật sống đó là hai chú Sa Di sợ hãi nằm dưới gầm giường).

Hơn nữa bạn mặc y phấn tảo thì người giàu cũng xa lìa bạn, như thế thì ít bị quấy nhiễu, còn có điểm tốt quan trọng nhất là người nữ cũng xa lìa bạn. Tu đạo, nếu mặc y như thế thì lâu dần sẽ có một hương vị rất kỳ đặc, nhưng hương vị này đối với người nữ mà nói thì đó là mùi thối, cho nên mặc y phấn tảo có rất nhiều chỗ tốt nói không hết được.

2. Chỉ có ba cái y. Tỳ Kheo hành hạnh đầu đà chỉ có ba tấm y, do đó : "Ngoài thân chẳng vật gì khác, cũng chẳng có phiền não gì phát sinh". Ba y tức là : Thứ nhất là tổ y, còn gọi là đại y, tiếng Phạn gọi là y Tăng Già Lê, dịch là y hai mươi lăm điều. Y hai mươi lăm điều, bốn dài một ngắn, cộng thành một trăm hai mươi lăm ô, đó là biểu thị hình tướng của ruộng phước, cho nên còn gọi là y phước điền. Y này nếu vào vương cung, tụ lạc khát thực, thuyết pháp thì mới mặc. Thứ hai là y bảy điều, y bảy điều hai dài một ngắn cộng thành hai mươi một ô, tiếng Phạn là y Uất Đa La Tăng dịch là y nhập chúng. Khi lễ bái, tụng Kinh, nghe pháp, hội họp với đại chúng v... v... thì mặc y này. Thứ ba là y năm điều, y năm điều một dài một ngắn cộng thành mười ô, tiếng Phạn là y An Đà Hội dịch là y chấp tác, khi làm việc chấp tác mọi nơi đều mặc y này.

Nếu Tỳ Kheo hành hạnh đầu đà thì chỉ có ba y này và bình bát với tọa cụ. Bình bát là cái bát của Tỳ Kheo dùng để ăn cơm, tọa cụ dùng để trải lễ Phật ở trong chánh điện.

3. Khất thực : Mỗi ngày khi đến giờ ăn thì vào thành, vào làng khất thực chứ mình chẳng nấu nướng gì cả.

4. Khất thực có thứ tự : Nghĩa là khi đi khất thực thì không lựa nhà giàu hoặc nhà nghèo, mục đích là tiêu diệt tâm phân biệt mà hành bình đẳng, đó là hành vi đại công vô tư.

5. Ngày ăn một bữa, tức là sáng cũng không ăn, chỉ ăn một bữa trưa. Ăn một bữa trưa rất tốt nhưng đáng tiếc không dễ gì làm được. Tại sao ? Vì đói một chút thì muốn ăn, cho nên đa số nhiều người chịu không được sự khổ hạnh ngày ăn một bữa. Song, công đức ngày ăn một bữa nói không hết được. Tóm lại, bạn bớt ăn một chút thì bớt một chút phiền não, ăn nhiều một chút thì phiền não cũng nhiều một chút. Ngoài ra khi Tỳ Kheo ăn cơm thì phải có ba quán niệm và năm điều quán tưởng.

Ba quán niệm : Thứ nhất : Nguyện dứt tất cả điều ác. Thứ hai : Nguyện tu tất cả điều lành. Thứ ba : Thệ độ tất cả chúng sinh.

Năm điều quán tưởng : Thứ nhất : "Kế công đa thiếu, lượng bỉ lai xứ". Nghĩa là hãy tính xem vật ăn phải tốn bao nhiêu công nhân mới làm thành. Ví như sự hình thành một hạt gạo, phải trải qua gieo giống, tưới nước, bón phân, nhổ cỏ v...v..., bao

nhiều là sự khổ cực, cho nên làm được hạt gạo rất khó khăn vô cùng, đến nơi cũng không dễ. Cho nên có câu :

*"Giữa nắng trưa gay gắt,
Nông dân nhọc nhằn cuốc,
Mồ hôi đổ trên lúa,
Bụng bát cơm ai biết,
Mỗi hạt bao đắng cay".*

Do đó chúng ta mỗi người nên thương tiếc vật chất, tiết kiệm, đừng tùy tiện lãng phí, mà hãy nghĩ đến nó, đến nơi không dễ dàng. Tại sao trên thế giới này có những nước thiếu lương thực, nhân dân chẳng có cơm ăn ? Vì lãng phí vật chất quá nhiều, cho nên chẳng có cơm ăn. Chúng ta là người tin Phật, nhất là đối với nhân quả phải cẩn thận, vật chất, ẩm thực, tài vật, bạn dùng được thì dùng, không dùng được thì cho người khác dùng, nhưng đừng có tùy tiện vứt đi, do đó :

*"Trong bếp có cơm dư,
Ngoài đường có kẻ đói".*

Cho nên trong nhà nếu còn cơm dư thì hãy bố thí cho người không có cơm ăn, đừng vứt đi.

Thứ hai : "Thốn kỷ đức hạnh, toàn khuyết ứng cúng". Nghĩa là hãy nghĩ xem mình có công đức gì đáng thọ thập phương cúng dường, độ lượng đức hạnh của mình có đủ chăng ? Là đủ hay thiếu ? Đáng thọ lãnh của thí chủ cúng dường chăng ? Nếu đức hạnh không đủ thì hãy mau dụng công tu đạo.

Thứ ba : "Phòng tâm ly quá, tham đẳng vi tông. Nghĩa là phòng ngừa tâm của mình, lia khỏi mọi lỗi lầm. Lia khỏi lỗi lầm gì ? Tức là lia khỏi tham sân si ba độc. Ăn vật ăn thì đừng phân biệt vật ngon hay dở, đừng nên vật ngon thì ăn nhiều, vật dở thì không ăn, như thế thì không đúng.

Thứ tư : "Chánh sự lương được, vi liệu hình khô". Khi Tỳ Kheo ăn cơm thì nghĩ rằng vật ăn vào dùng làm thuốc để cho thân thể khỏi khô héo, nếu không ăn thì không thể sinh tồn.

Thứ năm : "Vi thành đạo nghiệp, ung thọ thử thực". "Tại sao tôi phải ăn cơm ? Vì muốn dụng công tu đạo, nếu tôi không ăn cơm thì đứng không vững, ngồi không yên. Vì tôi muốn tu đạo, cho nên không thể không ăn".

6. Ăn có tiết lượng. Tức là phải có tiết chế đối với thức ăn uống, ăn có số lượng. Không thể cảm thấy vật ăn ngon, ăn xong rồi lại muốn ăn nữa, luôn luôn nghĩ nhớ không quên, như thế thì chẳng có tiết lượng. Bất cứ thấy vật gì ngon, nếu mỗi bữa ăn hai bát, thì nhất định ăn hai bát. Không thể nói vật này không ngon thì tôi ăn một bát, khi vật ăn ngon thì ăn ba bát, mà chẳng tiết chế chút nào. Người hành hạnh đầu đà thì vốn ăn hai bát mới no, nhưng chỉ ăn một bát rưỡi, tiết lượng bát ăn một chút, đó là ăn có tiết lượng.

7. Quá giờ ngộ không uống nước có chất bổ. Không uống sữa, nước trái cây, cà phê, trà hoặc mật ong, mà chỉ uống nước lạnh. Song, điều này rất khó hành, vì ngay cả trà cũng liệt vào chất bổ, không được uống, cho nên không dễ gì hành được. Đó là năm điều khổ hạnh về ăn uống, dưới đây nói về khổ hạnh về chỗ ở.

8. Ở nơi A Lan Nhã. A Lan Nhã là tiếng Phạn dịch là nơi vắng lặng. Vắng lặng tức là nơi không ồn ào, chẳng có bất cứ âm thanh gì. Nơi đây là ở trong rừng núi, trong thâm cốc, hoặc là nơi xa thành thị, là nơi tu hành tốt nhất cho người tu hành.

9. Ở dưới gốc cây. Người hành hạnh đầu đà thì ở dưới gốc cây. Tại sao? Vì người tu đạo lấy trời đất làm nhà, đi khắp nơi đều ở được, nhưng không ở quá mỗi gốc cây ba đêm, vì người tu đạo chân chánh thì rất thanh cao, vì tránh cho người biết họ để mà đến cúng dường, cho nên ở dưới gốc cây chừng hai đêm thì bỏ đi để tránh có người muốn đến cúng dường, đó là không cầu bất cứ ai cúng dường.

10. Ở ngoài trời. Người tu đạo ở ngoài trời, thật là lấy trời đất làm phòng, tức có ánh sáng của trăng sao, đời sống như thế sao mà quá tự tại tiêu dao, do đó :

"Nguyệt đáo thiên tâm xứ,
Phong lai thủy bất thức,
Nhất cổ thanh dị vị,
Lượng đắc thiếu nhân tri".

Đời sống thiên nhiên như thế, rất ít người lãnh hội được những chỗ áo diệu của nó.

11. Ở ngoài nghĩa địa, tức là ở với người chết, làm bạn với ma quỷ. Tại sao? Vì ngồi ở trong mồ mả thì mình có thể tu quán về vô thường, thấy rõ đời người là vô thường, bất cứ sớm tối trước sau gì cũng sẽ chết, chết rồi thì chôn cất vào mộ, hóa thành đồng xương trắng. Ngồi trong mộ tu đạo thì

có thể giác ngộ tất cả đều là vô thường, do đó sẽ không sinh ra đủ thứ tâm tham sân si, mà cũng chẳng có chấp trước.

12. Lung không chạm đất. Ở Ấn Độ có vị Hiệp Tôn Giả, suốt đời không bao giờ nằm mà luôn luôn ngồi không nằm. Nếu ngủ nằm thì càng ngủ càng muốn ngủ mà chẳng muốn dậy. Song, nếu thường ngồi không nằm thì ngủ một giấc sẽ tỉnh dậy, tỉnh dậy rất dễ dàng dụng công tu hành tham thiền. Cho nên thường ngồi không nằm về phương diện tu hành giúp ích không ít.

Nếu hành được một hoặc hai hạnh đầu đà vẫn tốt như thường, tùy theo khả năng của mình. Ngài Ca Diếp tuy rất già nua nhưng Ngài vẫn hành mười hai hạnh đầu đà, cho nên Ngài là người hành đầu đà đệ nhất.

3. Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp

4. Già Gia Ca Diếp

5. Na Đề Ca Diếp

Ba anh em này trước khi quy y với Phật thì đều thờ thần lửa ngoại đạo. Các vị này cho rằng lửa là thần thánh cao nhất, là mẹ của vạn vật, cho nên chuyên môn cúng kính lửa, lạy lửa. Bạn nói họ có ngu si chăng? Lạy lửa lại có ích gì?

"Ưu Lâu Tần Loa" là tiếng Phạn dịch là "rừng mọc qua", Ngài hoan hỉ nhất là tu đạo trong rừng mọc qua. Ngài và năm trăm đệ tử của Ngài ở bên bờ sông Ni Lạc Ca. Hai người em cùng ở chung với Ngài. "Già Gia" dịch là "thành", hoặc là "núi đầu voi", vị này có ba trăm vị đệ tử. "Na Đề" dịch là "sông", vị này có hai trăm vị đệ tử, cho nên anh em Ca Diếp cộng lại được một ngàn vị đệ tử.

Đức Phật ngộ đạo rồi, bèn đi đến Vườn Nai độ năm vị Tỳ Kheo Kiều Trần Như. Độ xong rồi, Ngài quán sát người kế tiếp phải độ là ba anh em Ca Diếp, do đó Phật tìm đến Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp, Phật biết nếu độ được vị này thì hai người em kia và tất cả các đệ tử cũng đều độ được, song, Phật không thể nói toạc ra ý nghĩa đó, cho nên dùng phương tiện khéo léo nói: "Trời đã tối rồi! Tôi không thể tiếp tục đi nữa, có thể nào cho tôi tá túc trong động của ông một đêm được chăng?" Ưu Lâu Tần Loa nói: "Có một con rỗng

lửa hung ác ở trong động đó, nó nhất định thiêu chết ông". Nhưng Đức Phật nói : "Chẳng có vấn đề gì, nó không thể làm thương hại đến tôi". Do đó Ưu Lâu Tần Loa mời Đức Phật vào trong sơn động đó ở. Quả nhiên nửa đêm, con rồng lửa thật lớn miệng phun ra lửa muốn thiêu chết Đức Phật. Song, Đức Phật đã nhập định hỏa quang tam muội, chẳng bị tổn thương chút nào. Lúc đó Đức Phật dùng thần lực nhiếp rồng bỏ vào trong bình bát, sau đó nói pháp cho y nghe, rồng chịu quy y với Phật.

Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp quá đổi kinh ngạc. Tuy nhiên Ngài cho rằng mình là người tu hành có công phu nhưng chẳng thể bì được cảnh giới và thần lực của Phật, cho nên đem năm trăm đệ tử cùng quy y với Phật. Khi hai người em nghe tin Ngài đã xuất gia theo Phật, cũng phát tâm muốn xuất gia và đem hết các đệ tử gia nhập vào trong Tăng đoàn. Xuất gia chẳng bao lâu, ba anh em đều chứng quả A La Hán.

6. Xá Lợi Phất

Khi Xá Lợi Phất chưa ra đời, thì mẹ của Ngài thường biện luận với cậu của Ngài (Ma Ha Câu Hi La), nhưng đều bị thua. Song, từ khi mang thai Ngài Xá Lợi Phất thì rất là kỳ lạ, tức là mẹ của Ngài biện luận với cậu của Ngài thì ngược lại cậu của Ngài đều bị thua. Cho nên Ma Ha Câu Hi La biết được cậu bé ở trong thai của chị mình nhất định là người có đại trí huệ. Tại sao ? Vì ông ta biết trước kia chị của mình đâu có thông minh như thế, mà bây giờ lại thông minh lanh lợi, chắc chắn đứa bé trí huệ đó giúp cho bà ta. Ma Ha Câu Hi La cảm thấy bản lĩnh của mình không đủ, nếu tương lai biện luận với cháu của mình mà thua thì mất mặt, do đó ông ta đi về phía nam Ấn Độ tìm thầy học pháp. Ngày đêm chỉ lo chuyên tâm học, chẳng có thời gian để cắt tóc, cạo râu, cắt móng tay, mà để móng tay dài ra, cho nên đa số đều gọi ông ta là "Trường Trảo Phạm Chí" (Ông Phạm Chí móng tay dài).

Khi ông ta học y, bói, xem tướng, chiêm tinh, biện luận .v.v. , xong hết rồi thì trở về nhà gặp chị ông ta, tìm Xá Lợi Phất. Song, chị ông ta nói Xá Lợi Phất đã theo Phật xuất gia rồi, ông ta tức khắc sinh tâm kiêu ngạo nói : "Cháu ngoại của ta mới tám tuổi đã đăng tòa thuyết pháp, danh đồn khắp nơi,

mấy trăm luận sư đều bị cậu ta luận bại, là cậu bé thông minh như thế, sao lại có thể theo vị Sa Môn xuất gia ? Thật là đáng tiếc ! Tôi phải đi gặp vị Sa Môn đó, xem thử ông ta có bản lĩnh gì ?" Do đó Ma Ha Câu Hi La đi gặp Đức Phật, ông ta gặp Đức Phật đem hết phương pháp sở học ra, cũng chẳng cách chi biện luận thắng được Đức Phật, cuối cùng ông ta lập tông với Phật. Phật hỏi ông ta : "Ông lấy gì làm tông ?" Ông ta đáp : "Tôi lấy không thọ làm tông, bất cứ Ngài giảng đạo lý gì, tôi cũng chẳng lý tới cũng chẳng tiếp thọ, xem thử Ngài có biện pháp gì ?" Phật nói : "Tốt ! Ông lấy không thọ làm tông, vậy ông đã thọ chấp kiến không thọ của ông hay chưa ?" Phật hỏi như vậy, đúng là hỏi ngược lại ông ta ! Nếu nói thọ thì vốn chẳng có tông này, càng trái ngược với mình. Trước khi biện luận, ông ta đánh cá với Phật : "Nếu tôi biện luận thua thì hãy cắt đầu của tôi xuống, nếu Ngài thua thì phải trả lại đứa cháu của tôi". Nhưng khi luận thua thì ông ta bỏ chạy, không muốn cắt đầu, chạy chẳng bao xa thì nghĩ lại : "Minh là nam tử hán đại trượng phu, nói ra thì phải giữ lời, sao lại nuốt lời ? Thôi hãy trở lại chịu cắt đầu !" Do đó chạy lại chỗ Phật muốn lấy đao cắt đầu, nhưng Phật nói : "Ở trong Phật pháp của ta chẳng có phương pháp này, ông biện luận thua là người thua cuộc, hà tất phải cắt đầu". Sau đó Phật thuyết pháp cho ông ta nghe, ông ta lập tức khai mở pháp nhãn, đắc được pháp nhãn thanh tịnh, biết Phật pháp áo diệu vô cùng, mà pháp của mình học là pháp ngoại đạo, chẳng bằng một trong vạn phần của Phật pháp. Cho nên ông ta không những không đòi cháu về, ngược lại cũng theo Phật xuất gia, đó là một đoạn nhân duyên của Ngài Xá Lợi Phất và cậu của Ngài Ma Ha Câu Hi La.

(còn tiếp)

KINH LĂNG NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Hằng Sơn

Đại Phật Đảnh Như Lai Mật Nhân Tu
Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ tát Vạn Hạnh
Thủ Lăng Nghiêm Kinh

Lời tựa,

Kinh Lăng Nghiêm : Đại biểu Chánh Pháp

Tất cả kinh điển trong Phật giáo đều rất quan trọng, nhất là kinh Lăng Nghiêm càng quan trọng hơn. Chỗ nào có kinh Lăng Nghiêm, chỗ đó có chánh pháp trụ thế. Kinh Lăng Nghiêm không còn, thời Mạt pháp liền hiện tiền. Kinh Lăng Nghiêm là chân thân Phật, kinh Lăng Nghiêm là xá lợi Phật, kinh Lăng Nghiêm là tháp thờ Phật, tất cả tín đồ Phật giáo cần phải đem hết sức lực, khả năng của mình để ủng hộ, giữ gìn bộ kinh Lăng Nghiêm này.

Kinh Pháp Diệt Tận nói: “*Thời mạt pháp, kinh Lăng Nghiêm diệt trước. Các kinh điển khác, lần lượt mới diệt sau.*” Nếu kinh Lăng Nghiêm không diệt, lúc đó chánh pháp sẽ hiện tiền. Vì thế chúng ta là Phật tử, cần phải dùng sanh mạng để hộ trì kinh Lăng Nghiêm, đem hết sức lực khả năng hộ trì kinh Lăng Nghiêm, lấy hạnh nguyện hộ trì kinh Lăng Nghiêm, khiến cho kinh Lăng Nghiêm vĩnh viễn trụ thế, phát dương rộng lớn, lưu thông trong từng mỗi hạt vi trần, lưu thông cho đến mọi nơi trên thế giới, tận hư không biến pháp giới. Nếu được như vậy, hào quang chánh pháp có thể soi sáng khắp mọi nơi.

Tại sao nói kinh Lăng Nghiêm diệt trước? Vì kinh này giảng đạo lý rất chân thực! Thiên ma ngoại đạo không chịu nổi, cho nên dùng đủ cách để phá hoại, tiêu diệt. Đầu tiên tạo ra lời đồn xuyên tạc, nói kinh Lăng Nghiêm không phải từ kim khẩu Phật thuyết ra, mà là

do người đời sau nguỵ tạo. Đó là cách nói hàm hồ xuyên tạc của ngoại đạo, dùng những thủ đoạn xấu xa, cố ý phá hoại chân kinh.

Nội dung kinh Lăng Nghiêm, thuyết minh bốn điều thanh tịnh minh hối, hai mươi lăm bậc Thánh thuật lại sự tu hành viên thông của mình, năm mươi cảnh giới ám ma. Giống như *kính chiếu yêu*, khiến cho yêu ma quỷ quái của bàng môn ngoại đạo hiện nguyên hình, không chỗ ẩn núp. Cho nên, chúng ta không nên tin tưởng vào những lời xuyên tạc kinh Lăng Nghiêm là nguỵ kinh.

Mấy năm gần đây, một số học giả vô trí, giáo đồ ngu xuẩn, không nhận thức được Phật giáo, không hiểu rõ Phật học, mà dám đoán mò nói càn, ngông cuồng đo lường lời dạy của bậc Thánh. Mà những người vô trí vô thức, không có trí huệ phân biệt chân nguỵ, nghe người ta nói sao cũng nói theo như vậy, vẽ đường cho giặc chạy, cổ vũ người làm xấu, nói kinh Lăng Nghiêm không phải là lời Phật thuyết.

Người học Phật pháp, không những cần phải hiểu rõ sâu sắc đạo lý kinh Lăng Nghiêm, vì làm cho chánh pháp trụ thế lâu dài, khiến cho tà pháp vĩnh viễn vắng bật, mà còn phải đề xướng kinh Lăng Nghiêm, khắp chốn tuyên dương kinh Lăng Nghiêm, khắp nơi giảng thuyết kinh Lăng Nghiêm, và khắp mọi chỗ hộ trì kinh Lăng Nghiêm. Người tín đồ Phật giáo cần phải tận tâm tận lực đối với trách nhiệm này.

Hôm nay tôi bảo đảm với quý vị, bảo đảm kinh Lăng Nghiêm là chân kinh. Nếu kinh Lăng Nghiêm là nguỵ kinh, tôi nguyện đọa địa ngục. Vì tôi không nhận thức Phật giáo,

lấy giả làm chân, cam tâm tình nguyện nhận chịu quả báo này. Chính vì kinh Lăng Nghiêm là chân kinh cho nên tôi mới phát nguyện đời đời kiếp kiếp hoàng dương đại pháp Lăng Nghiêm, tuyên giảng chân lý Lăng Nghiêm. Quý vị suy nghĩ thử, kinh Lăng Nghiêm nếu không phải do Phật nói ra, thì ai có thể thuyết ra diệu pháp chân chánh như vậy? Tôi cầu mong những người phê bình kinh Lăng Nghiêm là ngụy kinh, mau mau sám hối, sửa đổi lỗi lầm, nếu không, nhất định sẽ đọa vào địa ngục cắt lưỡi. Tôi cầu nguyện cho những người tụng niệm kinh Lăng Nghiêm, người giảng kinh Lăng Nghiêm, người tuyên dương kinh Lăng Nghiêm, người lưu thông kinh Lăng Nghiêm, tất cả những người này đều sớm thành Phật đạo. Nguyên nhân quan trọng là đạo lý mà kinh Lăng Nghiêm thuyết giảng, vừa chính xác, vừa hợp lý, khiến cho yêu ma quỷ quái, bàng môn tả đạo, không chỗ ẩn mình, có thể làm cho người Phật tử có được lòng tin chân chánh, giữ gìn chánh niệm, kiên trì ủng hộ chánh pháp.

Đại Phật Đảnh Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh quyển thứ nhất

Nguyên văn:

Âm Hán Việt:

Đại Phật Đảnh Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh.

Giảng :

“**Đại Phật Đảnh, Như Lai Mật Nhân, Tu Chứng Liễu Nghĩa, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh, Thủ Lăng Nghiêm.**” Mười chín chữ này là tên, đề mục của bộ kinh này, cộng thêm chữ Kinh ở sau tổng cộng là hai mươi chữ; hai mươi chữ này là tên kinh. Mười chín chữ trước thuộc về “biệt danh” (tên riêng), một chữ sau là “thông danh” (tên chung). Biệt danh là gì? Biệt danh có nghĩa là phân biệt, là có chỗ khác biệt với

các kinh điển khác, danh tự không giống nhau; chữ “Kinh” ở sau thì tương đồng, vì tương đồng cho nên gọi là thông danh. Một thông danh, một biệt danh. Thông danh là thông với các kinh, biệt danh là khác biệt với bộ kinh này. Do vì tên bộ kinh này không giống với tên các kinh khác, cho nên có hai cách gọi là thông danh và biệt danh.

(còn tiếp)

CHÚ LĂNG NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

23. Tỳ Địa Gia.

Kệ : *Tứ Đại Thiên Vương xem thiện ác
Thống lãnh quỷ thần đi tuần tra
Họa phúc không của người tự chiêu
Nhân quả tuần hoàn đừng trách ai.*

Giải : Câu Chú này là nói về Tứ Đại Thiên Vương, các vị đó thường đến xem xét nhân gian, ai làm thiện, ai làm ác đều ghi vào sổ, không những chỉ Tứ Đại Thiên Vương đến canh tuần mà các vị đó còn thống lãnh rất nhiều quỷ thần cũng đến tra xét thiện ác. Không những tra xét việc thiện ác có hình tướng mà vô hình trong tâm của bạn khởi một niệm ác các vị đó cũng đều biết. Bạn khởi một niệm thiện các vị đó cũng biết. Bạn khởi vọng tưởng ác thì thọ quả báo ác. Bạn khởi vọng tưởng thiện thì thọ quả báo thiện. Nhất cử nhất động các vị đó đều biết. "*Thống lãnh quỷ thần đi tuần tra*". Các vị đó thống lãnh vô số quỷ thần không những ban ngày đi tra xét thiện ác mà ban đêm cũng đi canh tuần, bất cứ làm việc gì các vị đó đều biết hết cho nên nói : "*Họa phúc không của người tự chiêu*". Gặp tai ương hoạn nạn hoặc được phước đều do mình chiêu đến, họa cũng không có của, phước cũng chẳng có của, đều do mình chiêu đến, làm thiện được phước, làm ác chiêu họa. "*Nhân quả tuần hoàn đừng trách ai*". Trồng nhân lành kết quả lành, trồng nhân ác kết ác quả, tơ hào không sai. Cho nên nhất cử nhất động, nhất ngôn nhất hạnh đều phải đặc biệt chú ý cẩn thận, đừng làm sai nhân quả, nếu làm sai nhân quả rồi, đến khi thọ quả xấu thì sẽ hối hận. Cho nên nhân quả là tuần hoàn vô đoan, trồng nhân gì kết quả đó, đừng trách bất cứ ai, đó đều là do mình tạo, cho nên nói "Bồ tát sợ nhân không sợ quả, Chúng sinh sợ quả không sợ nhân", trái ngược với nhau. Bồ tát tại nhân địa thì

hết sức cẩn thận, không sai nhân quả, cho nên cũng không sai quả báo. Chúng sinh tại nhân địa thì luôn luôn trồng nhân ác, đến khi thọ quả báo thì oán trời trách người, nói trời không công đạo, người cũng không tốt, khiến tôi thọ khổ, mà không biết quả báo đang thọ lãnh là do nhân quả trong quá khứ, cho nên nói "*đừng trách ai*" đừng than trời trách đất. Trên thế giới này nhất cử nhất động đều phải đặc biệt cẩn thận, không nên không giữ quy cụ, một khi bạn sai nhân quả rồi thì về sau sẽ phải hối hận vô cùng.

24. Đà La Ly Sát Noả.

Kệ : *Hóa Lạc thiên cung biến hóa kỳ
Tiêu dao tự tại thế gian hy
Y thực toại ý thích vừa đủ
Tức không phiền não cũng không bi.*

Giải : Đà La là Trời Hóa Lạc. Ly Sát Noả tức bao quát Trời Quảng Quả. "*Hóa Lạc thiên cung biến hóa kỳ*". Sự biến hóa của Trời Hóa Lạc rất là kỳ quái. "*Tiêu dao tự tại thế gian hy*". Ở đó rất khoái lạc, tiêu dao tự tại, việc gì cũng không cần làm, nghĩ y phục thì y phục đến, nghĩ cơm thì cơm đến, nghĩ cái gì có cái đó, không thể so sánh sự tiêu dao tự tại ở đây được, dù thời đại khoa học hiện nay máy điện toán gì cũng so sánh không được pháp tự tại này. "*Y thực toại ý thích vừa đủ*". Bạn cần y phục bao nhiêu thì đến bấy nhiêu, không nhiều cũng không ít, chỉ vừa đủ. Ăn cơm cũng như thế, cơm đến cũng không nhiều, cũng không ít chỉ vừa đủ bạn ăn. Cho nên nói là y thực toại ý. "*Tức không phiền não cũng không bi*". Trời Hóa Lạc chỉ thọ diệu lạc chứ không có phiền não, không có sự đau khổ, tuy nhiên không có phiền não ưu sầu như ở nhân gian, chỉ là khoái lạc nhưng đây cũng chẳng phải cứu kính, khi phước trời hưởng hết thì sẽ đọa lạc. Khi năm tướng suy

hiện thì thọ mạng cũng hết. Cho nên khi phước trời hưởng hết thì vẫn có khổ, có thể đọa địa ngục, chuyển ngạ quỷ, làm súc sinh. Vì không cứu kính cho nên trong Phật giáo không tu phước báo của cõi trời này.

Chú Lăng Nghiêm là Chú dài nhất, còn gọi là "linh văn", vì quá linh quá diệu, diệu không thể tả. Ai niệm thì người đó có cảm ứng. Ai trì tụng thì người đó được Bồ tát Kim Cang Tạng hộ trì. Cho nên bạn tu Chú này phải chánh tâm thành ý, tu thân, cách vật. Cách vật là gì ? Tức là cách trừ hết thủy vật dục, tức cũng là không có tâm tham, cách vật chí tri, chánh tâm thành ý, tu thân tức trì Chú này thì có đại cảm ứng. Có người không hiểu ý nghĩa của Chú, cho nên nói Chú Lăng Nghiêm là do nhiều Chú nhỏ hợp thành mới dài như thế, thật không bằng trẻ con. Trẻ con có nói cũng nói những lời đã nghe người lớn nói rồi mới nói, không thể sai lầm lợi hại như thế. Nếu nói Chú Lăng Nghiêm là do nhiều Chú ngắn nối lại với nhau thì những Chú ngắn đó là Chú gì ? Nếu bạn nói không biết sao lại nói là do nhiều Chú ngắn hợp thành ? Nói thẳng đó chẳng có căn cứ, những Chú ngắn đó có tên chẳng ? Nếu không có thì Chú này là ai nói, cho đến tên cũng không có thì còn nói Chú gì, cho nên thốt ra lời phải chịu trách nhiệm, không thể tùy tiện nói bậy bạ.

Chú Lăng Nghiêm từ khi bắt đầu là quy y mười phương tận hư không biến pháp giới hết thủy các Đức Phật, sau đó lại quy y mười phương tận hư không biến pháp giới hết thủy các Bồ tát, kể đó lại quy y các bậc Thánh nhân sơ quả, nhị quả, tam quả và tứ quả A La Hán, kế tiếp lại quy y chư Thiên. Quy y chư Thiên này không phải phụng hành pháp của chư Thiên, chỉ là cung kính chư Thiên, bốn lai người xuất gia bất tất lễ bái ai, người xuất gia đáng thọ sự cúng dường của chư Thiên, tại sao lại phải cung kính chư Thiên, chư Thiên lễ bái bạn là vì bạn có đạo đức, có tu hành, bạn đừng nên có tâm cống cao ngã mạn nói, bạn biết không ! Tất cả hộ pháp chư Thiên đều cúi đầu đánh lễ tôi, không thể sinh tâm cống cao ngã mạn như thế, phải cảm thấy chính mình chưa đủ đạo đức mới viên mãn, cũng phải xem có như không thật, như hư vọng. Mình có đạo đức mà không chấp trước, bạn có học vấn chân thật cũng đừng tự mãn, như vậy mới là người tu đạo. Cho

nhờ người tu hành tụng trì Chú này cũng phải cung kính chư thiên thiên thần, không những cung kính thiên thần mà ác thần cũng phải cung kính. Phải trừ khử cống cao ngã mạn của mình. Cho nên chỗ lợi ích của sự trì Chú Lăng Nghiêm nói cũng nói không hết. Tôi cũng không muốn nói cứu kính có diệu dụng gì, vì nếu tôi nói ra thì các bạn tụng trì lại sinh ra một thứ tâm tham, tụng trì Chú Lăng Nghiêm sẽ được diệu dụng gì. Như vậy thật chẳng phải muốn trì tụng Chú Lăng Nghiêm, nếu bạn thật muốn trì tụng Chú Lăng Nghiêm thì phải coi trọng Chú Lăng Nghiêm như ăn cơm, mặc y, ngủ nghỉ. Nếu Chúng ta làm như thế thì sẽ đắc được cảm ứng gì, linh nghiệm gì cũng không nghĩ đến, vì khi bạn nghĩ cũng là vọng tưởng, chưa thành công sao lại vọng tưởng, giống như em bé mới sinh ra, ngồi không thể ngồi được mà nghĩ muốn chạy, đi còn chưa được, làm sao chạy được. Tại sao em bé lại nghĩ như thế ? Vì không hiểu, nhưng đến khi chạy được lại nghĩ muốn bay. Bạn nói làm được chẳng ? Vốn là việc không thể làm được sao lại phải nghĩ tưởng, lại không phải là chim, cũng không có cánh mà muốn bay. Vọng tưởng này thật là quá lớn, tụng trì Chú Lăng Nghiêm cũng như thế, tu hành là tu hành, đừng có tâm mong chỗ sở đắc, nói tôi nhất định phải như thế này, như bạn nói tôi nhất định không chết, đến lúc chết vẫn phải chết, không có biện pháp nào tránh khỏi cái chết. Cho nên ý nghĩ này chỉ là vọng tưởng, nếu bạn nhận chân tu hành, chứng quả rồi, chấm dứt sinh tử mới tính. Bạn muốn không chết thì không chết, mà chẳng phải cứ nghĩ tưởng, tôi không chết, tôi không chết, tôi phải giữ gìn túi da hôi thối này, giữ đi giữ lại, đến lúc còn đang nói hẹn gặp lại thì ra đi hồi nào không hay.

(còn tiếp)

Chú ãi Bi

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

42. Hô Lô Hô Lô Hê Lị.

Kệ : Tứ tí tôn thiên hiện oai thần
 Nhất thiết tà ma vọng phong hồi
 Quy y Tam Bảo quán tự tại
 Tích công lữ hạnh thiện đức bồi.

Tạm dịch :

*Tôn thiên bốn tay hiện thần lực
Tất cả tà ma thấy hồi đầu
Quy y Tam Bảo Quán Tự Tại
Tích lữ công hạnh bồi đức lành.*

"Hô Lô Hô Lô Hê Lị": Câu Chú này cũng là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "tác pháp vô niệm". Còn gọi là "tác pháp tự tại". Ở trên là tác pháp như ý, đây là tác pháp vô niệm. Như ý thì vẫn còn có một ý niệm; bây giờ vô niệm thì dù một niệm cũng chẳng có, tác pháp thì chẳng có bất cứ một niệm gì. Còn một niệm thì còn vọng tưởng, bạn chẳng còn niệm thì chẳng còn vọng tưởng; chẳng còn vọng tưởng cho nên tác pháp tự tại, biến thành Quán Tự Tại.

Câu Chú này là "Bảo Bát Thủ", là Thủ Nhân thứ ba trong 42 Thủ Nhân. Bảo Bát Thủ có công năng gì ? Hay giải trừ tất cả bệnh đau của chúng sinh. Giống như bây giờ một số người xuất gia rất tin Chú Đại Bi, bèn gia trì 'nước Chú Đại Bi'. Nếu ai có bệnh thì gia trì một ly 'nước đại bi' cho họ uống. Uống vào có khi bệnh khỏi, có khi bệnh không khỏi, đó là xem nhân duyên của bạn. Nhân duyên của bạn uống 'nước Chú Đại Bi' khỏi bệnh thì bạn sinh niềm tin, tin Bồ Tát Quán Thế Âm; có khi bệnh không khỏi thì bạn chẳng tin, chẳng tin Bồ Tát Quán Thế Âm.

Kỳ thật, có khi cũng không khỏi, có khi mau khỏi, đó là xem nhân duyên của bạn với bệnh nhân. Nếu bạn và y có duyên thì y uống 'nước đại bi'

của bạn sẽ khỏi bệnh; nếu chẳng có duyên mà uống 'nước đại bi' thì y cũng chẳng có niềm tin, bệnh cũng chẳng khỏi. Nói tóm lại, có đủ thứ nhân duyên mới có thể giúp thành pháp duyên này. Nếu bạn có sự tu hành thì đối phương mới có tâm thành. Song, bạn có sự tu hành mà đối phương chẳng thành tâm uống 'nước đại bi', hoặc là không khỏi bệnh. Hoặc bạn chẳng có sự tu hành mà đối phương có tâm thành, uống 'nước đại bi' thì cũng sẽ khỏi bệnh. Ở đây có đủ thứ quan hệ, có khi người này nghiệp chướng nặng, và 'nước đại bi' của bạn không có công lực lớn mấy, cho nên y uống vào thì bệnh cũng chẳng hết. Có khi người đó nghiệp chướng nhẹ, và 'nước đại bi' của bạn rất có công phu. Gì gọi là có công phu ? Tức là bạn luôn luôn trì Chú Đại Bi thì có một sức lực cảm ứng đạo giao, cho nên bệnh của người đó được lành. Do đó, bất cứ việc gì cũng đều có đủ thứ nhân duyên ở trong đó để hỗ trợ, có đủ thứ trợ duyên mới thành tựu. Bạn đừng cho rằng tôi tu "Bảo Bát Thủ", tôi gia trì 'nước đại bi', sao chẳng có chút công hiệu nào ? Phải chăng 'nước đại bi' chẳng có công hiệu, là vì công phu của bạn không đủ, cho nên công hiệu cũng giảm bớt.

Vì vậy, có những kẻ ngoại đạo cũng dùng 'nước đại bi' cho bệnh nhân uống, rất linh nghiệm, rất có công lực. Tại sao? Vì có những kẻ ngoại đạo có thiên ma đến trợ giúp họ. Thiên ma trợ giúp người tu hành đó khiến cho một số người tin họ, thì họ dễ dàng dẫn những người đó đi vào trong thiên ma ngoại đạo. Cho nên cùng tu một pháp môn mà có nhiều sự việc khác nhau.

Chúng ta muốn dùng 'nước đại bi' để cho bệnh nhân uống, đó cũng là một trong những hạnh của Bồ Tát đạo, song, bạn phải hành Bồ Tát đạo, trước hết tu Bồ Tát hạnh. Bạn phải tồn tâm chẳng có

tướng người, tướng ta, tướng thọ mạng, tướng chúng sinh.

Bạn đừng cho rằng : Tôi hay trị lành bệnh cho mọi người, tôi niệm Chú Đại Bi rất có cảm ứng. Đừng có tâm niệm như thế, tại sao ? Vì bạn có tâm niệm như vậy là có sự chấp trước, có chấp trước thì có ma chướng. Nếu bạn chẳng có tâm niệm như thế thì vẫn có ma chướng. Vì một số người có mao bệnh hoặc là nghiệp, hoặc là ma. Nếu bị nghiệp chướng mà bạn chữa khỏi thì chẳng có vấn đề gì, nếu họ bệnh về ma chướng, có ma mà bạn nghĩ muốn cho họ hết bệnh, thì con ma sẽ nghĩ muốn tìm bạn để đấu tranh. Nếu đạo lực của bạn không đủ thì sẽ nhập vào cảnh giới ma vương. Dù bạn có đạo lực cũng sẽ kết oán với con ma đó. Kết oán thì con ma sẽ muốn tìm cơ hội để đấu tranh với bạn. Trong quá khứ, tôi rất thích trị bệnh cho người, ai có bệnh thì tôi nhất định nghĩ cách trị cho khỏi, song, về sau tôi gặp ma chướng rất lớn.

Tôi đã từng nói qua, lúc tôi ở tại Đông Bắc bên Trung Quốc thì quái vật ở trong nước muốn dùng nước giết chết tôi, song, chẳng giết chết tôi được, chúng giết chết khoảng năm sáu chục người, nhà cửa bị sập đổ khoảng tám chín trăm căn nhà. Về sau khi tôi từ Thiên Tân đến Thượng Hải, đi bằng đường biển thì quái vật ở trong biển lại muốn làm lật thuyền của tôi đi, cho nên cũng sém làm mồi cho cá. Từ đó về sau, tôi đến nội địa rất ít chữa bệnh cho người.

Việc chữa bệnh rất dễ kết oán, lại rất dễ kết duyên. Nếu bạn chữa bệnh cho người khỏi hẳn thì người đó sẽ biến phương pháp để cúng dường bạn, hoặc là cho bạn ăn vật ngon, hoặc là cho bạn đồ tốt, hoặc là cúng dường chút tiền cho bạn. Đó cũng rất dễ hóa duyên, song, cũng rất dễ kết oán, cho nên vấn đề này cũng có tốt cũng có xấu. Nếu bạn chẳng còn tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng, bốn tướng thì có thể làm. Nếu bốn tướng chưa phá được thì rất dễ bị ma chướng. Muốn kết duyên chữa bệnh cho người nên có đủ thứ quan hệ như thế.

43. Sa La Sa La.

Kệ : Thiện hảo phương tiện độ Ta Bà
Thị hiện ngữ trực hoá quần ma

Thường hành vô ngã Ba la mật
Ly chư pháp chấp diễn Ma Ha.

Tạm dịch :

*Phương tiện khéo léo độ Ta Bà
Thị hiện đời ác độ quần ma
Thường tu vô ngã đến bờ kia
Lià các pháp chấp tuyên đại thừa.*

"Sa La Sa La": Bạn nghe âm thanh này rất là lợi hại. Đây là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "kiên cố lực". Sức lực này đặc biệt kiên cố, chẳng có ai phá hoại được. "Sức kiên cố" này có thể phá tan tất cả thiên ma ngoại đạo, hàng phục được tất cả thiên ma ngoại đạo.

Câu Chú này là "Kim Kang Xử Thủ", tức cũng là "Bảo Xử Thủ". Bảo Xử Thủ này hay phá tan tất cả ma oán, cho nên gọi là 'sức kiên cố'.

44. Tất Li Tất Li.

Kệ : Năng quán chi trí sở quán cảnh
Viên dung tự tại chân như tính
Vô biên thế nguyện lợi chúng sinh
Bất khả tư nghi thường tại định.

Tạm dịch :

*Hay dùng diệu trí quán cảnh giới
Tánh chân như viên dung tự tại
Vô biên thế nguyện lợi chúng sinh
Thường ở trong định không nghĩ bàn.*

"Tất Li Tất Li": Lại là tiếng Phạn, dịch ra có ba ý nghĩa.

1. Là "dũng mãnh", giống như tác chiến chỉ có thắng, chứ không thể bại.
2. Là "thù thắng", rất là đặc biệt, tức cũng chỉ có thắng lợi chứ không thể thất bại.
3. Là "cát tường". Vì bạn dũng mãnh mới thắng lợi ; bạn thắng lợi mới cát tường. Đây là "Hợp Chướng Thủ", có thể khiến cho tất cả quỷ thần, rồng rắn hổ báo sư tử, người, chẳng phải người đều cung kính. Song, phải thắng lợi, cát tường, phải có tâm dũng mãnh, chẳng phải miệng nói suông mà nhất định phải thực hành.

(còn tiếp)

ĐẠI TRỊ ĐỘ LUẬN

Tác giả : Bồ Tát Long Thọ

Việt dịch : Hoà thượng Thích Trung Quán

Tiếp theo kỳ trước

Quyển Ba

Giải thích câu : Trụ Vương Xá thành.

Kinh : Trụ Vương Xá thành.

Luận.

HỎI : Tại sao không nói thẳng pháp Bát-nhã Ba-la-mật mà nói trụ Vương Xá Thành ?

ĐÁP : Mở đầu Kinh nói nơi chốn, thời gian, người dự hội để làm tin vậy. Trụ là gì. Bốn oai nghi của thân : Ngồi, nằm, đi, đứng là trụ. Lại để cho quân ma chúng sợ, tự khiến cho đệ tử hoan hỷ nhập hết thấy các thiền định nên trụ ở trong. Lại nữa, có ba thứ trụ : Thiên trụ, Phạm trụ và Thánh trụ. Pháp trụ của sáu cõi trời dục là thiên trụ. Pháp trụ của các trời từ cõi Phạm đến trời Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng là Phạm trụ. Pháp trụ của chư Phật, Bích-Chi-Phật và A-la-hán là Thánh trụ. Trong ba trụ pháp này, trụ pháp thánh trụ thì thương xót chúng sinh nên trụ thành Vương Xá.

Lại nữa, bố thí, trì giới, thiện tâm, ba việc ấy là thiên trụ. Từ bi hỷ xả, bốn vô lượng tâm là Phạm trụ. Không, vô tướng, vô tác ba tam-muội là thánh trụ. Phật trụ ở trong pháp thánh trụ.

Lại nữa, có bốn thứ trụ : Thiên trụ, Phạm trụ, Thánh trụ và Phật trụ. Ngoài ba trụ trên đã nói, Phật trụ như Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói : Chư Phật có vô lượng Tam-muội, mười lực, bốn vô sở úy, mười tám pháp bất cộng, nhất thiết trí thấy đủ các tuệ và tám muôn bốn ngàn pháp tạng độ mọi loài, v.v... hết thấy chư Phật công đức là trụ xứ của Phật ; Phật trụ ở trong.

HỎI : Các thành như Tỳ-ca-la, Ba-na-nại đều là vương xá (chỗ ở của vua) tại sao chỉ mình thành này có tên là Vương Xá ?

ĐÁP : Truyện cổ nói rằng xưa thành vua nước Ma-già-đà ở bị cháy bảy lần, mỗi lần làm lại, nhân dân mệt mỏi, vua lo buồn, bèn họp các người giỏi lại để hỏi ý kiến. Có người góp ý nên dời đi xứ khác. Vua nghe theo cho đi tìm chỗ, thấy nơi này năm núi vây lại như cái thành, liền ra lệnh cho dân làm cung điện ở trong. Do đó gọi là Vương Xá.

Lại nữa, thời xa xưa, nước này có ông vua tên là Bà-Tẩu, bỏ ngôi đi tu tiên. Bấy giờ cư gia Bà-la-môn với các người tu tiên bàn cãi nhau về một vấn đề. cư gia Bà-la-môn nói : Kinh thư cho phép sát sinh ăn thịt. Người tu tiên bèn đề nghị đến gặp vị tu tiên trước kia làm vua để lấy ý kiến quyết định. Hai bên đồng ý. Hôm sau là ngày đến thì đêm trước đó các cư gia Bà-la-môn đến gặp tiên nhân Bà-Tẩu, yêu cầu giúp đỡ. Bà-Tẩu hứa nhận.

Đến ngày hôm sau, trong cuộc luận bàn, các vị tu tiên hỏi Bà-Tẩu tiên nhân rằng :

Trong thiên tự nên sát sinh ăn thịt không ? Pháp của Bà-la-môn, trong thiên tự, nên sát sinh ăn thịt.

Với thực tâm của ông thế nào ? Nên sát sinh ăn thịt không ?

Vì tế trời nên sát sinh ăn thịt ; sinh vật này chết trong việc tế trời thì được sinh lên trời.

Ông rất không phải ! Ông là đại vọng ngữ ! Liên nhỏ bọt nói : "Tội nhân diệt đi !"

Khi đó Bà-Tẩu tiên nhân liền sụt chân xuống đất tới mắt cá chân. Đó là sơ khai mở đại tội !

Các vị tiên nói : Ông nên nói thực, nếu cố nói vọng ngữ, thì thân ông sẽ tụt xuống đất.

Bà-Tẩu tiên nhân nói : Ta biết làm trời sát sinh, ăn thịt không có tội. Nói xong thì tụt chân xuống đất tới đầu gối, như thế dần dần tụt xuống đến lưng, đến cổ. Các vị tu tiên nói : Ông nay vọng ngữ phải báo đời hiện tại, nếu ông nói thực tụt xuống dưới đất, chúng ta có thể kéo ông lên được, khiến cho ông khỏi tội.

Bấy giờ Bà-Tiểu nghĩ rằng : Ta quý trọng người, không nên nói hai lời, lại ở trong Vi-đà, bốn pháp Bà-la-môn hết thấy nhân duyên ca ngợi phép tế trời, ta một người chết có đáng kể gì ! Rồi nhất định nói : Trong thiên tự nên sát sinh ăn thịt vô tội !

Các vị tu tiên nói : Ông là kẻ tội trọng, đuổi đi không muốn thấy nữa ! Rồi toàn thân Bà-Tiểu tụt xuống đất hết. Từ đó tới nay, họ thường dùng pháp của Bà-Tiểu tiên nhân, ở trong thiên tự sát sinh tế trời. Lúc xuống dao giết vật thì nói : Bà-Tiểu giết người !

Con của Bà-Tiểu lên nối ngôi vua, sau cũng chán đời lại không xuất gia, suy nghĩ rằng : Tiên vương xuất gia, còn sống đã phải vào địa ngục, nếu mà trị thiên hạ lại làm đại tội, ta nay phải làm sao ? Khi suy nghĩ như vậy, bỗng nghe trong hư không có tiếng nói rằng : Nếu ông đi thấy chốn hy hữu, khó gặp, nên ở trong đó làm nhà mà ở ! Nói xong, thì không nghe thấy tiếng nữa. Chưa bao lâu, vua ra ruộng đi săn, thấy một con hươu chạy nhanh như gió, vua liền đuổi theo mà không kịp, tiếp tục đuổi mãi, các quan theo hầu cũng không kịp. Đuổi đến lúc trước mặt thấy năm quả núi vây quanh cao kín, mà đất bằng phẳng, cỏ non mềm nhũn, hoa tươi đẹp đầy mặt đất, bao nhiêu rừng cây, hoa quả tươi tốt um tùm, ao tắm, giếng nước nóng, thủy đều thanh tịnh, mặt đất trang nghiêm, nơi nơi hoa trời rơi xuống, có hương trời, nhạc trời. Thần nhạc Càn-thát-bà thấy vua tới liền lui đi. Vua tự nghĩ : Xứ này hiếm có chưa từng thấy, ta nay chính nên ở đây làm nhà ở. Nghĩ xong thì quần thần cũng vừa đến, vua bảo các quan rằng : Trước đây, ta nghe trong hư không có tiếng nói bảo ta khi nào gặp chốn hy hữu khó thấy nên làm nhà ở. Nay ta thấy xứ này hiếm có, ta nên ở đây. Liền bỏ thành cũ. Đó là vua đầu tiên ở trong núi này, xây dựng cung điện và đặt tên là thành Vương Xá.

KINH. Trong núi Kỳ-xà-quật.

Hỏi : Kỳ-xà : Chim thú. Quật : Đâu. Tại sao gọi là đầu chim thú ?

ĐÁP : Người trong thành Vương Xá thấy ngọn núi giống chim thú nên gọi là núi đầu chim thú. Lại nữa, phía nam thành Vương Xá, trong

thi lâm, có nhiều cây chết, các chim thú thường lại đó ăn thịt, rồi bay về đầu núi nên gọi là núi thú đầu. Trong năm ngọn, núi này cao nhất, nhiều rừng, nước tốt, là chỗ trụ của Thánh nhân.

HỎI : Đã biết nghĩa núi Kỳ-xà-quật, tại sao Phật lại ở thành Vương Xá ? Chư Phật lòng từ rải khắp, như mặt trời chiếu soi vạn vật, không một loài nào là không được nhờ ánh sáng. Các thành lớn như thành Phú-lâu-na-bạt-đà, A-lam-sa-đa-la, v.v. đông dân, phồn thịnh tại sao không ở lại ở thành Vương Xá nhiều hơn rồi đến Sá-bà-đề, dù đôi khi có ở các thành lớn khác như Ba-la-nại, Ca-tỳ-la-vệ, v.v. Các Kinh phần nhiều nói đến hai thành này, ít nói đến các thành khác.

ĐÁP : Phật tuy lòng từ rải khắp, song các thành lớn khác như Ấu-kỳ-ny gần biên giới, như Di-ly-sa nhiều người tệ ác, căn lành chưa thuần thực. Như kệ nói :

*Như Phật quang chiếu khắp !
Hoa chín tới thời nở !
Nếu hoa chưa lúc nở,
Thời cũng không cưỡng nở.
Phật cũng lại như thế,
Đẳng tâm mà thuyết pháp.
Căn lành chín thời nở,
Chưa chín thời chưa nở.
Cho nên đức Thế Tôn,
Trụ ở trong ba người,
Lợi trí, căn lành chín,
Kết sử, phiền não mỏng.*

Lại nữa, biết ơn nên phần nhiều ở thành Vương Xá và thành Sá-bà-đề vì nước Kiều-tát-la là nơi sinh của Phật, như Phật đáp vua Tần-bà-sa-la bài kệ rằng :

*Có quốc độ tốt đẹp !
Ở bên núi Tuyết sơn.
Giàu vui nhiều châu báu,
Tên là Kiều-tát-la.
Ngày giòng con họ Thích,
Ta sinh ở trong đó.
Tâm chán già, bệnh, chết,
Xuất gia cầu Phật đạo.*

Nước Kiều-tát-la, chúa là vua Ba-tư-nặc, ở trong đại thành Vương Xá, Phật là pháp chủ.

(còn tiếp)

THIÊN THẤT KHAI THỊ

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Tại sao lại dùng Kim Cang ví dụ thân tâm chúng ta ? Vì chúng ta sinh ra đời chỉ bất quá sống được mấy mươi năm, chuyển nháy mắt liền tiêu mất. Dùng một trăm tuổi mà nói thì thiếu niên chiếm mất mười lăm năm, vì mười lăm tuổi trước niên thiếu chẳng biết gì, tuổi già thì chiếm khoảng mười lăm năm, vì niên kỷ già cả, cũng không trung dụng. Như vậy già bỏ đi mười lăm năm, thiếu niên bỏ đi mười lăm năm, cộng lại ba mươi năm thời gian không qua, còn lại bảy mươi năm thời gian. Thời gian ngủ lại chiếm hết một nửa, chỉ còn lại ba mươi năm. Trong ba mươi năm mỗi ngày thường làm việc nhà cũng phải mất hết năm năm. Vậy chỉ còn lại ba mươi năm. Nếu chúng ta không lợi dụng thời gian ba mươi năm đến "Kim Cang Bồ Đề Hải" tu hành, suốt ngày chỉ vì cái bụng mà bận rộn, đó không phải là lãng phí thời gian chăng?

Chúng ta vốn là ở trong Kim Cang Bồ Đề Hải, do vô minh che đậy mà phát sinh các thứ mê hoặc, cho nên trời nổi trong lục đạo, lúc thì sinh làm người, làm chư thiên, làm ngạ quỷ, làm súc sinh, làm A Tu la hoặc đọa địa ngục. Luân hồi trong sáu nẻo không ngừng, mê mà không giác, tức là luân hồi thọ khổ trong sáu nẻo. Giác mà không mê thì liễu sinh thoát tử, đắc được giải thoát.

Vì sao chúng ta không giác ? Đều vì ba độc làm hại, cũng như một số thanh niên uống thuốc mê huyễn cho nên đầu não không sáng suốt. Chúng ta ăn độc tham sân si quá nhiều, hôm nay không sân hận, thì ngày mai cũng nổi sân hận, mai không nổi sân hận thì ngày mốt lại nổi phiền não. Đó là kẻ mê mà không giác. Vậy làm thế nào để giác ngộ ? Chỉ có tham thiền mới có thể giác ngộ, hết mê, chấm dứt sinh tử. Bản tính của chúng ta vốn thanh tịnh cũng như nước trong. Sinh khởi vô minh cũng giống như nước đóng thành băng. Tự tính thanh tịnh của chúng ta, vốn không có ô nhiễm, mà là đầy đủ đại trí huệ.

Nhưng một khi sinh phiền não rồi thì bốn tính giống như băng. Thử nghĩ dùng một chén nước trong tát lên mặt người ta thì nước không thể làm thương hại người. Nếu dùng một cục nước đá phang lên đầu người ta thì khiến cho bể đầu chảy máu, thậm chí có thể chết.

Nếu người không mê, chưởi máng người ta thì không thể làm thương hại người. Vì sao? Vì người đó không có tâm sân hận. Chưởi máng người là cảnh tỉnh họ, hy vọng họ sửa lỗi làm mới. Người có trí huệ chân chánh thì không thể hại người. Nếu muốn được chân chánh trí huệ thì phải chạy hương, ngòi hương (tham thiền).

"Nguyệt đảo thiên tâm xứ
Phong lai thủy diện thời
Nhất ban thanh ý vị
Liễu đắc thiếu nhân tri".

"Nguyệt đảo thiên tâm xứ" : Đây là hình dung người dụng công đạt được cảnh giới giống như mặt trăng nằm ở trên đỉnh đầu.

"Phong lai thủy diện thời" : Gió thổi đến mặt nước còn chưa có sóng.

"Nhất ban thanh ý vị" : Ý nói là cảnh rất thanh tịnh và ôn hòa.

"Liễu đắc thiếu nhân tri" : Nhưng rất ít người biết thưởng thức ý vị cảnh giới này. Dụng công đến không thấy tướng người, tướng ta, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng. Thì bên trong không thấy có thân tâm, ngoài không thấy có thế giới. Thân tâm tức đều không, thế giới cũng không còn tồn tại. Tu đạo phải tự mình dụng công. Chẳng phải dụng công thế cho kẻ khác được. Cho nên :

"Sinh tử của ai người ấy lo
Mình ăn thì mình no".

Dụng công thì sẽ liễu sinh thoát tử. Liễu sinh tử thì nhất định thoát khỏi luân hồi.

Con người thường so sánh với kẻ khác đều cho mình là hơn người, thật ra thì chưa thể thấy thân tâm đều không đó là chấp trước ngã tướng, người

tham thiền, phải trừ khử ngã tướng, không những vô tướng, còn phải không thấy thân tâm. Thân tâm đều không. Cho nên "Vô tâm đạo nhân". Vô tâm đạo nhân tức là người vô tu vô chứng. Kinh Tứ Thập Nhị Chương có nói : "Cúng dường một trăm người ác không bằng cúng cho một người thiện ; cúng dường cho một ngàn người thiện, không bằng cúng cho một người trì ngũ giới ; cúng dường một vạn người trì ngũ giới, không bằng cúng dường một người xuất gia Tỳ Kheo ; cúng dường một trăm vạn Tỳ Kheo, không bằng cúng cho một vị chứng quả Tu Đà Hoàn ; cúng dường một vạn người sơ quả Tu Đà Hoàn, không bằng cúng cho một vị nhị quả Tu Đà Hàm ; cúng dường một vạn nhị quả Tu Đà Hàm, không bằng cúng cho một vị tam quả A Na Hàm ; cúng dường một trăm vạn tam quả A Na Hàm, không bằng cúng cho một vị tứ quả A La Hán ; cúng dường một ngàn vạn tứ quả A La Hán, không bằng cúng dường thập phương chư Phật ; cúng dường một vạn thập phương chư Phật, không bằng cúng dường một người vô tâm". Phải chân chánh vô tâm mới xứng đáng thọ lãnh cúng dường này.

"Vô tâm đạo nhân" cũng là "trong chẳng thấy thân tâm, ngoài chẳng thấy cảnh giới", đồng một thể với hư không. Muốn tu hành "Vô tâm đạo nhân", thì trước hết phải phá ngã chấp, pháp chấp. Muốn phá ngã, pháp hai chấp chỉ có tu thiền, từ từ dụng công.

Phương pháp dụng công giống như mèo rình chuột. Mèo nhắm nài rình ở miệng hang, đợi chú chuột xuất hiện liền vồ bắt lấy. Tham thiền cũng như thế. Tham thoại đầu "Niệm Phật là ai ?". Chữ "ai" giống như chú chuột. Chữ "tham" tức là mèo. Lại như gà ấp trứng, hoặc như rồng giữ mình châu, thời thời khắc khắc chuyên tâm nhất chí, không khởi vọng tưởng. Cho nên "Một niệm không sinh toàn thể hiện, sáu căn hết động bị mây che". Một niệm không sinh tức ngồi thiền đạt đến trong thì không thấy thân tâm, ngoài thì không thấy thế giới. Hơi thở cũng ngừng lại, nhưng không phải là chết. Bên ngoài tuy hơi thở ngừng lại, nhưng bên trong vẫn còn hơi thở. Được như thế thì có thể chuyển đại pháp luân,

chuyển bánh xe vô hình nhưng đừng bao giờ chấp trước cảnh giới như thế.

Những người dụng công tham thiền phải cố gắng nỗ lực. Cho nên "Đầu sào trăm thước, tiến thêm một bước". Người không dụng công phải nắm bắt thời gian, đừng để thời gian trôi qua lãng phí. Cổ nhân có nói : "Một chút thời gian là một tác vàng, tác vàng khó mua được chút thời gian".

Dụng công thì đất, nước, gió, lửa đều có thể nhập định, lại có thể nhập phi phi tướng định. Ở trong định không nên chấp trước cảnh giới, đừng sinh khởi phiền não vô minh, bằng không thì sẽ chướng ngại sự khai ngộ. Nay tôi kể một câu chuyện mượn để làm gương soi.

Trước kia có vị tu hành, muốn sinh về cõi trời Phi Phi Tướng Xứ (tầng trời cao nhất ở cõi vô sắc giới), cho nên tu phi phi tướng xứ định. Vị ấy tu gần bờ biển, lúc muốn nhập phi phi tướng xứ định thì cá đùa giỡn ở bờ biển làm gây tiếng động rì rào, khiến vị tu hành không thể nào nhập định được. Vị tu hành mở mắt nhìn thì cá lập tức bơi đi chỗ khác. Vị tu hành vẫn tiếp tục ngồi thiền, khi sắp nhập định thì cá lại bơi đến. Như thế nhiều lần khiến vị tu hành buồn bực sinh tâm sân hận. Tự nghĩ rằng : "Ta tốt nhất là biến thành con chim ưng, sẽ ăn sạch hết cá trong nước". Ông ta sinh tâm sân hận như thế, dọa nạt cá không dám đến. Vị tu hành cuối cùng chứng nhập phi phi tướng xứ định mà sinh lên cõi trời Phi Phi Tướng Xứ, hưởng thọ phước trời tám vạn đại kiếp.

Vị tu hành đã khởi tâm sân hận, muốn biến thành chim ưng, ăn sạch hết cá. Đợi khi phước trời hưởng hết thì đọa lạc vào đường súc sinh, đọa làm chim ưng, ngày ngày ăn cá. Đợi khi Phật Thích Ca thành Phật rồi, vì ông ta mà thuyết pháp, mới thoát khỏi thân chim ưng, chuyển sinh làm người. Theo Phật tu đạo, sau chứng quả A La Hán, cho nên tu đạo không thể tùy ý sinh tâm sân hận, khởi vọng tưởng tất sẽ thọ quả báo.

(còn tiếp)

KHAI THỊ NHÂN NGÀY LỄ TẮM PHẬT

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Giữa Nam Tông và Bắc Tông có sự bất đồng về ngày đàn sanh của Đức Phật. Tuy nhiên, bất luận ngày nào, chỉ cần mọi người thành kính tưởng nhớ, trang nghiêm lễ bái, thì ngày đó chính là ngày Đức Phật đàn sanh. Bởi lẽ "pháp vô định pháp," cho nên dẫu có nghiên cứu riêng về một vấn đề này đến tóc bạc, mắt lòa, cũng vẫn không tìm ra được một đáp án đúng đắn, chỉ lãng phí thì giờ quý báu, như thế thì đáng tiếc biết bao!

Theo đạo Phật, mỗi người nói chung đều có chỗ chấp trước, câu nệ. Người thì chấp trước Phật Giáo Ấn Độ, kẻ thì chấp trước Phật Giáo Tích Lan, Phật Giáo Trung Hoa hoặc Phật Giáo Nhật Bản, v.v... Chính vì sự chấp trước và quan điểm bất đồng đã khiến cho Phật Giáo trở thành có giới hạn, có ranh giới, và gây nên sự chia rẽ trong Phật Giáo.

Thật ra, Phật Giáo vô lượng vô biên, không hề có một phạm vi nhất định. Do đó, tôi trước sau vẫn chủ trương là không nên vạch ranh giới cho Phật Giáo, mà trái lại, tất cả phải đoàn kết nhất trí, "thế giới một nhà" mới đúng! Tôi vẫn thường nói: "Phật Giáo mà tôi giảng thì không phải là Phật Giáo Ấn Độ, cũng chẳng là Phật Giáo Trung Hoa, mà chính là thứ Phật Giáo 'tận hư không, biển Pháp Giới!'" Nói rõ hơn thì không có Phật Giáo nào có quốc tịch, không có Phật Giáo nào có chủng tộc, và cũng không có thứ Phật Giáo phân chia nhân, ngã hay mình, người! Không phải chỉ có kẻ tín ngưỡng Phật Giáo mới là đệ tử Phật, mà ngay cả những người không tín ngưỡng Phật Giáo cũng là đệ tử của Phật! Vì sao? Là vì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni từng dạy rằng:

Nhất thiết chúng sanh,

Giai hữu Phật tánh,

Giai kham tác Phật!

Nghĩa là:

Tất cả chúng sanh,

Đều có Phật tánh,

Đều đặng thành Phật !

Điều này chứng tỏ rằng người tin Phật là chúng sanh, mà người không tin Phật cũng là chúng sanh!

Có người nói: "Tôi không phải là chúng sanh!" Thế thì, thử hỏi: "Bạn không phải là chúng sanh; vậy thì bạn là gì?"

Có người lại cả quyết: "Tôi tên là Thiên (trời), vậy thì tôi là trời!" Bạn nên biết rằng: "Trời" cũng là một chúng sanh!

Cũng có người nói: "Tôi tên là Địa (đất), vậy thì tôi là đất!" Bạn nên nhớ rằng: "Đất" cũng là chúng sanh và cũng không vượt ra ngoài vòng chúng sanh!

Tận cùng cõi hư không và khắp cả Pháp Giới đều là nơi cư ngụ của chúng sanh. Trong mười Pháp Giới, chỉ có Phật Pháp Giới là vượt ra ngoài vòng chúng sanh; kỳ dư, chín Pháp Giới còn lại (Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, Trời, Người, A Tu La, Súc Sanh, Ngạ Quỷ, Địa Ngục) đều thuộc trong vòng chúng sanh, nên đều được gọi là "chúng sanh."

Chúng ta đều là chúng sanh, thế thì, nếu tôi xem những kẻ không tin theo đạo Phật cũng thuộc về Phật Giáo thì có gì là không công bằng chứ? Đây chính là tánh cách "toàn thể đại dụng" của Phật Giáo. Đức Phật dạy rằng:

Nhất thiết chúng sanh giai khả thành Phật !

(Tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật!)

Dù các bạn có tin theo Phật Giáo hay không, trong tương lai, tất cả các bạn đều sẽ thành Phật! Vì sao ? Vì các bạn chạy không khỏi cái

vòng chúng sanh! Người nào hiện tại không tin Phật, thì tương lai sẽ tin Phật; đời này không tin Phật; thì đời sau có thể tin Phật. Nói tóm lại là mọi người rồi sẽ tin Phật, do đó mà tất cả chúng sanh đều được xem như đệ tử của Phật.

Hiện nay có tôn giáo không giảng đạo lý, cứ quả quyết rằng : "Chỉ có một vị Thần độc nhất vô nhị, có thể làm chủ thế giới, sáng tạo thế giới, và khống chế vũ trụ mà thôi. Con người thì không có tư cách làm Thần, mà chỉ có thể làm nô lệ cho Thần và chịu sự chi phối của Thần!" Thử lý luận này rất tương phản với tông chỉ của Phật Giáo!

Theo tông chỉ của Phật Giáo thì ai ai cũng có thể thành Phật được cả. Các chúng sanh đời hiện tại chính là cha mẹ của chúng ta trong đời quá khứ và là những vị Phật trong tương lai. Nếu chúng ta sanh lòng sân hận đối với chúng sanh thì cũng như sân hận cha mẹ mình và chư Phật; và như thế tức là chúng ta trở thành những kẻ bất hiếu, đại nghịch! Do vậy, đối với chúng sanh thì chúng ta cần phải từ bi, kính trọng. Giữa người với người thì nên đối đãi một cách chân thành và sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau; chứ đừng chướng ngại, đổ kỵ nhau. Đó là điểm vĩ đại nhất của đạo Phật.

Hôm nay các bạn đến Vạn Phật Thánh Thành tham gia Lễ Tắm Phật, thì tôi xem các bạn như là đệ tử của Phật (mà không cần biết các bạn có tin Phật hay không, có tắm Phật hay không!) Người tín ngưỡng Thiên Chúa tôi cũng kể như đệ tử của Phật, người tín ngưỡng Giê-su tôi cũng coi là đệ tử của Phật. Ngay cả những người tín ngưỡng Do Thái Giáo, hoặc Hồi Giáo, v.v... Tôi cũng đều xem họ như đệ tử của Phật. Tôi tuyệt nhiên không hề xem các bạn là "người ngoài" đối với Phật Giáo. Tất cả mọi người đều là một nhà, cùng chung một gia đình, không phân biệt người này kẻ nọ. Các bạn xem, Phật Giáo hoàn toàn không có tư tưởng bài xích tôn giáo khác, thật là vĩ đại biết bao !

SA DI NGỘ ĐẠO

Việt dịch : Diệu Hạnh

Thời Phật Ca Diếp có một vị Tỳ Kheo trẻ tuổi, xướng tán rất hay. Khi cùng ở chung một chỗ với các vị Tỳ Kheo khác, thầy hay lộ vẻ kiêu ngạo, tự phụ giọng của mình trong và thanh và thấy mình phi thường, nổi bật.

Có một vị Tỳ Kheo lớn tuổi, giọng lại khàn đục, không giỏi tán xướng, cũng ở chung với đại chúng. Khi vị Tỳ Kheo trẻ nghe âm thanh tán xướng của vị Tỳ Kheo già, thầy bèn cười ngạo rằng giọng ấy không khác gì tiếng chó tru. Vị Tỳ Kheo già vốn là một vị Thánh đã chứng quả A La Hán, hỏi vị Tỳ Kheo trẻ kia rằng :

Thầy có biết tôi không ?

Tôi biết thầy từ lâu rồi, thầy là vị Tỳ Kheo thượng thủ của Ca Diếp Như Lai.

Vị Tỳ Kheo già nói :

Tuy không biết xướng tán nhưng tôi đã thoát được sự trôi nổi của sinh tử, và không còn bất cứ khổ não nào của thế gian.

Vị Tỳ Kheo trẻ nghe thế thì hết sức hoảng sợ, cảm thấy hổ thẹn vô cùng, bèn xin sám hối với vị Tỳ Kheo già. Nhưng tính tội đã thành lập rồi, nên trong 500 kiếp, thầy đã phải chịu khổ báo sinh ra làm người câm. Tuy nhiên nhờ cái nhân thiện là đã từng xuất gia, về sau lúc đức Thích Ca Mâu Ni xuất thế thì thầy mới được giải thoát. Nhân duyên thầy được độ diễn ra như sau :

Có 500 nhà buôn muốn đi du lịch xa, bèn kết bạn với nhau để cùng đi. Trong số đó có một người dắt theo một con chó cho nó canh chừng ban đêm. Đi được nửa đường, các nhà buôn ngủ nghỉ trong lữ điếm, con chó thấy chủ nhân ngủ say, bèn lén lấy trộm một miếng thịt ăn. Nhưng nhà buôn ấy thức dậy thấy được, nổi giận lôi đình, thế là chân đá tay đâm, lửa sân ngùn ngụt, ông đánh con chó gãy cả bốn chân, vứt nó trong một cánh đồng hoang rồi bỏ đi nơi khác.

Lúc ấy Xá Lợi Phát dùng thiên nhãn thông thấy hết, thấy con chó đau đớn không cùng, gần chết đói chết khát, bèn đem cơm mà ngài đã khát thực được bổ thí cho nó ăn. Con chó giữ được chút tàn hơi,

sung sướng vô ngần. Xá Lợi Phát thuyết diệu pháp cho chó nghe, và con chó nghe pháp xong liền tắt thở, rồi tái sinh trong nhà Bà La Môn ở Xá Vệ Thành.

Một hôm, Xá Lợi Phát đi khát thực một mình, Bà La Môn trông thấy liền hỏi :

Tôn giả đi có một mình, sao không có Sa Di đi theo hầu ?

Xá Lợi Phát trả lời :

Tôi không có Sa Di, nghe ông mới có một đứa con trai, có thể cho nó làm Sa Di đi theo tôi không ?

Bà La Môn trả lời :

Con trai tôi tên là Quân Đề, hãy còn nhỏ lắm, chưa biết làm việc. Chờ nó lớn lên một chút, tôi sẽ cho nó đi theo Tôn Giả.

Xá Lợi Phát đồng ý.

Quân Đề được bảy tuổi, Xá Lợi Phát bèn đến nhà Bà La Môn xin mang chú về. Bà La Môn bèn ra lệnh cho Quân Đề đi theo Xá Lợi Phát xuất gia làm Sa Di.

Xá Lợi Phát đưa Quân Đề về Kỳ Viên tinh xá, thuyết pháp cho chú nghe, và Quân Đề lãnh hội được hết. Tuy Quân Đề chỉ là một đứa bé bảy tuổi nhưng chú đã có thể thọ nhận Thánh pháp một cách mau lẹ. Chú Sa Di Quân Đề chính là con chó trong kiếp trước, đã được Xá Lợi Phát cho ăn cơm và thuyết pháp cho nghe. Nhờ có thiện căn ấy nên chú đã nguyện làm Sa Di thị giả của Xá Lợi Phát để báo ơn ngài.

Người ta nói trẻ con mà vào đạo là vì đã có thiện căn rất lớn. Trên con đường tu đạo, tuổi tác không phải là một vấn đề. Sa Di hay Tỳ Kheo cũng không phải là một vấn đề, thậm chí xuất gia hay tại gia cũng không thành vấn đề nữa. Thọ nhận Thánh giáo, giác ngộ chứng quả thì ở bất kỳ tuổi nào, già lão hay thơ ấu, Sa Di hay Tỳ Kheo cũng đều có thể làm được.

Chuyện chú Sa Di Quân Đề được khai ngộ lúc tuổi còn thơ là một thí dụ cụ thể.

VÌ SAO THẾ GIỚI SỰ ĐỔ ?

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Giảng 22/ 8/1993, tại Burlingame.

Là người học Phật, mình chớ nên hiếu kỳ, ham thích những thứ cao xa diệu vợi. Bởi vì :

Tâm bình thường là đạo.

Mà hơn nữa :

Con người noi theo đất,

Đất noi theo trời,

Trời theo đạo,

Đạo theo tự nhiên.

Hễ mình miễn cưỡng làm việc gì thì việc đó không tương ưng với Đạo. Vì vậy, làm việc gì mình cũng nên nhậm vận tự nhiên, chớ gò ép giả tạo. Nhiều người cả đời học Phật Pháp song lòng tham của họ thì vĩ đại hơn hết. Thật tôi không biết họ học thứ Phật Pháp gì nữa ! Đã theo gót Phật thì lúc nào, chỗ nào và việc gì mình cũng phải ung dung tự tại, chớ miễn cưỡng giả dối. Cũng chớ nên tham lam, tranh giành. Chớ nên vừa tu thánh đạo, vừa đeo đuổi chuyện trần tục. Hãy ngừng đi lòng ích kỷ, chấm dứt tánh tự lợi. Quan trọng nhất là mình đừng nói dối. Một khi lòng gian dối ngừng bật, lúc ấy tánh chân thật mới bắt rễ trong tâm ta.

Nếu bạn còn song thân thì hãy hiếu thảo với họ. Đối với anh em trong nhà, mình hãy thương yêu, đùm bọc, chớ cãi vả đập lộn. Hễ cãi vả thì không khí êm đềm ấm cúng sẽ tiêu tan mất. Các bạn hãy quán sát xem : Biết bao gia đình trên thế giới này đổ vỡ nát tan ! Phân gia ly tán. Chẳng còn mấy ai biết sống chung trong tình thương và hòa thuận. Dù rằng :

Vợ chồng chung sống

Đó là quan hệ căn bản của loài người.

Mình phải hài lòng với cuộc sống gia đình, chớ để mất hòa khí. Nếu không thì lúc nào mình cũng dễ sanh sự, cãi vả. Khi ấy cả nhà chẳng còn chi vui thú, ấm cúng nữa. Nhiều nhà, ai nấy lòng cũng bất mãn, oán ghét nhau, chẳng biết tri túc chi cả. Có kẻ còn nói : "Khốn nạn cho tôi sinh vào nhà này !" Đầy thù hận, oán độc. Bởi người này đổ lỗi người kia. Kết quả là vợ chồng ly dị. Đấy chẳng là qua là :

Cha không ra cha,

Con không như con,

Vợ chẳng ra vợ.

Và rồi cả nhà chẳng một phút êm ấm, cứ cãi vả suốt ngày. Nếu sống mà cứ mất lòng nhau (ly tâm), chẳng chịu nghe nhau (ly đức), thì chắc chắn cuối cùng sẽ bỏ nhau (ly hôn). Thời này các bạn biết bao nhiêu gia đình ly hôn chẳng ? Kể ly hôn nhiều hơn kể kết hôn. Ly hôn tuy tệ hại, song kết quả của nó còn tệ hại hơn, bởi vì nó phá huỷ cơ cấu quốc gia khắp mọi nơi. Nguyên nhân khiến thế giới sụp đổ thật là bắt nguồn từ nơi gia đình bất hòa, vợ chồng ly dị. Và cũng từ đó tai họa trong trời đất phá sanh.

Thiên tai, nhân họa vì đâu mà có ? Vì con người ly hôn nhiều quá. Khi cha mẹ ly hôn, gia đình tan nát, thì con cái dễ biến thành những trẻ hư hỏng. Thiếu cha mẹ chúng không thể nên người và thành kẻ hữu dụng ở đời được. Trẻ mồ côi hay trẻ sống một mình cha (hoặc mẹ) nó thì đầy dẫy khắp thế giới. Khi thiếu giáo dục đành hoang, các em ấy khi lớn lên chẳng hề biết câu thúc gì cả. Các em có thể giết người, đốt nhà, hút sách...đủ mọi chuyện xấu.

Bấy giờ quốc gia thì không còn là quốc gia, thế giới không còn là thế giới nữa. Tra xét cho kỹ nguyên nhân họa hoạn thì rõ ràng là từ việc cha mẹ không biết giáo dục con cái, trị lý gia đình cho tốt ; họ cứ luôn ích kỷ nghĩ đến cá nhân mình, do đó mới tìm giải pháp ly hôn. Một khi ly hôn thì đủ thứ vấn đề đầy khó. Những thứ tai họa như động đất, cuồng phong, hỏa hoạn, tật dịch sẽ thường xuyên hoành hành. Không biết bao nhiêu người sẽ mất mạng trong đủ loại tai nạn như máy bay rớt, xe lửa lật, tàu chìm...Và nguyên nhân đó thì thật giản dị : Vợ chồng ly hôn. Bởi vì ly hôn là làm đảo lộn Âm Dương. Khi Âm Dương đảo lộn thì mọi sự mọi việc không còn thuận lợi êm xuôi nữa. Mọi thứ trên thế giới sẽ chịu ảnh hưởng và rối cuộc đều bị đảo lộn hết.

Bởi vậy muốn rõ vì sao thế giới suy sụp, mình phải xét tận căn nguyên. Căn nguyên ấy là do vợ chồng bất hòa. Do họ không còn biết tôn trọng nhau, quên băng đi lễ tiết giữa vợ chồng. Thời này ai cũng nói tới tự do, song càng nói tự do thì họ càng đánh mất giá trị nhân bản. Tới độ con người chẳng hơn gì súc vật. Thật là thời đại đã đến chỗ sụp đổ. Các bạn hãy thấu triệt điểm

này ! Chẳng lẽ học Phật Pháp cả chục năm rồi mà mình chẳng rõ gốc nguồn khiến thế giới sụp đổ sao ?

Sở dĩ cha mẹ thường bất hòa là vì họ không biết đạo hiếu. Hễ mình tranh cãi, đập lộn nhau hoài, mình không sao có hiếu với song thân, cũng không sao tận trung với đất nước được. Hậu quả là con mình sẽ thành hư hỏng, đầy nan đề. Khi chúng lớn lên lập gia đình, chúng sẽ tiếp tục bước đi sụp đổ của cha mẹ chúng. Thế là tác hại hày di truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác, lẫn lộn không dứt.

Các vị đạo hữu ! Để thấu triệt gốc nguồn khiến thế giới suy đồi, ta phải thấy rằng : Mặt ngoài chính là do cha mẹ bê bối, mặt trong chính là do lòng người hư thối. Khi lòng người ác ôn thối nát thì ngoại cảnh sẽ trở nên hỗn loạn, mất khuôn phép. Các bạn hãy nhìn xem điều này có đúng chẳng. Khi gia đình rối ren, đầy dẫy tranh chấp thì hẳn là xã hội không sao êm thấm được. Và đất nước chắc chắn sẽ không xuất hiện bậc hiền tài. Các bạn nghĩ sao ? Chẳng biết các bạn có cảm tưởng gì về lời tôi nói ?

NAI BIẾT TRỌNG CHỮ TÍN

Việt dịch : Diệu Hạnh

Trong một khu rừng thẳm trên núi cao có một bầy nai cùng nhau chung sống, con số lên tới cũng cả trăm. Chúng đi theo những cánh đồng xanh mơn mơn, vừa ăn vừa đùa giỡn, chẳng mấy chốc tiền đàn đến chốn thị thành có người ở.

Hôm ấy, nhà vua dẫn đầu một đoàn tùy tùng ra khỏi thành hướng về phía thôn dã săn bắn. Người ngựa khắp nơi, đoàn nai kinh hãi chạy tán loạn. Có một con nai đang mang thai bị bỏ lại phía sau, không cách nào chạy kịp theo các bạn. Vừa đói lại vừa mệt, nó sinh hạ được hai con nai con.

Nai mẹ đem hai con nai con dẫu vào một nơi kín đáo rồi vội vàng nghĩ tới chuyện kiếm ăn. Vì trong lòng đang khủng hoảng, nó bất cẩn sa xuống hố. Lo lắng cho hai đứa con, nai mẹ sốt ruột tìm đủ cách thoát ra khỏi hố nhưng không thoát được, nó bèn kêu khóc thảm thiết. Thợ săn nghe tiếng khóc, chạy đến xem thấy một con nai lớn, vui mừng vô cùng tính đem nai ra giết. Nai mẹ quỳ xuống, khấu đầu van xin, dáng điệu như muốn nói :

Tôi vừa mới sinh được hai con nai con, lâu lắm rồi chưa có gì vào bụng, xin các ông làm phúc thả cho tôi ra một lúc thôi, để tôi về thăm các con và chỉ cho chúng nó chỗ nào có nước có cỏ, cho chúng nó có thể tự kiếm sống một mình, rồi sau đó trở lại chịu chết. Tôi thề không sai lời hẹn ước.

Thợ săn thấy nai mẹ quỳ xuống với dáng điệu van nài như thế, vừa kinh dị vừa quái lạ, bèn nói :

Làm người trong đời ai cũng tham sống sợ chết, huống chi mi là loài thú vật ! Bây giờ mi đã đến tay ta, ta bắt được mi rồi, làm gì có chuyện thả mi ra ?

Họ không hề có ý định thả nai mẹ về. Nai mẹ khóc nước mắt ướt cả mặt, liên tục khấu đầu cầu khẩn như muốn nói :

Mạng sống của tôi hiện thời đang nằm trong tay các ông. Tôi không hề tiếc chút thân tàn này, chỉ thương xót hai đứa con thơ dại. Nếu các ông bằng lòng thả cho tôi về thì hai đứa con của tôi mới còn sống sót được, bằng không chúng nó chỉ còn có nước chết mà thôi !

Thợ săn thấy nai mẹ van nài với những tình cảm không khác gì loài người, họ không thể nào không cảm động nên cuối cùng thả cho nai mẹ ra đi.

Nai mẹ chạy về chỗ dấu mấy đứa con, vừa buồn vừa vui, chỉ cho chúng nó biết ở đâu có nước uống và ở đâu có cỏ ăn, xong rơi lệ mà nói :

Lúc này mẹ ra ngoài, không cẩn thận nên bị rơi vào tay thợ săn, chút xíu nữa thì không về gặp các con được. Vì mẹ lo nghĩ cho các con nên xin họ thả cho ra trong chốc lát để về thăm các con. Các con thật là bất hạnh đáng thương ! Từ nay các con sẽ không có mẹ săn sóc nữa. Mẹ hy vọng các con sẽ sống sung sướng sau này.

Nai mẹ nói tới đây, bỏ các con ở lại mà đi. Hai con nai con thấy mẹ đi rồi trở về, mừng rỡ vô cùng, bây giờ lại nghe mẹ nói sẽ đi nữa, bèn theo bèn gót, vừa đi vừa kêu khóc. Nai mẹ quay đầu lại nói :

Các con không thể nào theo mẹ được, nếu không mẹ con chúng ta sẽ bị giết hại cả nhà ! Mẹ được về thăm các con một lúc như thế, có chết cũng cam lòng ! Chúng ta nghiệp chướng sâu dày nên sinh ra làm súc sinh, nay còn gặp

thảm trạng bị bắt bị giết. Mẹ chết đi rồi, mong các con lập nguyện vãng chái là không bao giờ tái sinh làm thú vật nữa !

Nhưng nai con nào có nghe lời nai mẹ, nhất định theo mẹ cho đến chỗ có cái hồ. Thợ săn thấy nai mẹ về, theo sau có hai chú nai con, trong lòng lại càng thấy bất nhẫn nên thả cho mấy mẹ con nhà nai về hết.

Họ bèn đem chuyện này lên tâu với nhà vua. Nhà vua cũng thấy loài nai mà biết trọng chữ tín còn hơn loài người, bèn hạ lệnh cấm săn bắn nai, cho nên từ đó bây giờ nai mới gọi bạn kết lũ mà sống tự do, đi lại chơi đùa tự tại trên những cánh đồng cỏ.

Sinh làm nai mà có chữ tín lại biết thương con như thế, thật không khác gì con người.

Đức Phật nói chúng sinh trong vũ trụ, ai cũng có trí huệ và đức độ của Như Lai, điều đó quả thật không sai !

Chỉ cần có tâm từ bi là ngay trong kiếp này đã được quả báo tốt. Lừa gạt người khác chính là tự lừa gạt lấy mình, giữ chữ tín với người khác tức là tự giúp đỡ lấy mình.

Chuyện con nai mẹ biết trọng chữ tín, thật đáng làm bài học cho loài người biết bao !

Chống Ung Thư bằng ch₂ C₁ ãn u₀ng

Trích trong VietnamNet

Thức ăn được coi là vũ khí chủ lực chống ung thư. Các nhà khoa học chưa biết rõ nguyên nhân gây ung thư nhưng thấy rõ cần ăn gì, không nên ăn gì trong việc bài trừ ung thư.

- **Hãy ăn nhiều rau quả** : ăn nhiều rau quả có tỷ lệ mắc bệnh bằng 50% so với những người ít ăn. Ăn rau quả ngày 2 lần giảm 50% nguy cơ mắc bệnh.

- **Những món ăn hàng đầu chống bệnh ung thư** : Beta Caroten là vũ khí chính có trong rau quả để chống ung thư, có nhiều trong rau xanh, cam, cà rốt, bí, ngô, cà chua. Beta Caroten ngừa được bệnh, diệt tế bào ung bướu, biến đổi protein nuôi khối u, tăng cường hoạt động của cơ thể để chống bệnh. Trong

thành phần Beta Caroten có thể biến thành acid retinonic, một chất trị ung thư.

- **Cà chua** : Lycopene là chất chính chống ung thư trong cà chua. Lycopene mạnh hơn Beta Caroten để loại trừ độc chất gây ung thư.

- **Rau xanh** : Rau xà lách trộn, rau xanh đậm là những loại giàu Beta Caroten. Rau càng có màu xanh đậm càng có nhiều chất kháng oxyt, độc chất gây ung thư.

- **Những loại có mùi hăng** : Trên 30 hoá chất chống ung thư có trong hành tỏi. Chúng kháng được Carnogen, độc chất gây ung thư bao tử, phổi, gan. Ăn nhiều hành, tỏi ít bị ung thư bao tử. Tỏi tăng cường hoạt động của Tlympho có trong hệ thống miễn dịch.

- **Trái chua** : Cam, nho, chanh rất tốt để chống ung thư, dùng hỗn hợp này với nhau tốt hơn ăn riêng từng loại.

- **Ngũ cốc và khoai** : đủ loại, chứa nhiều tinh bột.

- **Rau và trái cây** : chứa nhiều muối khoáng.

Ngoài ra còn có phương pháp chữa bệnh ung thư bằng cách nhịn ăn.

Lúc tôi tu ở Vạn Phật Thành, có nghe qua câu chuyện sau đây : Có một Thầy người Mỹ, pháp hiệu là Hằng Không. Thầy đó mắc chứng bệnh ung thư máu, đã đến giai đoạn cuối. Bác sĩ nói chỉ còn sống được khoảng 45 ngày nữa thôi. Do đó, Thầy đó chẳng có gì phải lo âu sợ sệt, Thầy sống một cách an vui trong thực tại, và Thầy đó đã phát nguyện nhịn ăn 72 ngày. Nhưng Thầy đó nhịn ăn được 69 ngày. Sau đó Thầy đó đi tái khám, thì chẳng còn thấy bệnh đâu nữa, bác sĩ lấy làm lạ và hỏi. Thầy đó nói là Thầy đã nhịn ăn nên khỏi bệnh. Và hiện giờ Thầy ấy vẫn còn sống khoẻ mạnh.

Điều quan trọng nhất trong mọi tình huống, bệnh nặng hay nhẹ, nhất là trường hợp bệnh nặng, tâm phải bình tĩnh, không nên có chút sợ hãi hoảng hốt nào. Phải sống một cách an vui tự tại, không nghĩ về quá khứ, cũng không tính về chuyện tương lai. Sau đó dùng thuốc, hoặc điều

trị bằng cách nhịn ăn thì sẽ hiệu quả, dù có bệnh nặng đến mức độ nào, hoặc bệnh mà bác sĩ đã bó tay, thì cũng sẽ khỏi. Sau đây là một số người đã chữa bệnh bằng cách nhịn ăn :

Ông Đinh Ngọc Thiệu, 54 tuổi, giáo viên ở TP HCM : "Tôi từng bị thấp khớp, người gầy gò, chân tay ra nhiều mồ hôi. Tôi còn bị chứng đau ngang lưng, nhiều lúc vùng thắt lưng bị mất cảm giác. Ngoài ra, mỗi khi ăn kem hoặc uống nước đá, tôi thấy đau buốt trên đầu. Trên mỗi sợi tóc của tôi lại có "trứng". Năm 1978, tôi nhịn ăn 21 ngày theo chỉ dẫn của lương y Hoàng Đình Thiệu, các bệnh trên tiêu hết, đến nay không xuất hiện trở lại, cơ thể lại tăng cân nữa".

Ông Ngô Quang Tiến, 50 tuổi, TP HCM : "Tháng 5/2000, tôi bị u đại tràng, phải mổ cấp cứu. Sau khi mổ, các bác sĩ đưa ruột tôi ra bên hông để đại tiện bằng hậu môn giả, hẹn 3 tháng sau tái khám, nếu vết cắt lành tốt, họ sẽ đưa ruột trở lại vị trí cũ. Đến hẹn, tôi đến bệnh viện và được trả lời là chưa thể nối ruột được. Tôi rất buồn phiền, đành thực hiện phương pháp nhịn ăn. Sau 20 ngày, tôi trở lại tái khám thì có kết quả tốt, được bệnh viện mổ đưa ruột trở lại. Sau ca mổ này, tôi ăn gạo lứt muối vừng 3 tháng, đến nay sức khỏe đã hoàn toàn bình phục".

Ông Hoàng Việt Hùng, 48 tuổi, giảng viên Đại học Kinh tế TP HCM : "Tôi bị cao huyết áp từ 10 năm nay, đã có di chứng nhồi máu cơ tim. Cuối năm 2000, tôi bị phình động mạch chủ ngực và phải bóc tách động mạch. Lúc đó, Việt Nam chưa thực hiện được phẫu thuật này. Tôi đành chỉ dùng thuốc theo đơn và đi khám định kỳ, cứ nghĩ rằng mình sẽ phải uống thuốc suốt đời. Bí quá, tôi đành thực hiện nhịn ăn. Sau 14 ngày nhịn tuyệt đối, tôi sút 12 kg. Trước kia huyết áp của tôi dao động từ 170/150 đến 220/170, nay chỉ còn 130/80 đến 140/90. Hiện tôi đang ăn gạo lứt muối mè và không hề phải dùng thuốc".

Ông Nguyễn Văn Anh, 73 tuổi, TP HCM : "Tôi thoát chết nhờ phương pháp nhịn ăn. Năm 1986, miệng và lưỡi tôi bị sưng to, mất hết cảm giác, mỗi lần ăn cơm toàn cắn vào lưỡi khiến máu tươm ra bát. Các bác sĩ cho biết tôi bị ung thư lưỡi, sống thêm được 6 tháng là cùng. Đang lúc tuyệt vọng, tôi gặp ông Nguyễn Minh Khái, người chuyên nghiên cứu phương pháp nhịn ăn chữa bệnh. Sau 21 ngày nhịn ăn, miệng và lưỡi tôi hết sưng. Sau đó, tôi ăn gạo lứt muối vừng suốt 5 năm liền và sống khỏe cho tới nay".

Trích trong Vn expresse.

Le Sutra Du Merveilleux Dharma De La Fleur

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

16. SUNDARANANDA

Sundarananda vient du nom de son épouse : Sundari, parce qu'il l'aimait excessivement. Sundari veut dire « bon à être aimé » ou « attractif ». Ils ne se quittaient jamais l'un l'autre. Pourquoi l'aimait-il autant ? Parce qu'elle était la femme la plus belle dans toute l'Inde. Elle était absolument ravissante. Sundarananda fut tellement séduit par sa beauté qu'il ne la quittait jamais. C'était comme s'ils étaient magnétisés ou collés l'un contre l'autre ; en marchant, en restant debout, en s'asseyant et en se reposant, ils étaient inséparables.

Le Bouddha Shakyamuni voulait qu'il quittait la vie séculaire. Sundarananda était le demi frère cadet du Bouddha. Lorsque le Bouddha vit que ses affinités causales avaient suffisamment mûri et que c'était le moment de quitter la vie séculaire, il savait aussi que Sundarananda aurait beaucoup de mal à quitter sa femme. Alors, le Bouddha conçut un stratagème. Un jour, lorsque Sundarananda et sa femme étaient en train de déjeuner, il se rendit au palais pour demander l'aumône. Quand Sundarananda vit son grand frère, il voulait lui offrir de la nourriture mais le Bouddha dit : Apportez-en à la Grotte de Jeta. »

« Comment puis-je faire cela ? » dit Sundarananda. « Comment puis-je laisser ma femme seule à la maison ? Mais, il n'osait pas contredire les ordres de son frère ; alors il demanda à sa femme : « Le Bouddha dit que je dois apporter de la nourriture à la Grotte de Jeta. Est-ce que cela t'ennuie, si j'y vais ? »

« Non, à une condition, » dit-elle. « Je vais cracher sur le plancher vous devez rentrer avant que le crachat soit sec. Autrement ce ne sera pas la peine de venir frapper à ma porte parce que je ne vous ouvrirai pas. »

« D'accord, » dit Sundarananda, pensant qu'il retournerait facilement à temps, mais lorsqu'il arrivait à la Grotte, le Bouddha ne l'autorisait pas à

repartir ! Il lui ordonna de raser sa tête et quitter la vie séculaire. Sundarananda passait toute la journée à la Grotte, essayant de trouver un moyen pour rentrer voir sa femme parce qu'il ne pouvait absolument pas la quitter.

Un jour tous les Bhikshus étaient sortis mendier et le Bouddha Shakyamuni disait à Sundarananda : « Restez ici et surveillez la porte. Vous n'irez nulle part, aujourd'hui. Balayez le plancher et nettoyez cet endroit. Nous sortons mendier et nous ramènerons de la nourriture pour vous. »

Sundarananda était aux anges. « Enfin ! Une occasion pour s'enfuir ! » Pensa-t-il. Il projetait de balayer le plancher, laver les fenêtres et enfin s'enfuir. C'était étrange, dès qu'il avait fini de balayer un coin, la saleté s'accumulait dans un autre à l'autre côté. Il balayait toute la matinée et était complètement épuisé mais le plancher demeurait toujours sale. Dès qu'il eut fermé une fenêtre, une autre s'ouvrit brusquement par un coup de vent et les ordures volèrent en tourbillon dans la chambre. Il devint de plus en plus agacé. La matinée s'écoulait ; le Bouddha retournerait bientôt et il aurait manqué son occasion. Finalement, en désespoir de cause, il s'enfuit tout bonnement.

Il savait que s'il rencontrait le Bouddha, il devrait retourner à la Grotte de Jeta. Il savait aussi que le Bouddha voyageait toujours par les grandes routes et alors il prit une route secondaire, et qui, pensez-vous il rencontra par hasard ? Le Bouddha qui rentrait après avoir fait son tour d'aumônerie. Sundarananda se cacha derrière un grand arbre et comme il marchait à reculons autour d'un arbre, le Bouddha le suivait. Soudain, le Bouddha fit volte-face et Sundarananda en fit de même. Finalement, ils se retrouvèrent face à face et le Bouddha dit : « Que faites-vous là ? »

« Je vous ai attendu à la Grotte, mais j'étais trop impatient, » dit Sundarananda. « Alors je viens ici vous escorter jusqu'à la Grotte de Jeta. »

« Très bien », dit le Bouddha « rentrons. »

Puisqu'il n'avait pas d'autre choix, il retourna avec le Bouddha et après avoir déjeuné, Le Bouddha lui demanda : « Aimerez-vous visiter le pays, les monuments avec moi aujourd'hui ? Je vous emmènerai pour vous faire changer les idées.

Sundarananda réfléchit : « Je n'ai vraiment pas le coeur à me distraire, tout ce qui m'intéresse c'est de m'enfuir d'ici et de rentrer à la maison. Je n'en ai vraiment pas envie, mais si le Bouddha veut que j'y aille, je ne peux pas refuser. » Et il se força d'y aller. Ils allaient sur une montagne où vivaient beaucoup de singes. Le Bouddha lui demanda : « Dites-moi, qui est plus belle, Sundari ou ces singes ? »

Pourquoi, bien sûr que ma femme est plus belle. Comment pouvez-vous comparer ces affreux singes à ma femme ? C'est une insulte ! »

Le Bouddha dit : « Vous êtes vraiment intelligent ; vous pouvez distinguer ce qui est beau et ce qui ne l'est pas. Maintenant, rentrons. »

Jusqu'à présent, Sundarananda restait toujours obsédé par la pensée de sa femme. Plusieurs jours s'écoulèrent et plus aucune occasion pour s'enfuir ne se présentait de nouveau. Le Bouddha lui dit : « Vous semblez de plus en plus déprimé chaque jour. Je ne sais pas ce qui se passe dans votre esprit. Laissez-moi vous emmener faire un tour dans les cieux. »

« Je me demande à quoi ressemblent les cieux ? » Pensa Sundarananda. Ils montèrent dans les cieux et là ils virent un beau palais rempli de belles jeunes filles célestes. Le Bouddha dit : « Dites-moi qui est plus belle, ces jeunes filles ou Sundari ? »

« Celles-ci, bien sûr ! » dit Sundarananda.

« Comparée à ces déesses, Sundari ressemble à un singe ! Il n'y a pas de comparaison. » Ils continuèrent leur route, Sundarananda resta en arrière et glissa discrètement une parole à l'oreille de l'une d'elles. « Qui est votre maître ? » Demanda-il.

« Notre maître c'est le petit frère du Bouddha, Sundarananda. Il se fit religieux maintenant auprès du Bouddha et pratique la voie. A la prochaine vie, il renaîtra dans le ciel et nous serons ses servantes. »

Enchanté par cette perspective, Sundarananda se déterminait à pratiquer. Oubliant tout à propos de Sundari et pensant seulement à ses déesses, il pratiquait assidûment pour renaître dans les cieux.

Il pratiquait la voie pendant longtemps, le Bouddha, s'apercevant qu'il ne pensait plus à sundari mais seulement aux jeunes filles : « Je vais lui montrer quelque chose peu ordinaire. » « Sundarananda, » dit-il « Vous étiez dans les cieux, mais vous n'avez jamais vu les enfers. Aimerez-vous m'y accompagner ? »

Puisque le Bouddha enseignait que les enfers étaient plus déplaisants. Sundarananda se demandait quel serait l'intérêt d'aller là-bas, mais autant y aller pour en avoir une idée, il suivit le Bouddha. Ils voguèrent à traverser les enfers de la Montagne, des couteaux, l'enfer des arbres à épée, l'enfer de l'huile bouillante, l'enfer de la soupe de feu... tous les enfers. Dans l'un d'entre eux, il vit une marmite d'huile qui mijotait à peine. Deux spectres qui étaient censés la surveiller, s'endormaient et le feu était presque éteint. Un des esprits, en fait, s'allongeait même, plongé dans un profond sommeil ! Vraiment deux esprits paresseux, qui négligeaient ainsi leur tâche ! Sundarananda demanda : « Hé, vieil ami, qui est votre chef ? Comment pouvez-vous vous en tirer à bon compte en dormant ainsi au travail ? »

Le fantôme poussa un soupir d'exaspération et roulait ses yeux.

« Qu'est-ce que vous dites ? » Répliquait-il.

« Je dis que je veux savoir pourquoi vous êtes si fainéants au travail », dit Sundarananda. « Les marmites d'huile doivent bouillir, vous savez. »

« Qu'est-ce que vous en savez ? » dit le fantôme. « La personne destinée à subir la punition dans cette marmite ne sera pas ici avant longtemps. »

« Que voulez-vous dire ? » demanda Sundarananda.

« Le petit frère du Bouddha, Sundarananda, a quitté la vie de famille, il est auprès du Bouddha. Il cultive les bénédictions des cieux et à l'avenir renaîtra là-bas. Quand il épuisera ses bénédictions célestes, les cinq signes de la déchéance se manifesteront. Il tombera alors des cieux pour être bouilli dans cette marmite d'huile, parce qu'il n'avait pas cultivé la voie correctement. Il a encore plusieurs centaines d'années, alors pourquoi devons-nous nous occuper à faire bouillir de l'huile maintenant ? Ce serait du superflu ; nous pouvons dormir toute la journée si nous souhaitons. »

Lorsqu'il eut entendu ceci, le corps entier de Sundarananda se couvrit de sueur froide.

« Cette marmite m'est destinée donc ! » murmura-t-il. « Que dois-je faire maintenant ? »

Le Bouddha ramena Sundarananda à la Grotte de Jeta et lui parla de la Branche du Dharma selon laquelle la naissance dans les cieux est liée à la souffrance, au vide, à l'impermanence et au non-soi. Sundarananda se mit ensuite à cultiver la doctrine du Bouddha sérieusement et réalisait le fruit d'Arhatship. Sundarananda qui s'était languï pour sa femme au départ changea d'avis après avoir vu les femmes plus belles qu'elle. Ensuite, ayant vu les souffrances dans les enfers, il se décida vraiment à pratiquer la Voie, chose qu'il n'aurait jamais faite autrement. Le nom de Nanda veut dire aussi « La félicité », mais ce Nanda est différent de celui qui a été discuté auparavant. Il emprunta son nom à sa femme, Sundari, parce qu'il était « Nanda de Sundari. »

18. PURNAMAITRAYANIPUTRA

Purnamaitrayaniputra emprunte son nom à une fusion du nom de son père, Purna qui signifie « plein » et à celui de sa mère, Maitrayani, qui veut dire « la femme compatissante. » Putra veut dire « fils ». Parmi tous les disciples du Bouddha, il était le premier dans l'interprétation du Dharma. A sa naissance, une pluie de bijoux tombait des cieux sur sa maison.

19. SUBHUTI

Le nom Subhuti veut dire « né vide » parce que, à sa venue au monde, on découvrit que tous les biens familiaux se sont envolés. Son père consultait un devin qui lui dit que malgré tout, c'était un signe extrêmement favorable et ainsi il le surnommait « bon et favorable ». Exactement sept jours après sa naissance, la richesse réapparut dans ses trésoreries et ainsi il fut renommé « une bonne apparition. » Parmi des disciples du Bouddha, il était le premier à appréhender le vide.

20. ANANDA

Ananda était le premier cousin du Bouddha et son intendant. Il recueillait et éditait aussi les Sutras. Son nom veut dire « la réjouissance » parce qu'il était né le jour où le Bouddha réalisait la Bouddhité. Comme le pays entier célébrait l'éveil du Bouddha, dans la jouissance, son père lui donna ce nom. Avec sa mémoire prodigieuse, il était capable de se rappeler tous les Sutras que le

Bouddha avait prononcés ainsi il était le premier des disciples du Bouddha en érudition.

21. RAHULA

Rahula était le fils du Bouddha. On dit que le Bouddha avait trois femmes. L'aînée s'appelait Gopika, la deuxième se nommait Yashodhana et la cadette Mrgadava. Rahula était le fils de Yashodhana. Lorsqu'il était né les gens du palais étaient scandalisés parce que Bouddha avait déjà quitté la vie de famille depuis six ans. Ils disaient tous : « Bouddha s'est absenté depuis six ans. Comment peut-elle lui donner légitivement un enfant ? »

En réalité, Rahula était demeuré dans l'utérus de sa mère pendant six longues années, mais personne ne pouvait croire une telle chose. Le peuple en colère voulait la punir, la mettre à mort et les mauvaises rumeurs se répandaient dans les rues des villes jusqu'à la campagne. Bientôt, tout le monde savait que Bouddha avait été absent depuis six ans et que sa femme avait mis au monde un fils. Une des servantes de Yashodhana voulait disculper sa maîtresse auprès du Roi en disant qu'elle n'avait absolument rien fait d'indécent et que l'enfant était vraiment celui du Bouddha, mais personne ne la croyait parce qu'il est absolument impossible de porter un enfant pendant six ans. Ils préparèrent un fossé de feu et décidèrent de la jeter dedans. Pendant ce temps, elle fit un serment, si jamais j'ai commis l'adultère, alors quand je sauterai dans le fossé, mon fils et moi nous nous brûlerons. Si je suis innocente, alors les dragons célestes et les esprits nous protégeront et les flammes ne nous brûleront pas. » Tenant Rahula dans ses bras, elle se jeta dans le puits enflammé ; miraculeusement, le fossé de feu se transforma en une mare d'eau, et un lotus émergeait pour les attraper. Voyant cela, le Roi et sa cour se rendirent compte qu'ils avaient commis une erreur en accusant injustement. Ils reconnaissaient que Yashodhana et son fils représentaient un cas exceptionnel et ils mettaient fin à toute calomnie.

(à suivre)

LE SUTRA SHURANGAMA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

Le Bouddha dit à ses disciples : « Les grands officiers et les citoyens ne me font pas d'offrandes parce que dans une vie antérieure, j'ai manqué d'établir des relations avec eux et par conséquent nous n'avons pas d'affinité les uns avec les autres. Il y avait très longtemps, des siècles auparavant, Maha-Maudgalyayana était un ramasseur de bois. Un jour, en ramassant du bois, il se heurta contre un nid d'abeilles et tout l'essaim l'ont poursuivi. Maha-Maudgalyayana récitait simplement le nom du Bouddha et ce faisant, prêtait le serment suivant : « Namo Bouddha : Vous, les abeilles, ne me piquez pas ! Dans le futur, quand j'aurai atteint la Voie, vous serez les premiers que j'amènerai à la Bouddhité. Abandonnez votre mauvais dessein et arrêtez de faire mal aux gens. A la suite de ce serment, les abeilles cessèrent de le piquer. La reine de la colonie est devenue roi de ce pays et les faux-bourçons et les abeilles travailleurs sont devenus des officiers et des citoyens. Quand Maha-Maudgalyana, un Bhikshu, était venu dans cette ville, les abeilles antérieures qu'il avait juré de sauver, se sont donc mis à l'accueillir et à le vénérer. Tel est le pouvoir de son voeu antérieur.

Prenant ce récit comme exemple, nous devrions toujours essayer d'établir des affinités sincères en étant aimables envers tout le monde. Nous devrions faire le voeu de conduire toutes les créatures vivantes à la Bouddhité. Un serment est inaudible, mais les êtres vivants ont un récepteur de radio dans leur coeur alors ils pourront le capter. Un serment n'est ni palpable ni visible, mais les êtres vivants sauront instinctivement si vous êtes bons envers eux. Vous devriez être déterminé à sauver tous les êtres vivants. Celui qui garde cet état d'esprit aura des affinités partout où il va.

« Je me rends dans un endroit, personne ne m'accueille. Pourquoi ? » Vous pouvez vous demander.

C'est parce que vous n'avez pas développé des liens avec les gens de cet endroit dans le passé.

Créer des affinités est spécialement important pour ceux qui suivent la voie. Alors, on dit : « Si vous n'avez pas récolté le fruit du Bodhi, créez d'abord les sympathies avec des êtres vivants. » Comment ? En étant bon et généreux envers tout le monde. Pourquoi est-ce nécessaire ? Parce que les êtres vivants sont des Bouddhas. Etre bon envers eux c'est simplement être bon envers le Bouddha. Si vous n'êtes pas bon envers eux, cela signifie que vous ne l'êtes pas envers le Bouddha.

*Toute pensée devrait apparaître
dans l'intérêt des êtres vivants.*

Toute bonne action devrait être

Faite dans l'intérêt de tous les êtres vivants.

On devrait se servir de toute sa force pour accomplir des actions généreuses. Telle doit être la détermination d'un Bodhisattva du Grand Véhicule. Ne soyez pas un Arhat du Petit Véhicule qui libère seulement lui-même et qui refuse de libérer les autres.

Si vous considérez tous les être vivants comme des Bouddhas, Ils vous considéreront à leur tour comme un Bouddha, alors que si vous les considérez comme des rois-démons, ils vous considéreront comme un roi-démon. C'est comme si vous mettez des lunettes colorées. Si vous mettez des lunettes vertes tout ce que vous voyez est vert. Si vous portez des lunettes rouges, tout le monde se teinte en rouge. En fait, la manière dont vous percevez les autres sera celle dont eux vous percevront. C'est pourquoi, j'ai dit plus haut que les êtres vivants ont des récepteurs de radio dans leur coeur qui leur permet de se mettre en harmonie les uns avec les autres. Ne croyez pas que votre interlocuteur ne devine pas vos mauvaises pensées. Bien qu'il ne puisse pas en effet connaître exactement vos pensées, mais son essence propre le ressent parfaitement. Etre généreux envers les autres est la lumière du Yang. Le contraire c'est l'ombre du Yin.

Les significations et les doctrines du Sutra Shurangama sont aussi profondes que la mer. Certaines personnes prétendent connaître les

profondeurs de l'océan, or, celles-ci peuvent varier considérablement d'un endroit à l'autre, alors il est impossible de la mesurer exactement. Les doctrines du Sutra Shurangama sont pareilles. Il n'est pas facile de les pénétrer. Chacun tire ses propres intérêts à partir de l'étude du Sutra, d'un individu à l'autre, les intérêts se diffèrent, mais tous prennent source dans la grande sagesse du Sutra. Parce que le Sutra est infini, la sagesse que nous pouvons en tirer est immense et le pouvoir de Samadhi est éternel. C'est pourquoi on l'appelle « l'ultime durabilité de tout phénomène. »

« Si chacun de nous tire quelque chose du sutra, ses significations et ses doctrines s'épuiseront-elles ? »

Bien sûr que non. Les significations et les doctrines du sutra sont comme l'eau dans l'immense océan. Quand vous puisez de l'eau dans l'océan, la quantité d'eau restée dans la mer demeure toujours immense. Même s'il y en a d'autres qui viennent en puiser aussi la quantité d'eau dans la mer gardera toujours le même niveau. La mer est inépuisable et infinie comme le sont les doctrines de ce Sutra (aussi sont inépuisables et infinis).

Même quand vous devenez illuminé, les doctrines du sutra demeurent toujours aussi intactes qu'avant votre illumination. Vous pouvez en extraire une quantité de sagesse mais celle que le Sutra peut procurer reste la même--- elle ne grandit ni ne diminue.

L'EXPRESSION DE LA MATIÈRE ENSEIGNÉE

Tous les dharmas enseignés par le Bouddha utilisent une matière pour son enseignement. Quelle est la matière utilisée dans l'enseignement de ce Sutra ? Elle comporte des mots, des phrases, des écritures et des sons. Le Bodhisattva Manjushri propose au Bouddha ceci lorsque le Tathagata apparaît dans le monde, la seule matière de l'enseignement réside uniquement dans le son. » Ce monde est celui du Saha, notre monde de souffrances. Cependant, le son unique ne peut être pas considéré comme la matière de l'enseignement. Le vent et l'eau produisent aussi des sons, mais ils ne peuvent pas être appelés la matière de l'enseignement.

Plus spécifiquement alors, la matière de l'instruction se composait de sons, de mots, de phrases, d'écritures. Le son était l'élément de

base de l'enseignement de ce Sutra du Bouddha. Une fois enseigné, le son devint des mots. Et les mots formaient des phrases, qui furent ensuite inscrites sur un support. Ainsi, la discipline était prête à être enseignée. Donc la matière de l'enseignement du Sutra est composée de sons, de mots, de phrases et d'écritures.

L'enseignements se compose de quatre Portes : La première c'est la porte du phénomène accompagnant, les sons, les mots, les phrases et les écritures. La matière enseignée du Sutra Shurangama se base sur la porte de la conscience unique et sur la porte du retour à la nature, elle ne s'intéresse pas seulement aux apparences, mais s'adresse directement à la nature profonde de l'être. Il y a aussi la porte du non-obstrué, que le Sutra considère aussi comme sa matière enseignée.

La porte de la conscience unique analyse la question suivante : « Les trois mondes proviennent-ils seulement de l'esprit et de la multitude de dharmas de la conscience ? » Le Bouddha Shakyamuni méditait sur les diverses situations pour voir quels dharmas il devrait employer pour sauver les êtres vivants. Ensuite, par pure conscience il enseignait le Dharma qui leur convenait afin de les transformer et dont ils pourraient tirer profit. Ceci est la porte de l'unique conscience, considérant la seule conscience comme la matière de son enseignement.

La porte du retour à la nature est parfaitement étalée sans obstruction. La conscience disparaît en elle, et retourne à la nature. Ainsi le fait de retourner à la nature est aussi la matière de l'enseignement.

Qu'est-ce que la porte du non-obstrué ? Les portes précédentes comprennent à la fois le phénomène et le noumena, avec la porte du retour à la nature comme étant le noumena. Quand les quatre se réunissent, il n'y a plus de barrière entre le noumena et le phénomène, autrement dit le noumena et le phénomène sont non-obstrués. Cette absence de barrière—la fusion parfaite et l'absence de barrière entre tout phénomène et noumena—constitue la matière enseignée dans ce Sutra.

L'IDENTIFICATION DES INDIVIDUS CAPABLES DE RECEVOIR L'ENSEIGNEMENT

Ceci désigne les êtres vivants qui sont enseignés et transformés. A quels êtres vivants l'enseignement de ce Sutra s'adresse-t-il ? Le sutra Shurangama aide tous les êtres animés aussi bien qu'inanimés à perfectionner la sagesse. Les êtres animés comme inanimés peuvent galement réaliser la Bouddhité. Ceux qui sont enseignés précisément ici, sont les auditeurs de son, les Illuminés la chaîne des douze interdépendances, et ceux qui sont encore sur la voie.

Les auditeurs de son—les Arhats—entendent le son du Bouddha et éveillent la voie. Ils pratiquent la porte de Dharma des Quatre Merveilleuses Vérités : La souffrance, la source des souffrances, l'extinction et la voie. Ceux qui sont illuminés par des interdépendances sont des Pratyekabouddhas qui sont nés à la même époque que Bouddha. Ils pratiquent la chaîne des douze interdépendances et sont éveillés la voie. Quand Bouddha n'existe plus dans le monde, les Pratyekabouddhas sont appelés des illuminés solitaires. Les illuminés solitaires vivent retirés dans les montagnes dans les vallées lointaines cachés dans les grottes. Là entre le ciel et la terre, ils contemplent la nature qui vit et qui meurt continuellement. Au printemps, de multitudes de fleurs s'épanouissent, en automne les feuilles jaunissent, et tombent. En observant ces changements, ils sont illuminés la voie.

De plus, en enseignant les Auditeurs de sons et les illuminés des interdépendances. Ce Sutra enseigne aussi ceux qui ont encore d'autres choses à apprendre. Ceci fait allusion aux Bodhisattvas. Bouddha est le seul qui n'ait plus rien à apprendre. Le Sutra transforme aussi les Shravakas de nature fixe ; Ceux qui ne veulent pas tourner le dos au Petit Véhicule pour le Grand. Un Shravaka dont la nature est souple, se détourne du petit véhicule au profit du grand et peut passer de la position de l'auditeur de son vers celle de l'illuminé par des interdépendances pour devenir un Bouddhisattva. Bien que les Auditeurs de son, les illuminés par des interdépendances, les Bodhisattvas et les Shravakas de nature fixe soient des principaux disciples de l'enseignement du Sutra, tous les êtres vivants des trois mondes, le monde du désir, le monde de la forme et le monde de la non forme, sont des bénéficiaires potentiels de l'enseignement. Ce Sutra s'accorde à toutes les situations et libère tout le monde sans exception.

LA DISTINCTION DE LA PENETRATION

DU PRINCIPE ET SES IMPLICATIONS.

Le principe est contenu dans la vertu. Tout ce qui découle du principe, est appelé son implication. L'enseignement des deux Véhicules(les auditeurs de son et les Pratyekabouddhas) s'intéresse principalement au principe de la cause à effet. C'est un Dharma provisoire. Le Dharma que le Bouddha enseignait, comprend à la fois l'enseignement provisoire et l'enseignement réel. Le provisoire est temporaire. Le réel est éternel. Avec le Dharma provisoire, la cause constitue le principe et l'effet représente son implication. Quand la vraie Apparence est atteinte, le provisoire devient réel. Quand celui-ci est atteint, on est éveillé et illuminé. Ainsi, l'éveil est le principe, l'illumination est son implication.

Quand Ananda, le protagoniste de ce Sutra, avait rencontré des difficultés, le Bouddha l'a sauvé et ensuite lui apprenait à tourner le dos au petit et à rejoindre le Grand Véhicule. C'est le principe. L'arrivée d'Ananda au dernier résultat est son implication. Le principe et son implication passent ainsi à travers la voie de Bouddha, et constituent la voie vers la Bouddhité. Ils sont ainsi différents des divers Sutras du Petit Véhicule qui analysent seulement les concepts du Petit Véhicule et ne permettent pas d'atteindre le stade de Bouddha.

(à suivre)

LE MANTRA SHURANGAMA

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

Auparavant, nous avons dit qu'un des huit préceptes peut obliger les spectres et les esprits de diminuer les catastrophes ; mais en récitant le Mantra on peut aussi provoquer toutes sortes de calamités. Si par imprudence vous commettez un des huit points numérotés ci-dessus quand vous récitez le Mantra, alors les spectres et les esprits qui protègent le Mantra peuvent aussi se détourner contre vous et vous causer des problèmes. Dans ce cas, vous n'aurez non seulement pas de mérite et de vertu, mais vous finissez par commettre des fautes.

Ceux qui désirent pratiquer et maintenir le Mantra Shuragama devraient se laver tout le temps. Prenez un bain et vous nettoyez leur haleine devrait être fraîche. Vous ne devriez pas avoir une odeur désagréable sur votre souffle. Vous devez être résolu, sincères et sérieux. Vous devez bien considérer comme très important et apporter une résolution universelle dans l'intérêt de ceux qui sont dans les six destins et ne jamais être reposé. Dans l'intérêt des êtres vivants dans les six chemins : Des dieux, des humains, des asuras, des esprits affamés, des animaux et des enfers, vous faites naître la résolution pour le Bodhi et n'êtes jamais paresseux. A ce point, vous pouvez atteindre votre intention. Avec une telle consécration et intention, il y aura certainement une efficacité sans aucune doute. Si vous êtes sincère, résolu et sans doutes, alors il y aura une réponse.

La pénétration parfaite de la manifeste et du cache, le sutra et les sutras du Bodhisattva Susiddhi et Chundi et les autres disent que les pratiques qui appliquent leurs efforts dans le maintien et dans la récitation de ce Mantra peuvent, dans une rêve vers les Bouddhas dans une rêve vous verrez peut être les Bouddhas qui émettre de la lumière ou les Bouddhas vous froteront sur la couronne ou peut être vous rêverez que le Bouddha parle des Sutras et explique le Dharma pour vous. Ou peut être vous verrez les Bodhisattvas dans vos rêves, ou le saint Sangha, les écoutes du son et ceux qui sont illuminés par les conditions, ou les généraux célestes. Ou peut être dans leur rêves, ils verront leurs propres corps dans l'espace vide. Une de mes disciples dit que dans une rêve elle pouvait voler.

Ce sont tous des bons états. Dans l'espace vide, peut être ils monteront sur un cheval, traversant une rivière ou il y aura toutes sortes de parfum et de la lumière et des apparitions inhabituelles. Devraient ils obtenir de pareilles réponses, ils devraient être déjà conscients de leurs trois karma. Vous devriez être même plus très prudent de faire naître l'esprit du Bodhi et pratiquez le pureté des trois karmas du Corps, de la bouche, et de l'esprit et travaillez plus dur à leur récitation. Mais ils ne devraient pas parler des états qu'ils ont eu en tenant et en récitant le Mantra. Vous ne pouvez pas dire aux autres gens des réponses que vous avez. Vous ne pouvez pas racontez aux autres des choses efficaces qui arrivent pour que les gens vous croire ou avoir de bons cœurs pour vous. Ils ne peuvent pas annoncer eux même. Vous ne pouvez pas faire cela. Ils peuvent seulement en parler avec ceux qui pratiquent avec eux et non pas dans l'intérêt de gagner du gain, du renommé ou de l'éloge. Vous pouvez en parler avec ceux que vous pratiquez avec, mais vous ne pouvez pas en parler en considération de la réputation et du bénéfice. Vous ne pouvez pas le faire par égard pour les autres vous font l'éloge ou sont respectueux envers vous. Vous ne pouvez pas parlez de ces choses pour ces raisons.

Le Sutra de la Grande compassion dit, « si une personne récite dans une manière précipitée alors elle peuvent rencontrer des obstacles démoniaques, ou elle peut devenir tout à coup effrayé afin que son corps et son esprit ne sont pas tranquilles. Peut être elle aura beaucoup de colère ou aime dormir beaucoup » peut être vous avez un grand sang froid ou vous aimez dormir beaucoup. Ce sont tous les obstacles. « ou elle peut le trouver difficile à réciter ». le fait que vous êtes capable de réciter le Mantra indique que vous avez de bonnes racines. Mais certaines peuvent être incapable de le réciter. Les gens ont toutes sortes d'obstructions. Le fait que vous êtes capable de réciter ce Mantra montre que vous avez des très profondes bonnes racines. « peut être il peut voir des apparitions étranges » peut être vous voyez des spectres et

des esprits bizarres. Cette référence est différente des apparitions inhabituelles » mentionnées avant. Celles là étaient efficaces. Celle ci sont des choses mauvaises et étranges. « ou, peut être elle aura des doutes du Mantra. » Tout d'un coup vous pouvez avoir des doutes du Mantra. « ou elle peut avoir des pensées immodérées plein de discernement. « vous pensez toujours que peut être le Mantra est faux. « peut être elle est hors de l'ignorance et s'attache à l'existence. Pour contrecarrer certain de ces problèmes, on devrait rendre la syllabe sanscrite visible. (Lan). « si vous ne voulez pas certaines de ces choses de se passer alors vous pouvez rendre cette syllabe sanscrite (Lan) visible et elles seront toutes purifiées. « Ou, on devrait évoquer l'image de la syllabe Sanscrite (Ya) et tous ces états et pensées seront naturellement détruits » ils cesseront d'être très spontanément. « Mais, vous devriez savoir que les causes et les conditions du Dharma sont fondamentalement vide.

Les interdictions discutées au dessus peuvent être trouvées dans les sutras qui existent plus tard, mais de peur que vous les négligerez elles sont discutées en détails ici.

Bien que les véritables mots dans les cinq chapitres au dessus ont été traduits par des anciens vertueux, ceux qui viennent après eux devraient suivre la méthode de qui que ce soit le transmet à eux. En récitant le Mantra, on peut le faire à haute voix ou silencieusement, n'importe quelle manière qu'on souhaite. Ce n'est pas fixé vous ne devriez pas vous attacher à une manière ou l'autre. Quand on devrait parler. On ne parle pas. Ce que vous devriez en parlez. Vous n'en parlez pas et ce que vous ne devriez pas en parler, vous parlez à haut voix. Par exemple les mot efficaces du Mantra sont quelque chose que vous ne devriez pas en parlez, mais vous devez parlez d'eux. Quand vous devriez raconter aux gens comment pratiquer, vous ne faites pas. Vous parlez seulement de l'avantage que vous obtenez vous même, au point que vous dites que vous êtes déjà illimité. Que vous avez déjà certifié le fruit, que vous êtes déjà devenu un Bouddha. Vous racontez simplement un grande mensonge Confucius dit :

Quand vous devriez parler vous ne parlez pas

Ceci est une erreur envers les gens

Quand vous ne devriez pas parler mais vous parlez tort et à travers

C'est une erreur des mots.

Ce dont vous ne devriez pas parler, vous en parlez. Vous parlez à quelqu'un alors que vous ne devriez lui parler, alors c'est une erreur dans la parole, une personne sage ne fait pas d'erreur envers des gens

et ni d'erreurs des mots. A ce propos, NENCIUS avait cinq sortes d'enseignement et cinq questions sans réponse.

DANS LE SUTRA LANKAVATARA, il y a aussi quatre explication. La division secrète n'est pas traduite, parce qu'elle n'est pas employée pour maîtriser les démons et les esprits des voies extérieures. Elle n'est pas traduite parce qu'elle contient des méthodes afin d'appriivoiser ou maîtriser les esprits démoniaques adhérant aux chemins déviants.

Les trois sens expliqués ci-dessus sont des Dharmas très importants, c'est pourquoi ils ont été expliqués spécialement comme une préface pour clarifier le sens du Mantra. Il est important de connaître ces détails avant d'expliquer le Mantra.

I. La première c'est : Les mots véritables des cinq divisions. Il y a cinq divisions dans ce Mantra. Comme ces cinq divisions expliquent, LA PENETRATION PARFAITE DE L'EVIDENT ET DU SECRET,

Ce texte dit : « Les Mantras spirituels de l'entrepôt du Sutra ne dépassent pas les cinq divisions.

1. La division du Bouddha. c'est à dire, les Mantras de tous les Bouddhas, cette division désigne les Mantras parlés par les Bouddhas.

2. La division du lotus. C'est à dire, les Mantras des Bodhisattvas.

3. La division du Vajra, c'est à dire les Mantras des dieux. Ces Mantras sont liés étroitement aux dieux.

4. La division du Joyau. C'est à dire les Mantras pour les spectres et des esprits. Ce sont des Mantras pour contrôler les spectres et les esprits. Auparavant dans le chapitre de l'établissement du plat forme, on discutait de l'interpénétration des trois pratiques secrètes et il a été dit que les cinq Bouddhas représentent les seigneurs des cinq divisions. Il a été dit aussi que ces cinq bouddhas sont justement la division du Bouddha, que le bodhisattva du kuan Yin est la division de la fleur du lotus des bodhisattvas, que la trésorerie du Vajra est la division du Vajra des rois brillants, les traces secrètes, Ce Shakra et Brahma sont la production de la division des trésors des dieux, que Vinayaka est la division du karma des spectres et des esprits. Ces cinq divisions et les cinq divisions du mantra se réunissent tous et maintiennent les dharmas également, les seize encens, fleurs, bols, et miroirs devraient être offerts. (à suivre)

LE SUTRA DU VAJRA PRAJNA PARAMITA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

Subhuti demanda au Bouddha, « Si quelqu'un se donne à l'Anuttarasamyaksambodhi, COMMENT DEVRAIT-IL SE FIXER ? » cela veut dire comment peut-il éternellement rester dans son vrai cœur ? COMMENT DEVRAIT-IL MAITRISER SON COEUR ? Comment peut-il dompter toutes les pensées fausses et illusives ? Comment peut-il conquérir sa stupidité ? C'est ce qui signifie maîtriser son cœur. Le cœur mauvais doit être conquis, justement comme on essaie de capturer l'ennemi pour gagner la bataille.

« Comment conquiert-on la cupidité, la haine et la stupidité ? »

On les oppose à la moralité, la concentration et la sagesse.

L'avidité, la haine et la stupidité sont effectivement moralité, la méditation et la sagesse et vice-versa. Cela dépend de la façon dont on les utilise. Par exemple, on peut dépenser de l'argent pour acheter de la marijuana et se faisander.

Comme pour aider quelqu'un. Soulager la souffrance de quelqu'un est une dépense juste et bien meilleur que de fumer égoïstement de la marijuana. C'est la même monnaie, seulement la façon de dépenser est différente.

Alors, la cupidité, la colère et la stupidité sont effectivement ; la moralité, la concentration et la sagesse. Quand on sait comment les utiliser, ils sont moralité, concentration et sagesse. Quand on s'est trompé et qu'on ignore comment les faire fonctionner, ils sont cupidité, colère, et stupidité. La glace ne diffère pas de l'eau et l'eau ne diffère pas de la glace. L'eau est la glace et la glace est l'eau, alors les calamités sont Bodhi et Bodhi est calamités. Bodhi et calamités ne sont pas différents. Si on ne sait pas l'utiliser, Bodhi change en calamités ; si on sait comment s'en servir, calamités deviennent Bodhi.

Cependant,

Ce qui a été parlé c'est le Dharma

Ce qui a été pratiqué c'est la Voie

Même si vous parlez extrêmement bien,

Pas de réelle pratique, il n'y a aucune voie réelle.

On doit réellement aller et le faire. On doit honnêtement, vraiment, compter sur l'enseignement du Bouddha et s'y appliquer.

En pratiquant, consciencieusement la moralité, la concentration, et la sagesse et mettant au repos la cupidité, la colère et la stupidité on possède les moyens pour maîtriser le cœur. Quand on maîtrise le faux cœur, le vrai cœur demeure éternellement comme un fait bien sur. Le vrai cœur éternellement demeurant, la nature claire, la substance brillante "résulte de mettre au repos le cœur faux, qui permet le vrai cœur de manifester.

LE BOUDDHA DIT, "BIEN VRAI, BIEN VRAI, SUBHUTI. C'EST COMME VOUS DITES. LE TATHAGATA SE SOUVIENT ET PROTEGE TOUS LES BODHISATTVAS ET LEUR CAUSE D'ETRE AUX FORMES PLANTUREUSES. MAINTENANT ECOUTEZ ATTENTIVEMENT, JE VAIS VOUS DIRE, UN BON HOMME, OU UNE BONNE FEMME, QUI DONNE SON COEUR A L'ANUTTARASAMYAKSAMBODHI DEVRAIT AINSI SE FIXER, DEVRAIT AINSI MAITRISER SON COEUR."

"OUI, CERTAINEMENT, SEUL HONORE DU MONDE JE VEUX ENTENDRE ; JE SUIS RAVI D'ECOUTER."

Le Bouddha Sakyamuni, enchanté que Subhuti venait demander du Dharma dans l'intérêt des êtres vivants, lui faisait éloges en disant, « Bien vrai, bien vrai. Ah, vous, Subhuti, vous êtes vraiment bon. Je vous aime réellement, Moi, Le Tathagata me souviens et protège tous les Bodhisattvas et leur cause d'être aux formes planteuses en enseignant la porte du Dharma de Prajna. Vous devriez particulièrement faire attention en. Ecoutez-bien ce que je vous enseigne aujourd'hui. Ne faites pas comme du vent entré dans vos oreilles ; si je vous parle de la merveilleuse porte du Dharma de Prajna, ne

vous la laissez pas entrer dans une oreille et sortir par l'autre, ce serait une perte de sang dans le cœur du Tathagata.

Ecoutez bien. Un bon homme ou une bonne femme qui se donne à l'Anuttarasamyaksambodhi devrait demeurer dans son vrai cœur, maîtriser son cœur faux." L'essentiel dans le Sutra Prajna Paramita repose sur le mot AINSI. A ce point, le Bouddha Sakyamuni donnait une indication qui n'est pas claire dans la littérature.

"A quoi ressemblait-il ?"

C'est AINSI. A ce point

La route des mots et du langage est coupée

La place du travail du cœur est éteinte.

La présence des mots dans la bouche se termine. La délibération conditionnée de l'esprit se dissipe. AINSI est "comme cela". L'enseignement sans paroles (instruit) nous incite à étudier le Dhyana et à assister à la méditation. On devrait rester AINSI. Rester à l'endroit c'est AINSI. Son vrai cœur demeure à cet endroit. On devrait maîtriser ses pensées AINSI. On peut étudier Dhyana et, en utilisant la technique de la considération immobile, on maîtrise naturellement son cœur faux. Par conséquent AINSI représente aucun signe évident qui émerge, mais indique plutôt une manière.

"De quelle manière s'agit-il?"

C'est l'absence de manière inhérente dans le Sans Signe du Prajna, qui constitue le réel signe du Prajna.

Subhuti a compris. Non seulement il a compris, mais il pensait que les êtres vivants dans le futur pourraient comprendre aussi, alors il répondit "Oui".

Sa déclaration affirmative était la même que celle utilisée une fois par le disciple Tseng de Confucius.

Le maître dit, « Shen, ma voie est insinuée à travers par quelqu'un. »

Tseng répondit, "Oui".

Le Maître partit et les disciples lui demandèrent, "Qu'est ce que le maître disait-il ?"

Tseng dit, « La Voie du sage est celle de la loyauté et de la réciprocité. »

Confucius dit, "il y a un vrai principe qui traverse en courant sur ma Voie. C'est ma Voie."

A ce propos, son disciple s'exclama, "Oui !" Et demanda ce que le Maître voulait dire, Tseng répondit simplement, "La voie du sage est une voie de loyauté et de réciprocité."

Lorsque le Bouddha Sakyamuni enseignait que les êtres vivants devraient demeurer AINSI, devraient maîtriser leurs cœurs, Subhuti s'exclama, "Oui", et

ajouta, " Certainement !" pour insister. Puis il réaffirme son désir d'entendre l'enseignement du Bouddha.

3. LA DOCTRINE ORTHODOXE DU GRAND VEHICULE

Le Bouddha dit à Subhuti, " Tous les Bodhisattvas, Mahasattvas, devraient ainsi maîtriser leur cœur, en faisant voeu, "Je dois sauver tous les êtres vivants – des ovipares, des vivipares, ceux qui sont nés l'humidité, nés par transformation; ceux qui ont une forme, d'autres sans forme, avec pensée, sans pensées, ne sont pas totalement pensées et ce ne sont pas totalement sans pensées – je les emmène vers l'extinction afin qu'ils puissent entrer dans le Nirvana. Des nombres infinis et illimités d'êtres humains, avaient pris le chemin menant vers l'extinction, cependant aucun ne l'a atteinte.

« Et pourquoi » Subhuti, si un Bodhisatta garde encore un signe de soi, une position des autres, un signe des êtres humains, ou une marque d'une vie, il n'est pas un Bodhisattva ?"

Le Bouddha dit à Subhuti comment tous les Bodhisattas devraient maîtriser leur cœur. « Tous » peut signifier " Beaucoup", l'ensemble des Bodhisattvas ou seulement un Bodhisattva individuel. « Beaucoup » est juste un, un est aussi « beaucoup ». Deux représente la base de l'existence d'un. En ajoutant, un, deux, trois,... huit, neuf, dix et ainsi de suite, s'élève à infinis. Ainsi tous signifie un.

"Quel un ?"

Le Bodhisattva maîtrise son cœur. Et si vous voulez vraiment savoir qui est ce Bodhisattva ? vous êtes ce Bodhisattva. Bien que cela semble sans principes, il n'y a réellement aucun principe qui puisse être exprimé. Si vous souhaitez vraiment savoir qui est ce Bodhisattva, vous devenez vous-même ce Bodhisattva. Si vous, une personne ordinaire, croyez que vous pourrez devenir un Bouddha vous le deviendrez, ce serait donc si facile de devenir un Bodhisattva !
(à suivre)

LE BOUDDHA PARLE DU SUTRA D'AMITABHA

UNE EXPLICATION GENEGALE PAR
LE VENERABLE MAITRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA

Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

Le Vénérable Aniruddha dit « nous avons considéré le Bouddha comme notre Maître, mais quand il entre dans le Nirvana, qui sera notre maître ? Devrions nous chercher un autre Maître ? ».

« Absolument ! dit Ananda. Nous devrions trouver un autre Maître. Vous avez tout à fait raison. Quelle est la troisième ? »

Aniruddha dit , « Nous vivons en ce moment avec le Bouddha, mais quand il entre dans le Nirvana, où vivrons-nous ? ».

« Cela est très important », dit Ananda. « Sans un endroit pour vivre, comment pouvons-nous pratiquer la voie ? Devrions-nous trouver un autre lieu pour vivre ? Ces trois questions sont extrêmement importantes, quelle est la quatrième ? »

Aniruddha dit « Le Bouddha peut discipliner les Bhiksus de mauvais caractère, mais après son départ dans le Nirvana, comment prendrons nous soin d'eux ? ».

« Maintenant, un Bhiksu de mauvais caractère ne fait que déranger les autres. Si vous méditez, il circule autour « Clomp ! Clomp ! » en faisant beaucoup de bruit pour que personne ne puisse entrer dans le Samadhi. Quand les gens marchent, il s'assit pour méditer. « Regardez-moi ! » dit-il. « Je m'assieds beaucoup mieux que vous tous » et prétend être entré dans le Samadhi. Quand les gens se prosternent devant le Bouddha, le Bhiksu à mauvais caractère aime réciter les Sutras et quand les gens récitent les Sutras, il se prosterne devant le Bouddha.

En général, il est dit avoir une manière spéciale... Le style d'un Bhiksu à mauvais caractère et il ne suit pas les règles. Si tout le monde va sur la

même route, il va sur la route opposée. Il n'a aucune considération pour qui que ce soit, mais s'attend à ce que tout le monde le remarque. « Il est terrible », dit tout le monde. « Il pratique réellement, il met une grande insistance à être spécial pour que les autres le remarquent et disent qu'il est le meilleur. En esprit de concurrence évidemment, il veut être le plus fort parmi les meilleurs. Il se tient debout comme un asura les mains sur les hanches comme pour dire, « Voyez comme je suis un grand héros ». Il veut être différent et surpasser tous les autres.

Quand le Bouddha était encore dans ce monde, il pouvait diriger ces Bhiksus à mauvais caractère qui obéissaient à ses commandements. Mais quand il sera entré dans le Nirvana, qui les surveillera ? Et qui pourrait commander ces laïcs à mauvais caractère qui disent « regardez-moi, je suis plus honoré que vous tous (autres laïcs). Réellement, c'est justement à cause de lui et de son extravagance que personne n'est honoré. Aniruddha dit « Quand le Bouddha entre dans le Nirvana, qu'allons-nous faire de ces Bhiksus et laïcs à mauvais caractère ? ».

« Ces questions sont absolument importantes », dit Ananda. « Je vais les poser sur le champ à Bouddha ». Il s'essuya les yeux, se moucha et se précipita vers le Bouddha. « Bouddha, Grand Maître », dit-il, « J'ai quatre questions que j'aimerais vous poser avant votre entrée dans le Nirvana. L'Honoré du Monde, serez vous compatissant d'y répondre ? ».

« Volontiers », dit le Bouddha.

« Bouddha, » dit Ananda, « Vous avez parlé beaucoup de Sutras, quand nous les compilerons et les rédigerons, par quels mots devraient-ils débiter ? »

Le Bouddha dit « Tous les sutras parlés par les Bouddhas du passé, du présent et du futur devraient commencer par les mots », « Ainsi j'ai entendu » ce qui sous-entend : « Le Dharma qui est ainsi, peut être cru. Je l'ai personnellement entendu ».

Ananda dit « Deuxièmement, vous êtes notre Maître, mais quand vous entrerez dans le Nirvana, qui sera notre Maître ? S'il vous plaît, instruisez-nous. Ce serait peut-être Mahakasyapa ? ».

Le Bouddha dit « Non ! Quand je serai entré dans le Nirvana, prenez « le Pratimoksa, les préceptes » pour votre Maître. Pour concorder avec les instructions du Bouddha, ceux qui quittent la maison pour se convertir doivent d'abord recevoir les préceptes ».

Ensuite, Ananda dit « Nous avons toujours vécu avec vous, Bouddha, mais quand vous serez entré dans Nirvana, où irons-nous vivre ? »

Le Bouddha Sakyamuni dit « Quand j'entrerai dans le Nirvana, tous les Bhiksus, Bhiksunis, Upasakas et Upasikas devraient demeurer dans les Quatre Contemplations : Contemplations du corps, des sensations, des pensées et des dharmas.

1. Contemplez le corps comme impur. Si vous savez que le corps est impur, vous ne l'aimerez plus, alors sans amour, plus d'attachement. Et sans attachement, c'est la liberté. Alors avant tout, considérez le corps comme impur.

2. Contemplez les sentiments comme les souffrances. Les sentiments sont tous des souffrances qu'ils soient agréables ou désagréables, puisque les sentiments agréables sont la source des sentiments désagréables.

3. Contemplez la pensée comme non-permanente. Les pensées changent, s'écoulent et ne sont pas permanentes.

4. Contemplez les dharmas comme dépourvus du moi. »

Ananda demanda plus loin, « Comment devrions-nous traiter les Bhiksus à mauvais caractère ? ».

Le Bouddha dit « Cela n'est pas du tout un problème. Gardez simplement le silence et ils s'en iront. Combattez les mauvais gens par le pouvoir de la concentration. Ne soyez pas troublé devant eux. S'ils sont mauvais, ne soyez pas

mauvais comme eux. Si un chien enragé vous mord et si vous le mordez en retour, vous êtes également un chien vous-même. Les mauvais individus sont nés avec une mauvaise humeur. Tout ce que vous pouvez faire c'est de les ignorer et ils seront très vite découragés et partiront ».

« Oh », dit Ananda, « c'est vraiment très simple ».

Pourquoi le Bouddha a-t-il dit à Ananda d'utiliser les quatre mots « Ainsi j'ai entendu » ? Ces quatre mots ont trois significations :

1. Pour distinguer les Sutras bouddhistes des écritures des autres religions. Les religions non-bouddhistes en Inde commencèrent leurs textes avec les mots « A » ou « O » qui veut dire « La non-existence » ou « L'existence ».

Selon ces religions, tous les dharmas dans le ciel et sur la terre existent et n'existent pas. Si un Dharma existe, ils disent « alors il existe et s'il n'existe pas, alors il est inexistant ». En général, aussi loin qu'ils puissent voir, rien ne dépasse l'existence et la non-existence. « Au commencement, rien n'existait, » mais maintenant, tout existe. « Aucune de ces religions ne parle du vrai vide ni de la merveilleuse existence. Leurs doctrines peuvent se ressembler légèrement mais elles ne sont pas expliquées en détail.

(à suivre)

CHANT DE L'ILLUMINATION

Le Grand Maître Yung Chia

Commentaire par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

TEXTE :

HELAS ! PENDANT LA MAUVAISE
PÉRIODE

DE LA DÉCADENCE DU DHARMA,
LES BENEDICTIONS DES ETRES
VIVANTS SONT MINCES ;

IL EST DIFFICILE DE LES INSTRUIRE,
ELOIGNES EN EFFET DES SAGES DU
PASSE !

LEURS VISIONS DEVIANTES SONT
PROFONDES.

LES DEMONS SONT PUISSANTS, LES
DHARMA EST FAIBLE ;

BEAUCOUP SONT MAUVAIS.
EN ENTENDANT PARLER DE LA
PORTE DE L'ENSEIGNEMENT

DU SOUDAIN CELUI-venu-AINSI,
ILS N'HÉSITENT PAS DE LA
DÉTRUIRE COMME ILS

ECRASERAIENT UNE TUILE.
LE MAL RÉSIDE DANS L'ESPRIT ;

LE CORPS SOUFFRE DES CALIMITES.
ILS N'ONT PAS BESOIN POUR DES
ACCUSATIONS INJUSTES

DE REJETER LES REPROCHES SUR
DES AUTRES.

SI VOUS NE VOULEZ PAS INVITER LE
KARMA DE

L'INTERMITTENT, NE CALOMNIEZ
PAS LA ROUE DU PUR DHARMA DU CELUI-
venu-AINSI.

COMMENTAIRE : HELAS ! PENDANT LA
MAUVAISE PÉRIODE DE LA DÉCADENCE
DU DHARMA. Hélas ! les pensées des gens
d'aujourd'hui ne sont pas comme celles des
ancêtres. Leur vertu est tombée en ruine pendant
l'automne de la fin du temps du Dharma. Il s'agit
donc du mauvais moment des cinq turbidités.

LES BENEDICTIONS DES ETRES VIVANTS
SONT MINCES ; IL EST DIFFICILE DE LES

INSTRUIRE. Les êtres vivants ne savent pas
comment planter les bonnes racines et comment
diriger leurs bénédictions jusqu'au fruit. Parce
que leurs bénédictions sont minces et leur sagesse
superficielle, ils sont difficiles à instruire et à
apprivoiser.

ELOIGNES EN EFFET DES SAGES DU
PASSE ! LEURS VISIONS DEVIANTES SONT
PROFONDES. La période du Dharma pur est
déjà passée, et elle a même duré longtemps,
depuis la présence du Bouddha dans le monde.
Les êtres vivants ont des habitudes souillées et
des visions déviantes, qui ont des racines
profondes et des tiges solides. Il est difficile de
les retirer.

LES DEMONS SONT PUISSANTS, LE
DHARMA EST FAIBLE ; BEAUCOUP FONT
DES TORTS ET DES MAUX. Au fil des années,
les Sutras des Rois Démons se renforcent, et la
Doctrine du Bouddha s'affaiblit de plus en plus.
Partout dans le monde, les injustices et la haine
dominent, les voleurs s'entretuent dans leurs
règlements de compte.

EN ENTENDANT PARLER DE LA PORTE DE
L'ENSEIGNEMENT DU SOUDAIN CELUI-
venu-AINSI. Quand ils entendent parler de
cette Porte du Dharma de la transcendance
soudaine. ILS N'HÉSITENT PAS A LA
DÉTRUIRE COMME ILS ECRAIERAIENT
UNE TUILE. Ils le détestent à tel point qu'ils ne
n'hésitent pas détruire immédiatement cette porte
de l'enseignement du Bouddha comme on
écraserait une tuile céramique en morceaux.

LE MAL RÉSIDE EST DANS L'ESPRIT ; LE
CORPS SOUFFRE DES CALIMITÉS. Les
offenses sont créés dans l'esprit, mais ensuite le
châtiment des calamités et des catastrophes est
tombe sur le corps.

ILS N'HÉSITENT PAS DE REJETER DES
REPROCHES SUR LES AUTRES. Ils se sont
mis dans la tête que l'injustice et le mal viennent
des autres et alors ils rejettent des malédictions
aux cieux et font des reproches aux autres.

Cependant, SI VOUS NE VOULEZ PAS INVITER LE KARMA DES ENFERS NON INTERMITTENTS, NE CALOMNIEZ PAS LA ROUE DU DHARMA PUR DU CELUI-venu-Ainsi. Soyez prudent de ne pas diffamer la roue du Dharma pur du Celui-Venu-Ainsi !

TEXTE :

DANS LA FORET CHANDANA
IL N'Y A PAS D'AUTRES ARBRES.
AU FOND DE LA VÉGÉTATION
ÉPAISSE
ET ABONDANTE DEMEURE LE LION.
DANS LA QUIÉTUDE DE LA FORET, IL
GEMIT SEUL.
LES BETES QUI MARCHENT ET LES
OISEAUX
QUI VOLENT, TOUS S'ÉLOIGNENT.

COMMENTAIRE : DANS LA FORET CHANDANA, IL N'Y A PAS D'AUTRES ARBRES. (Remarque : Le Chandana ou le bois de santal, la Forêt est une analogie à la plus haute étape). Seulement celui-ci, le plus haut Dharma est ma pratique ; il n'y a pas d'autres Portes de Dharma. C'est pourquoi, le verset dit : « Il n'y a pas d'autres arbres. »

AU FOND DE DE LA VEGETATION EPAISSE ET ABONDANTE DEMEURE LE LION. Cette Porte de Dharma, la plus haute comparable à la profondeur épaisse et abondante de la végétation forestière où demeure le lion.

DANS LA QUIETUDE DE LA FORET, IL GEMIT TOUT SEUL. Toutes les bêtes sauvages qui marchent et les oiseaux qui volent s'éloignent rapidement pour l'éviter. Le lion est comme le Roi du Dharma, et les bêtes qui marchent et les oiseaux qui volent sont comme les gens ordinaires et ceux des sectes des Voies externes.

TEXTE :

LES LIONCEAUX SE POURSUIVENT
LES UNS LES AUTRES.
TROIS ANS APRES ILS PEUVENT
AUSSI RUGIR FORT.
LES CHACALS DEVRAIENT
POURSUIVRE LE ROI DU DHARMA,
CE SONT DES LUTINS CENTENAIRES,
QUI OUVRENT LEUR BOUCHE
INUTILEMENT.

Commentaire : LES LIONCEAUX SE POURSUIVENT LES UNS LES AUTRES.

Tous ceux qui ont la graine de nature du Grand Véhicule du Bouddha, les pratiquants des pratiques de Bodhisattva, les gens avec la graine de nature à pratiquer le Grand Véhicule, le suivent pour apprendre et pratiquer.

TROIS ANNÉES APRES ILS PEUVENT RUGIR AUSSI FORT. La nature de leurs racines sont profondes et grande, et le pouvoir de leur sagesse est développé entièrement, alors, même s'ils n'ont pas pratiqué pendant très longtemps, ils peuvent continuer à s'avancer, à répandre le Dharma et à être profitables aux êtres vivants.

LES CHACALS DEVRAIENT POURSUIVRE LE ROI DU DHARMA. Ceux qui n'ont pas la racine de nature du Grand Véhicule, comme les chacals et les autres bêtes, devraient partir à la recherche du Roi du Dharma, CE SONT DES LUTINS CENTENAIRES QUI OUVRENT LEUR BOUCHE INUTILEMENT. Ce sont simplement des monstres séculaires qui ouvrent leur bouche sans résultat et qui n'ont pas d'autres capacités.

(à suivre)

OUVERTURE DE LA CÉRÉMONIE DU BAIN DU BOUDDHA

Le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en Français : Ly Thi Minh Nguyet

A propos de la naissance du Bouddha, il existe un désaccord entre le Petit et le Grand Véhicule. Or peu importe le jour, il suffit que tout le monde le vénère sincèrement et respectueusement, alors ce jour-là c'est la naissance du Bouddha. Car tout Dharma est indéterminé, même si vous passez votre vie entière à étudier le problème, vous cherchez jusqu'à ce que vos cheveux blanchissent, que vos yeux ne voient plus clair, vous ne trouverez toujours pas de réponse correcte, vous perdriez votre temps précieux et ce serait vraiment dommage ! En tant que bouddhistes, mais en général, chacun garde ses idées fixes. Certains s'en tiennent obstinément au Bouddhisme indien, d'autres au Bouddhisme sri-lankais, d'autres chinois ou japonais, etc... C'est précisément à cause de ces idées fixes, de ces différentes opinions que le Bouddhisme se retrouve limité avec des frontières et qu'au sein de la religion engendrent des divisions. En réalité le Bouddhisme est immense, illimité. Depuis toujours, je soutiens qu'il ne faut pas tracer des frontières dans le Bouddhisme, mais au contraire, il faut s'unir former une famille mondiale. J'ai souvent dit : "Le Bouddhisme que j'ai toujours prêché n'est ni indien ni chinois mais c'est un Bouddhisme universel, illimité, à l'infini. Disons plus clairement que le Bouddhisme n'a pas de nationalité, pas de race, ne distingue pas le moi et l'autrui ou l'autrui et le moi. Les disciples du Bouddha groupent non seulement ceux qui croient en Bouddha mais aussi ceux qui ne croient pas en lui. Pourquoi ? Parce que le Bouddha Sakyamuni a souvent dit :

*"Tout être né
Pourvu de la nature de Bouddha
Capable de devenir Bouddha."*

Cela veut dire :

"Tous les êtres qui sont nés
Possèdent la nature de Bouddha
Sont capables également de devenir Bouddhas."

Ceci montre clairement que celui qui croit en le Bouddha et celui qui né ne croit pas en lui sont tous des êtres-nés. Quelqu'un peut dire :

Je ne suis pas un être-né.

Si vous n'êtes pas un être-né, alors qui êtes-vous ?

Un autre affirme : Je m'appelle Ciel, donc je suis Ciel.

Savez-vous que Ciel est aussi un être-né.

Un autre dit : Moi, je m'appelle Terre, donc je suis Terre.

Rappelez-vous que Terre aussi est un être-né, incapable de franchir le cycle des êtres-nés.

Les êtres-nés résident partout dans le monde des Dharmas jusqu'à l'infini dans l'espace. Parmi les dix mondes des Dharmas, seul, celui du Dharma du Bouddha franchit les frontières du cycle des êtres-nés. Les neuf autres : monde des Bodhisattvas, des Pratyekabouddhas, des Arhats, le monde céleste, le monde humain, le monde des Asuras, des animaux, des esprits affamés, et des enfers, restent encore dans le cycle où les êtres sont nés, morts, puis renés indéfiniment, c'est pourquoi ils sont appelés : Les êtres-nés.

Nous sommes tous des êtres nés, donc, si je considère les gens qui ne croient pas en Bouddha comme des bouddhistes, il n'y a rien qui soit injuste, n'est-ce pas ? C'est précisément le caractère spécifique de l'universalité du Bouddhisme. D'ailleurs Bouddha nous a enseigné : "Tout être-né est capable de devenir Bouddha. Tous les êtres qui sont nés sont capables de devenir des Bouddhas." Que vous croyiez en Bouddha ou non, dans le futur vous deviendrez tous des Bouddhas. Pourquoi ? Parce que vous ne vous échapperez pas du cycle des êtres-nés. Celui qui, aujourd'hui, ne croit pas en Bouddha, dans l'avenir, croira en lui. Celui qui, dans cette vie présente, ne croit pas en Bouddha, dans la vie future, pourra croire en lui. Donc, tout le monde finira par croire en Bouddha. Par conséquent, tous les êtres-nés peuvent être considérés comme les disciples de Bouddha. Actuellement, il existe des religions qui ne prêchent pas des doctrines religieuses, mais qui s'obstinent à dire : "Il n'existe qu'un seul et

unique maître, maître absolu du monde entier, qui crée le monde et qui maîtrise l'univers. L'être humain n'est pas fait pour devenir un maître mais seulement son esclave qu'il garde sous son emprise pour exécuter tous ses ordres." Ce genre de raisonnement s'oppose directement à l'objectif du Bouddhisme. Selon le principe fondamental du Bouddhisme, tout le monde est capable de devenir, un jour ou l'autre, Bouddha. Les êtres vivants de cette vie présente, peuvent être nos parents dans la vie antérieure et des Bouddhas dans le futur. Si nous nous emportons contre eux, c'est comme si nous nous emportons contre nos propres parents et contre les Bouddhas, inconsciemment nous sommes devenus d'ingrats mauvais éléments. C'est pourquoi, envers les êtres vivants, nous devons témoigner de la compassion, du respect, de la sincérité, prêts à rendre service, éloigner toute jalousie, tout obstacle. C'est le côté grandiose du Bouddhisme.

Aujourd'hui, vous êtes venus à La Cité des Dix Mille Bouddhas afin d'assister à la cérémonie du bain du Bouddha, je vous considère tous comme des disciples du Bouddha (Que vous croyiez en Bouddha ou non, que vous participiez ou non au bain du Bouddha). Que vous soyez catholiques ou musulmans ou juifs etc... Je vous considère tous comme des disciples du Bouddha, jamais comme des étrangers à l'égard du Bouddhisme. On appartient tous à une même famille, vivant sous un même toit, sans aucune distinction. Vous voyez ? Le Bouddhisme ne critique jamais les autres religions. C'est vraiment grandiose !

UN PETIT SHRAMANERA ILLUMINÉ

Traduction en Français :Ly Thi Minh Nguyet

A l'époque de Kassapa Bouddha, il y avait un jeune Bhikshu qui récitait très bien les prières. Devant les autres Bhikshus avec qui il vivait, il se montrait orgueilleux, fier de sa belle voix claire et transparente. Dans la communauté, il y avait un vieux Bhikshu dont la voix est rauque et qui récitait très mal les prières. Quand il l'entendait, le jeune Bhikshu se moquait de lui en rigolant et disait que sa voix ressemblait aux aboiements d'un chien. Le vieux Bhikshu qui avait déjà atteint le fruit d'Arhat lui posa cette question :
Savez-vous qui je suis ?

Bien sur, je vous connais depuis longtemps, vous êtes le premier Bhikshu de Kassapa Bouddha.

Le vieux Bhikshu continua :-Quoique je ne récite pas bien les prières je suis totalement libéré de la roue implacable de la naissance et la mort et de toute affliction de ce monde.

A ces mots, le jeune Bhikshu, frappé de stupeur, regrettant profondément ses propos, voulait se confesser auprès du vieux Bhikshu. Mais c'était trop tard, ses péchés avaient déjà été enregistrés. Il devra subir son mauvais karma sous forme d'un muet pendant cinq cent vies. Néanmoins, grâce au fait qu'il s'est fait moine, une bonne cause, que plus tard, lors de l'apparition du Bouddha Sakyamuni dans ce monde, il s'est libéré. Toute une chaîne de causes à effets jusqu'à sa libération s'est déroulée de la façon suivante.

Il y avait un groupe de cinq cents commerçants qui voulait voyager loin ensemble. Parmi eux, il y en avait un qui emmenait un chien pour monter la garde la nuit. A mi-chemin, une nuit, pendant que tous les commerçants se reposaient dans une auberge, voyant que son maître dormait profondément, le chien déroba furtivement un morceau de viande. Son maître se réveilla, l'attrapa en flagrant délit, s'est mis en colère, commença à le battre, à lui donner des coups de pieds, de poings. Finalement il cassa les quatre pattes du chien, le jeta dans un terrain vague et s'en alla. A ce moment, Sariputra, avec son oeil céleste, a tout vu. Le chien souffrait affreusement de faim et de soif. Sariputra lui apporta de la nourriture qu'il avait mendiee. Le chien mangea, infiniment heureux, prolongea sa vie encore quelques instants. Profitant de cette courte agonie, Sariputra lui prêcha le merveilleux Dharma. Après l'avoir entendu, le chien mourut et s'est réincarné dans une famille brahmane à Sravasti.

Un jour, Sariputra allait tout seul mendier de la nourriture. Le Brahmane s'approche et lui demanda :

Vénérable, vous êtes tout seul, vous n'avez pas de Shramanera pour vous servir ?

Sariputra lui répondit :-Non, je n'en ai pas. Il paraît que vous avez un petit garçon, pourriez-vous me le confier. Il va me suivre en tant que Shramanera.

Le Brahmane lui répondit :-En effet, j'ai un petit garçon nommé Quân De, mais il est encore trop jeune, ne sait encore rien faire. Dans quelques années, je vous le confierai.

Sariputra accepta la proposition. Quand Quân De atteignit l'âge de sept ans, Sariputra se rendit chez le Brahmane et lui demanda la permission d'emmener Quân De. Le père autorisa alors Quân De à suivre Sariputra et à se convertir en Shramanera.

Sariputra emmena Quân De à Jetavana, lui prêcha le Dharma : Le petit garçon a tout compris. Malgré son jeune âge, Quân De était capable de saisir et de pénétrer rapidement tous les Dharmas sacrés. Le petit Shramanera était précisément la réincarnation du chien auquel Sariputra avait donné à manger et avait prêché le Dharma. Grâce à ces causes bienveillantes et en guise de reconnaissance envers Sariputra, Quân De avait formulé le vœu de se convertir en Shramanera pour le servir.

On dit souvent que si, dans cette vie présente, les enfants se convertissent, c'est parce que, dans leur vie antérieure, ils ont semé d'immenses causes bienveillantes. Sur le chemin de la voie, peu importe l'âge, qu'on soit grand ou petit, Bhikshu ou Shramanera, moine ou laïc, aucun problème, tout le monde, sans exception pourrait comprendre la Doctrine du Bouddha et atteindre l'état d'éveil. L'histoire de l'illumination du petit Shramanera en est un exemple concret.

L'AVENIR DE L'HUMANITÉ

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

Dans cette ère, lorsque la technologie et le matérialisme se développent, nous voulons prendre un regard attentif sur la pensée des temps et nous nous demandons si oui ou non c'est une bonne période à vivre. La science a fait des grands intérêts dans la technologie et cela est certainement bon. Mais, nous devrions aussi nous observer la vérité en disant :

*« Toute chose prise au point final
se transforme en son contraire. »*

Dans le cas des avancées technologiques, les bonnes choses appellent le malheur. Regardons par exemple la télévision, je sais que les gens objecteront mes analyses de la télévision, en disant : « Maître Dharma, vous remontez à une autre époque. Vous êtes un anachronisme. Vous marchez à contre pas des temps. Néanmoins, selon mon opinion, la télévision est une menace pour la

vie humaine. La télévision est un mangeur d'homme. Le saviez-vous ? Regardez les enfants de nos jours. Au lieu de faire leur devoir de l'école, ils regardent la télévision. Ils collaient devant l'écran et il dévore leur chère force de vie. Les enfants pourraient aussi bien être morts, parce qu'ils n'apprendront jamais les principes fondamentaux d'être de bons gens. Ils apprennent seulement comment regarder fixement la télévision.

Et qu'est-ce que la télévision leur enseigne ? Toute sorte d'étrange et bizarre comportement que vous pouvez imaginer. Ils apprennent de petite valeur précieuse. Les enfants apprennent très vite les mauvaises et nocives leçons quand ils regardent la télévision. En un rien de temps, ils apprennent toutes les mauvaises choses que les gens peuvent faire.

Avant que la télévision entrât dans le monde, le mangeur d'homme était le radio. Les radios suçaient la force de la vie des humains. Les gens avaient l'habitude de coller une poste de radio dans leur oreille et oubliaient complètement toute autre chose. Les radios nous font oublier du manger, du sommeil et des événements ordinaires de la vie. Maintenant, la télévision nous a embrouillé au point de ne pas connaître si nous venons ou nous nous en allons.

Les ordinateurs ont couru après la télévision. En chinois, le mot ordinateur se traduit littéralement par « le cerveau électrique. » Dans le futur, il y aura des yeux électriques, aussi bien que des oreilles électriques, des langues électriques, des nez électriques et des corps électriques. Tout le monde des six organes aura des modules disponibles, aime les cassettes et gagnera une production électrique. Les yeux, les oreilles, le nez, la langue, le corps et l'esprit seront tous informatisés. Même l'esprit se liera organiquement avec « l'ordinateur qui connaît tout. » Est-ce que c'est un bon moment d'être une personne ? C'est impossible ! C'est une période sombre dans l'histoire humaine.

Dans cette ère plongée dans l'ignorance, notre sagesse a été volée par des choses matérielles. Personne n'a plus de sagesse naturelle d'en parler. Notre propre clarté a été remplacée par les produits et les biens. Et une fois que nous remplaçons les choses par la sagesse, alors les gens grandiront vide comme les idiots. La sagesse devient démodé. Les humains ne se serviront plus de fonctions utiles. Observez bien mes paroles :

dans le futur, les gens deviendront démodés. Diriez-vous que ceci est un sérieux problème ou non ? Observez-les ! Les gens seront bientôt rendus inutiles !

Par exemple, certains scientifiques qui manquent de probité sont occupés maintenant à inventer des monstres miraculeux. Vous dites que c'est humain ? Ce n'est pas vraiment humain. Vous dites que c'est un animal ? Ce n'est pas non plus exactement un animal. Puisqu'ils implantent des genes humains dans les corps des animaux et changent les genes humains avec des cerveaux animaux, cette modification mutuelle génétique produit un hybride bizarre et mutant qui ne ressemble à aucun parent.

Maintenant les gens peuvent être nés avec des cornes ou des éléphants comme des troncs. Selon mon avis, un être humain avec un nez comme un pachyderme est plutôt un goblin qu'une personne. Ces goblins et ces monstres sont tous dans le monde de la possibilité d'aujourd'hui.

De plus, la rangée de la technologie a dépassé le contrôle. Dans les deux siècles prochains, les téléphones et les semblables seront totalement dépassés. Les télévisions et les ordinateurs seront disparus. Tout corps physique de chaque personne contiendra les capacités de ces machines. Personne ne devra se donner la peine de composer un numéro. Une personne aura seulement besoin de transmettre le nombre de partie désirée.

Certains peuvent être pensé à ce point : « Maître Dharma, c'est la parole la plus stupide que j'ai jamais entendue. »

Eh bien, je vous prie de bien penser à ceci. Combien de personne vous auraient-ils crus s'il y a cinq cent ans, vous aviez dit : « Dans cinq cent ans, il y aura des avions, de la télévision et des radios ? » Tout le monde vous aurait pris pour un fou. Mais toutes ces inventions sont maintenant des lieux communs.

Pourquoi cite-je ce thème en premier lieu ? Parce que nous devrions reconnaître que les avances dans la science et dans les intérêts matérialistes ne sont nécessairement pas bon pour l'humanité en fin de compte. Elles sont des intérêts incomplètes et imparfaits. La sagesse, d'autre part, est l'intérêt le plus profond pour le monde entier. La réflexion et les attitudes nées de la moralité et de la vertu sont entièrement bonnes pour nous tous. Les quatre illimitées Attitudes du Bouddha de la bonté, de la compassion et de la joie sont totalement

avantageuses pour toutes les créatures. Quand nous basons nous-mêmes sur des pensées telles que celles-ci, alors nous pouvons avancer et nous mettons la technologie travailler pour nous. Il n'y a pas de crainte que nous oublierons les aspects fondamentaux de l'humanité : nos propres corps par exemple. A l'avenir, les gens oublieront entièrement ce que les gens ont l'air. Nous deviendrons tous comme des animaux. Je ne vous insulte pas ; cette prédiction est un fait froid et dur.

Cela montre comment le monde tourne. Les choses prises au point absolu tourne mal. Le mal, une fois qu'il atteint le summum, tourne bon. Une personne qui est pauvre au point d'une pauvreté absolue peut tout à coup trouver du filon, tandis que les riches peuvent perdre soudain tout argent. Nous étions tous d'abord des petits enfants, mais nous grandissons, nous vieillissons, nous tombons malades et nous mourons. C'est le cycle de la création et de la destruction qui s'écoule dans le monde. C'est un procès naturel du changement progressif et cyclique. Un procès de métabolisme et de transformation. Si nous reconnaissons l'état, alors devenir riche ne nous appellerons particulièrement pas. Et si nous devrions perdre notre richesse, alors nous verrons les choses selon le proverbe :

*« La personne supérieure,
même dans la pauvreté,
maintient son intégrité.*

*Rien n'arrête la personne sans importance
de trouver le filon. »*

Ainsi, il est plus important de ce jour et de cette époque c'est de ne pas devenir fou et ne pas oublier ce qui signifie d'être une personne. Nous devons garder dans l'esprit le but primordial et l'apparence des êtres humains. En parlant du sens de la vie humaine, je peux dire franchement que les choses les plus avantageuses que j'ai traversées dans ma vie entière sont les six Règles de la Cité des Dix Mille Bouddhas.

La première de celles-ci est « ne pas combattre ». Cette règle applique unilatéralement. Je ne lutterai avec personne. Quel que soit la critique que vous me donniez. Je l'accepterai sans arrière-pensée. Appelez-moi par tous les noms que vous voulez. Un petit chat ? Bien, je suis un chat. Appelez-moi un chien ? D'accord, je suis un chien. Quoique vous me voyez dans votre esprit, c'est ce que je suis. Me voyez-vous comme un Bouddha ? Je suis un Bouddha. Me voyez-vous

comme un Boddhisattva ? C'est ce que je suis. « Tout est fait à partir du seul esprit. » Je suis ce que vous me voyez d'être.

Pour ma propre part, j'ai mes buts et mes intentions pour être une personne. Que sont-ils ? Simplement ne pas combattre avec des gens, peu importe qui il est. Vous pouvez m'appeler ce que vous voulez et je porterai cette étiquette. Je reconnâtrai le nom. Cela sera qui je suis. Je ne disputerai pas avec vous.

La deuxième règle est « la non cupidité ». Tout ce que vous gagnez, c'est le vôtre. Je ne le veux pas. Et n'importe quelle partie de mon corps que vous voulez, je vous le donnerai. Je le céderai réellement. Quand je vous donne, ce n'est pas comme le membre du sangha classique et cupide, qui dit constamment aux gens de « donnez ! donnez ! donnez ! », et qui forme la platitude, « Les religieux ne désirent pas la richesse ; mais plus il y a, mieux ce sera. » Toute personne ordinaire espère que les gens lui donneront, pourtant ce moine ne s'intéresse pas du tout à être charitable envers aux autres. Ceci est une mauvaise attitude. Nous devrions l'éviter.

Quant à la « non recherche », cela signifie ne cherchez pas des occasions pour commettre un meurtre, ou pour réussir un gros profit. Tout être humain dans le monde combat pour des intérêts. Si nous comprenons le principe de la non recherche et nous contentons de quelques désirs, alors nous ne lutterons plus avec personne. Quelqu'un qui saisit ce point, comprend vraiment les Six Grands Principes.

Pourquoi recherchons-nous ? C'est parce que nous ne voulons pas être égoïste. La seule raison qu'une personne rechercherait des choses est à cause de l'égoïsme. Avec le non soi, il ne reste plus de raison pour chercher. Et libre du non égoïsme, on ne courra pas après les intérêts personnels. Ces deux parmi des six Règles sont étroitement reliés entre eux. Le non égoïsme crée la condition pour ne pas les intérêts personnels. Les deux noms : « le non égoïsme » et « le non intérêt de soi » résonnent pareillement ; en fait ils ont des différences distinctes.

La dernière est « ne pas mentir ». La seule raison qu'une personne mentirait est sans crainte ; Il a peur de perdre ses intérêts personnels. Cette peur l'emmène à critiquer toute autre personne en disant : « Vous avez tous tort. Je suis la seule personne qui ai raison. » Pourquoi pense-t-il de

cette façon ? Parce qu'il a peur qu'il perdra ses intérêts au profit des gens. Une personne qui ne soupirait après les intérêts personnels n'aurait aucune raison à dire un mensonge. Dans l'analyse finale, à quoi ça sert un mensonge en fin de compte ? Si vous pouvez vraiment comprendre ces six principes fondamentaux, alors vous savez ce qui signifie d'être une personne.

Si vous ne comprenez pas les six Principes, alors vous courez simplement à pas traîné avec le traître de cette mauvaise période. Aussi longtemps que vous couliez avec le temps de la folie, vous n'êtes juste un autre homme fou, aussi fou que la prochaine personne.

C'est mon message pour vous tous aujourd'hui. J'espère que les jeunes gens d'entre vous qui m'entendent, ne deviendront pas fou. Les personnes âgées parmi vous qui devriez même vous contrôler de votre santé. Les petits enfants ici peuvent apprendre les bonnes manières des adultes. Apprenez comment ne pas devenir stupides. Je dis toujours : « Tout se passe bien, pas de problème !

Il y a un peu plus pour ajouter ici. Ne vous effrayez pas quand vous m'entendez appeler la télévision, les radios et les ordinateurs qui mangent des hommes par les lutins. Il n'est pas nécessaire d'avoir peur. Mon espoir est que vous reconnaîtrez clairement ces choses pour ce qu'elles sont. Une fois que vous les admettiez, alors les accessoires électriques perdent leur pouvoir pour embrouiller. Cela est assez pour connaître. Mais si vous êtes embrouillé par eux, alors ils peuvent vous glouglouter.

Le même principe s'applique à la beauté. Si la vue d'un beau visage a le pouvoir de vous embrouiller, alors vous êtes dévoré par le mangeur d'homme. Si la vue de l'argent vous confond, alors vous êtes dévoré par le mangeur d'homme. Si votre intention est d'établir une grande réputation et le renom vous embrouille, alors êtes avalé par le lutin de la renommée. Si la bonne nourriture vous embrouille, quoique vous pensiez que vous jouissiez un délicieux plat, en réalité la nourriture vous a mangé. L'aliment a mangé votre âme spirituel, votre corps de Dharma de Dharma. Il a mangé votre sagesse et vous a abandonné.

Si le sommeil vous garde dans une stupeur pendant plusieurs décennies, et quand vous vous réveillez finalement et vous apercevez de votre

montre qu'il est déjà midi et demi, et alors si vous retournez coucher, vous êtes dévoré par le sommeil. Comprenez-vous donc ceci ?

LES FEMMES DANS LA PORCHERIE

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

La capitale de la province d'Anhui a un drôle de nom : Ho Fei ; qui veut dire : Tous ensembles gros.

A côté du village Pai-tou, Hsuan 4 était un boucher de cochons avec plus de vingt ans d'expérience. Il gagnait beaucoup d'argent dans ce métier et le gardait prudemment, il était alors propriétaire des trois maisons. Il occupait une et faisait louer les deux autres. Il gagnait aussi une centaine d'acres de bonnes terres en blé.

En d'autres termes, il avait réellement assez d'argent pour prendre sa retraite. Mais peu de gens le savent quand ils ont en assez. En effet, Hsuan était si habitué de tuer les cochons qu'il sentit quelque chose de mal s'il laissa un jour passé sans tuer. En vacances, il continuait lui-même à aiguiser les couteaux.

Il se leva très tôt le matin comme d'habitude pour commencer le travail de la journée. Sa femme entra dans le bâtiment extérieur qui était juste à côté de la porcherie. Elle regardait à l'intérieur et poussait un cri qui étonnait son mari et le faisait venir en précipitant : « Qu'avez-vous ? Qu'avez-vous ? »

« Je regardais dans la porcherie, et je voyais deux femmes qui restent là, pas des cochons ! Je pensai que j'ai dû imaginer des choses, alors je frottai les yeux et regardai à nouveau, et il s'agissait réellement deux femmes » !

« Je crois qu'il s'agit un message de malheur chéri. S'il te plaît, arrête de tuer les cochons ! »

« Ha,ha,ha ! Riait Hsuan 4. » Vous avez vraiment un étrange sens d'humour ! Vous êtes endormie !

Madame Hsuan 4 se rendit compte qu'il n'allait pas suivre son conseil, alors elle empoigna son couteau et le jeta directement dans la fosse du curage. Huh ! Hsuan 4 n'avait pas tué de cochons ce jour, mais il sortait acheter un autre couteau.

Le lendemain, madame Hsuan demanda ses parents de venir parler avec son mari : 'Regardez, vous avez déjà plus qu'à assez d'argent pour tenir jusqu'au bout du reste de votre vie. Pourquoi

n'écoutez-vous pas votre femme et vous ne vous en faites pas ?

« Mais, c'est mon métier de tuer les cochons, » dit-il.

« Si vous ne l'arrêtez pas, notre fille va déménager. »

Hsuan 4 réfléchissait sur toute leur vie mariée ensemble et surtout l'argent qu'il avait fait en tuant des cochons.

« Si vous n'en pouvez pas, notre fille va vous quitter. »

« Je crois qu'elle devra partir. »

Hsuan donna à son ex-femme la moitié de leur propriété et elle avait la garde de leur enfant. Quand tout fut installé, Hsuan retournait travailler, et massait ces cochons dans la porcherie, dont sa femme avait pris pour des femmes.

Il assassinait aussi leurs cochonnets et juste quand il eut fini, quelqu'un arriva en courant avec le message qui raconte que son enfant fut tombé mort tout à coup.

Hsuan était plein de remords, mais il était aussi obstiné d'admettre qu'il avait eu tort. Il commença à jouer de l'argent pour supprimer ses soucis. En peu de temps, tous les joueurs savaient que quand Hsuan venait à la table, leurs poches seraient remplies parce que chaque fois qu'il jouait, il perdait.

Sous peu, qu'il avait joué toute la propriété.

« Alors, quoi » ? dit-il, « Je peux toujours retourner pour l'abatage, n'est-ce pas » ? Il amassait sou par sou une somme d'argent et achetait des cochons pour élever et assassiner, mais même pas un mois, il tomba à plat sur son dos et tomba gravement malade.

Il avait une maladie étrange. Le sang et du pus s'écoulaient de son nez, lui faisait beaucoup mal qu'il gémissait. Les gens qui l'entendirent disaient que son gémissement ressemblait à la lamentation d'un cochon.

UNE BICHE QUI SAIT RESPECTER SA PAROLE

Sur une montagne élevée, au fond de la forêt, vivait un troupeau d'environ une centaine de cerfs. Par une belle journée, ils longeaient les prairies vertes, broutant et s'amusant. En très peu

de temps, ils s'approchèrent sans s'en rendre compte de la ville où résidaient les humains. Ce jour-là, le roi accompagné de sa suite sortait de son palais se dirigeait, chevauchant en direction de la campagne, menait une partie de chasse. Perdus au milieu des humains et des chevaux, les cerfs, effrayés, coururent dans tous les sens, laissant une biche enceinte, prête à accoucher, incapable de suivre ses camarades. Fatiguée et affamée, elle accouche de deux bébés faons. Après avoir caché se deux petits dans un buisson, la maman biche se dépêcha d'aller chercher la nourriture. Comme elle était encore toute terrorisée, elle tombe par imprudence dans un fossé. Très inquiète pour ses deux petits faons, la maman biche cherche par tous les moyens à remonter, mais en vain. Alors elle s'est mise à pleurer d'une façon pitoyable. Attiré par ces pleurs, un chasseur s'approcha du fossé, vit une énorme biche. Il la fit monter et s'apprêta à la tuer. La biche se jeta à genoux devant lui et sembla lui dire : "Je viens de donner naissance à deux petits faons, depuis ils n'ont encore rien mangé. Je vous en supplie, laissez-moi partir les revoir, juste un petit moment, pour leur montrer l'endroit où ils pourront se nourrir et boire et je reviens me livrer. Je jure de ne pas manquer à ma parole." Voyant la biche à genoux dans cette attitude suppliante, le chasseur, stupéfait lui dit : "Tout être vivant, même les humains aiment vivre et ont peur de mourir, d'autant plus que tu es un animal. Maintenant tu es entre mes mains, il est hors question que je te lâche." Il n'a nullement l'intention de la laisser partir. La biche continuait à pleurer. Son visage était baigné de larmes. Elle se frappa la tête contre la sole, sembla lui dire : "Ma vie est entre vos mains, je n'ai rien à regretter, seulement j'ai beaucoup de pitié pour mes deux petits faons qui sont encore trop jeunes. Si vous me laissez partir, ils auront encore une chance de survivre, sinon ils mourront sûrement." Devant les paroles si émouvantes accompagnées de sentiments si sincères de la maman biche, le chasseur ne peut s'empêcher de la laisser partir rejoindre ces petits. La maman biche courut rapidement retrouver ses petits à la cachette. Elle leur montra l'endroit où ils pourront trouver de l'herbe et de l'eau. Après quoi, en larmes, elle leur dit : "Quand je suis sortie, par mégarde, je suis tombée entre les mains d'un chasseur. J'ai failli en mourir. Je me suis fait des soucis pour vous. Je l'ai supplié de me lâcher quelques instants pour vous revoir. Oh ! Que vous êtes malheureux et pitoyables. Dorénavant vous n'aurez plus de maman pour s'occuper de vous. Je prie pour que vous soyez heureux dans les jours

qui viennent. Puis laissant les petits faons tout seuls, la biche s'en alla. Les pauvres petits faons un instant auparavant, voyant leur maman de retour s'en furent réjouis. Maintenant ils pleurèrent parce qu'elle s'en alla. Alors ils la suivirent, ne voulant pas la quitter. La maman biche se retourna et leur dit : "Vous ne pouvez absolument pas me suivre, sinon on serait tous tués. C'est une chance que j'ai pu revenir vous revoir, j'en suis très satisfaite. J'accepte volontiers mon sort. Si nous nous sommes réincarnés en animaux dans cette vie présente, c'est parce que dans la vie antérieure, nous avons créé de lourds karmas, d'autant plus que maintenant nous sommes tombés dans une situation plus écœurante, plus tragique. Je me suis fait capturer et bientôt tuer. Après mon départ, j'aimerais que vous formuliez un sermon solide, celui de ne plus jamais vous réincarner en animaux." Mais les petits faons ne voulaient absolument pas obéir à leur maman. Ils étaient bien décidés de la suivre jusqu'au fossé. Le chasseur voyant la biche revenir suivie de deux petits faons se sentait si ému qu'il libéra toute la famille de la biche. Cette histoire fut bientôt rapportée au roi. Devant un animal tel que la biche qui sait respecter sa parole mieux qu'un être humain, le roi, en guise de récompense, ordonna : dorénavant, il est interdit de chasser les cerfs. C'est la raison pour laquelle les cerfs se sont groupés et formaient un troupeau de plus en plus grand. Ils vivaient en toute liberté dans le bonheur, la joie et la paix au milieu de vertes prairies.

En tant qu'animal, mais aimant ses petits, respectant sa parole, la maman biche se comporte exactement comme un être humain. Bouddha avait dit aussi que : tout être vivant dans l'univers est naturellement bon et intelligent comme Bouddha. Cela est donc vrai. Il suffit d'être compatissant pour bénéficier du bon fruit immédiatement dans cette vie présente. Tromper son prochain, c'est se tromper soi-même, de même respecter sa parole envers les autres, c'est précisément s'aider soi-même. L'histoire de la biche qui sait respecter sa parole mérite bien une leçon pour les êtres humains.

LE SOUVENIR DE LA VIE DU VÉNÉRABLE MAÎTRE HSUAN HUA

La suite

UN RENARD BLANC CHERCHE REFUGE

Dans la région Shuang Ch'eng, dans la quatrième région Hsiang Pai Ch'i il y avait une famille nommée Hsia qui nourrissait un renard immortel nommé Hu T'ien Pai et sa suite de plus de 300 membres. L'immortel distribuait des médicaments et utilisait tous ses pouvoirs spirituels pour sauver les gens. Quelque fois, il se transformait en un vieil homme pour donner les bons conseils aux gens des villes et les encourager à pratiquer la vertu. Ainsi il était admiré par la communauté. Un jour, il s'adressait à son assemblée de disciples : Dans trois ans, je prendrai refuge en le Triple Joyau Bouddhiste et suivrai mon maître compatissant pour pratiquer la voie.

Quand les trois ans s'étaient écoulés, le Maître arriva comme prévu et l'immortel et sa suite prirent refuge en son enseignement juste. Ils pratiquaient le mérite et la vertu avec grande vigueur et maintenaient le Dharma en enseignant à beaucoup d'êtres vivants comment éliminer la souffrance et obtenir la bénédiction.

UN DEMON CELESTE PREND REFUGE EN LE TRIPLE JOYAU

Le 12^{ème} jour du 2^{ème} mois de 1945, le Maître arrivait dans le Nord Est de la Chine. Dans la ville, il y avait une Association de la Voie Vertueuse qui se rencontrait quotidiennement pour des conférences sur la voie et la vertu. Parce que beaucoup de membres étaient des disciples du Maître, chaque fois qu'il voyageait près de cette ville, il y restait quelques jours.

Cette fois, le Maître rencontra un astrologue chinois nommé Chou qui dressait son horoscope. L'astrologue dit :-Vous devriez être un officier. Pourquoi avez-vous quitté la maison ? Si vous aviez voulu, vous auriez pu être un grand officier. -Je n'ai pas d'idée de devenir un officier, dit le Maître. Mais je sais comment être un Bhikshu et alors j'ai quitté la famille.

Quel dommage ! dit l'astrologue. Et il regardait la main du Maître. Au moins, vous auriez pu être un mandarin impérial de premier rang.

Non, dit le Maître, je n'aurai pas pu parvenir au but.

Oh, ajouta l'astrologue. Cette année, quelque chose de très chanceux arrivera qui changera votre vie. Après le 10^{ème} ou le 12^{ème} du mois prochain, les choses seront différentes. A ce moment là, tous les gens à 350 miles croiront en vous mais après le 10^{ème} du mois prochain, tout le monde à 3 500 miles croiront en vous.

Comment cela ? demanda le Maître.

Quand arrive le moment, vous verrez, dit-il.

Deux jours plus tard, le Maître est allé au village de Hsiang Pai Ch'i, la quatrième région et rendait visite à son disciple Hsia Tsun Hsian qui avait plus de 60 ans. Mr. Hsia était le plus riche propriétaire foncier dans la région et n'avait jamais cru au Bouddhisme jusqu'à ce qu'il vit le Maître et décida immédiatement de prendre refuge auprès de lui. Lui et sa famille, plus de 30 personnes, prirent tous refuge et chaque fois que le Maître leur rendait visite, ils étaient extrêmement heureux. A cette occasion, le Maître restait pendant 10 jours et en ce temps 72 personnes ont pris refuge.

Le 25^{ème} jour, le Maître se mit en route pour la ville de Shuang Ch'eng dans le chariot de Mr. Hsia. Bien que c'étaient les premiers jours du printemps, le temps était plutôt froid. Le conducteur et son assistant étaient vêtus de manteaux en fourrure, de pantalons et de chapeaux, mais le Maître était habillé de sa robe en lambeaux ordinaire faite de trois couches de chiffons en fin coton, d'un pantalon fait de deux couches de torchons, de sandales de style Arhat ouvertes sans chaussettes et d'un chapeau pointu qui ne couvrait pas ses oreilles.

Ils partirent à trois heures de matin jusqu'à l'aube et arrivaient à Shuang Ch'eng à sept heures du matin. Le gardien et le conducteur s'étaient arrêtés à plusieurs reprises pour faire des exercices pour se tenir chaud, mais le Maître était resté dans le chariot. Quand ils arrivaient, le

Maître descendit du chariot. Le conducteur s'exclama :-Nous pensions que vous aviez sûrement gelé à mourir.

Le Maître restait avec des amis, des laïcs qui protègent le Dharma, pendant quelques jours. Et le 9^{ème} jour du 3^{ème} mois, il retournait à la maison de Hsia Tsun Hsiang à Hsiang Pai Ch'i. En arrivant, on lui dit qu'une de ses nouveaux disciples, la fille de Hsia Wen Shan, était tombée gravement malade. Elle n'avait pas mangé, ni bu, ni dormi pendant une semaine. Elle ne parlait pas et elle regardait avec des yeux pleins de violence et de colère comme si elle voulait battre les gens.

Alors sa mère vint :-Maître, dit-elle. Ma fille est très malade depuis une semaine après avoir pris refuge. Je ne peux pas la guérir. Et elle décrivait la maladie.

Le Maître dit :-Je ne peux pas la guérir, mais mon disciple Han Kang Chi a ouvert ses cinq yeux et connaît le passé des gens, le présent et les affaires du futur. Vous devriez lui demander.

Han Kang Chi avit pris refuge aussi à Chuang Ch'eng le 24^{ème} jour du 2^{ème} mois. D'abord, le Maître avait refusé de le considérer comme un disciple parce qu'avant que le Maître ait quitté la maison, les deux avaient été très bons amis et avaient travaillé ensemble dans l'Association de la Voie Vertueuse. Après que le Maître quitta la maison, Han Kang Chi a ouvert les cinq yeux. Il regarda le Maître et vit que, vie après vie, le Maître avait toujours été son Maître.

Mais si je ne prends pas refuge avec vous, je sais que dans cette vie, je tomberai certainement, dit Han Kang Chi. Et il s'agenouilla par terre, déterminé à prendre refuge.

Le Maître était simplement déterminé à ne pas l'accepter. Mais Han s'agenouillait pendant peut-être une demi-heure quand le Maître dit finalement :

Ceux qui prennent refuge avec moi doivent offrir leur comportement en accord avec l'enseignement.

Vous avez du talent, vous connaissez le passé, le présent et le futur. Vous arrive-t-il d'être arrogant ? Votre fierté vous empêche-t-elle d'obéir aux enseignements ?

Maître, dit-il. J'obéirai certainement. Si vous me dites de me jeter dans un chaudron de soupe bouillante, je le ferai. Si vous me dites de marcher sur le feu, je marcherai. Je resterai à mon poste et ne démissionnerai pas. Si je me bouillais ou me brûlais jusqu'à la mort, c'est entendu.

Vous feriez mieux de dire la vérité, dit le Maître. Si je vous donne des instructions, vous ne pouvez pas les ignorer.

Quoiqu'il en soit, dit-il, vous me dites de le faire, je le ferai et ne craindrai pas de danger, quelqu'il soit.

Et alors Han Kang Chi était un des soixante deux qui ont pris refuge, le vingt quatrième.

Quand le Maître entendit qu'une de ses disciples était malade, il dit à Hang Kang Chi :-Vous pouvez diagnostiquer les maladies. Jetez un coup d'oeil.

Hang Kang Chi se mit à méditer et fit un examen contemplatif de la maladie. Tout à coup, son visage pâlit de terreur.

Maître, dit-il, nous ne pouvons pas manier celle-là. Elle dépasse notre contrôle. Le démon qui provoque la maladie est extrêmement violent et peut prendre une forme humaine pour apporter le chaos dans le monde et le mal à l'humanité.

Qu'est-ce qu'il fait de si violent, ce démon ? Demanda le Maître.

Le démon était un esprit il y a longtemps sous la dynastie de Chou, dit-il. Parce qu'il ne se comportait pas correctement, un homme avec des pouvoirs spirituels l'a brisé à coups de tonnerre. Mais son esprit n'a pas complètement dispersé et plus tard, il a fusionné en un démon puissant qui peut voler et disparaître selon son désir.

(à suivre)

Nhân báo Phật pháp dài hạn

Je souhaite recevoir la revue Bouddhadharma

Họ và Tên / Nom et prénom :

Địa Chỉ / Adresse :

Điện Thoại / Téléphone :

1 năm / 1 an 25 € Từ số/Du N. : đến số/Au N. :

2 năm / 2 ans 45 € Từ số/Du N. : đến số/Au N. :

3 năm / 3 ans 70 € Từ số/Du N. : đến số/Au N. :

L'HISTOIRE DU BOUDDHA

La suite

« Channa, pourquoi cet homme s'allonge-t-il si silencieux dans la caisse ? Est-il endormi ? Et pourquoi tous ces gens pleurent-ils ? Où l'amènent-ils ? »

« C'est un homme mort, Seigneur. Ils vont à la rivière là où ils incineront son corps. »
Le prince était embarrassé. « Que veux-tu dire par « mort » ? Et s'ils incineront son corps, cela ne lui fera pas mal ? » S'il te plaît Channa, explique ce que tu veux dire pour que je puisse comprendre. »

Et alors Channa expliquait, en disant au Prince la vérité, que son père avait essayé de lui cacher tous depuis des années. « Cet homme était une fois vivant comme vous et moi maintenant. Il était né, grandissait et ensuite il devint un jeune homme. Il éprouvait plusieurs plaisirs et douleurs de la vie. Il fondait une famille, travaillait d'ur pour gagner la vie et vieillissait. Ensuite, il commença à devenir de plus en plus faible. Il fut alité. Bien qu'il soit incapable de reconnaître même ses amis intimes. Il s'aggrave et son souffle quitta éventuellement son corps. Et avec son dernier souffle, son intelligence et sa force de vie le quittaient aussi. Maintenant, il est mort. Tout ce qui est resté c'est le corps qu'il aimait beaucoup quand il était encore en vie. IL se couche là froid et sans sensation. Quand sa famille brûle son corps, il ne ressentira rien du tout.

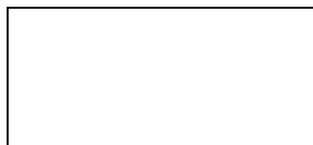
« Dis-moi Channa, est-il exceptionnel pour les gens de mourir comme ceci ? » Le cocher répondit : « Non, mon Prince, pas du tout. Il est vrai qu'il y a des gens qui n'ont jamais l'occasion de grandir et il y a certains qui sont très rarement malades. Mais tout être vivant, sans exception doit mourir un jour. »

Ces paroles, prononcées en toute innocence par le cocher, choquait profondément le Prince. « Voulez-vous dire, » s'exclama-t-il passionnément, » qu'un jour ma femme, mon fils, mes amis et moi-même serons tous morts ? Et tous ces gens que je vois ici aujourd'hui, tous bien habillés et si ravissants, mouriront aussi ? Oh ! comme le monde est aveugle, qu'il danse et chante pendant que la mort est entrain d'atteindre tout le monde ! Pourquoi se soucient-ils tous à bien s'habiller si un jour ils ne seront habillés rien de plus qu'un simple drap blanc ? Ont-ils de courtes mémoires pareilles qu'ils oublient de la mort ? Ou leur coeur est-il si fort que la pensée de la mort ne leur inquiète pas ? Viens, Channa, fais demi-tour. Je veux retourner au palais pour réfléchir. »

Mais Channa ne l'obéit pas, il l'a conduit au beau jardin. Là tous les chanteurs et les danseuses les plus charmantes du palais l'attendaient, avec des musiciens, des ministres et une grande fête préparée par les chefs du palais. Ils accueillaient tous le Prince avec joie et poussaient des hurrahs lorsqu'il descendit de la charette. Mais le Prince ne souriait pas, ni ne disait rien. Il était totalement plongé dans ses réflexions, de ce qu'il avait vu cette journée.

(à suivre)

Chùa/Pagode Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny-France
Tel./Fax : 01.48.50.98.66
kimquang@free.fr
kimquangtu@hotmail.com



Nhất cú Di Đà vạn pháp vương
Ngũ thời bát giáo tận hàm tạng
Hành nhân dẫn năng chuyên trì niệm
Định nhập Như Lai Bất Động đường

Tạm dịch :

*Một câu Di Đà vua muôn pháp
Năm thời tám giáo bao trùm khắp
Những ai chuyên trì niệm danh Ngài
Sẽ vào thiên định bất động Như Lai.*

Giáo lý của Phật Thích Ca được phân thành tám giáo : Tạng, thông, biệt, viên, đốn, tiệm, bí mật, bất định. Năm thời : Thời Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa và Niết Bàn. Năm thời tám giáo đều được bao hàm trong một câu Di Đà.

Những người nào chuyên niệm danh hiệu A Di Đà, thì chắc chắn sẽ được vãng sinh về cõi Tịnh Độ Thường Tịch Quang. Chúng sinh trong đời mạt pháp sẽ được cứu độ nhờ niệm danh hiệu Phật. Nếu chúng ta muốn được tiếp độ, thì phải thường niệm Phật.

Hoà Thượng Tuyên Hoá